

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



Quyển 1/2

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 19 tháng 06 năm 2023)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số .h/h./GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày .25 tháng .3.. năm 2025)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Vietcap

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

Trụ sở chính: 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 62 679 679

Fax: (84-28) 6263 8668

Website: <https://bvbank.net.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, Tầng 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3914 3588

Fax: (84-28) 3914 3209

Website: <https://www.vietcap.com.vn/>

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6262 6999

Fax: (84-24) 6278 2688

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Nguyễn Thanh Tú

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Số điện thoại: (84-28) 62 679 679

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 03/2025

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

BVBank

Ngân hàng Bản Việt

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 19 tháng 06 năm 2023)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày tháng năm 2025)

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Vietcap

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

Trụ sở chính: 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 62 679 679

Fax: (84-28) 6263 8668

Website: <https://bvbank.net.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, Tầng 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3914 3588

Fax: (84-28) 3914 3209

Website: <https://www.vietcap.com.vn/>

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6262 6999

Fax: (84-24) 6278 2688

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Nguyễn Thanh Tú

Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Số điện thoại: (84-28) 62 679 679

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 03/2025

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 19 tháng 06 năm 2023)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Bản Việt
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/ cổ phần
Giá chào bán dự kiến (đối với chào bán cho cổ đông hiện hữu):	10.000 đồng/ cổ phần
Tổng số lượng chào bán:	68.980.776 (Sáu mươi tám triệu chín trăm tám mươi nghìn bảy trăm bảy mươi sáu) cổ phiếu
Tổng giá trị chào bán (theo mệnh giá)	689.807.760.000 (Sáu trăm tám mươi chín tỷ tám trăm lẻ bảy triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH KPMG (Kiểm toán BCTC năm 2022)

Địa chỉ: Tầng 46 Toà tháp Keangnam, Hanoi Landmark Tower, Toà nhà 72, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Số điện thoại: (84-24) 3946 1600

Website: <https://kpmg.com/vn>

CÔNG TY TNHH Ernst & Young Việt Nam (Kiểm toán BCTC năm 2023)

Địa chỉ: Tầng 20, Trung tâm Tài chính Bitexco, 2 Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại: (84-24) 3824 5252

Website: https://www.ey.com/vi_vn/

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP (VIETCAP)



Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, Tầng 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 3914 3588 Fax: (84-28) 3914 3209

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84-24) 6262 6999 Fax : (84-24) 6278 2688

Website: <https://www.vietcap.com.vn/>

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH ...	1
1. Tổ chức phát hành	1
2. Tổ chức tư vấn.....	1
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	2
1. Rủi ro về kinh tế.....	2
2. Rủi ro luật pháp	6
3. Rủi ro đặc thù	6
4. Rủi ro của đợt chào bán.....	10
5. Rủi ro pha loãng	10
6. Rủi ro quản trị công ty.....	12
7. Rủi ro khác	12
III. CÁC KHÁI NIỆM	14
1. Các khái niệm.....	14
2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt.....	15
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	16
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	16
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	18
3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Ngân hàng	24
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Ngân hàng	25
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	29
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Ngân hàng	30
7. Thông tin khác về khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác	33
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	33
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	34
10. Hoạt động kinh doanh	34
11. Chính sách đối với người lao động	57
12. Chính sách cổ tức	60
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	60
14. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	64

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán..... 65

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích 65

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 66

1. Kết quả hoạt động kinh doanh..... 66

2. Tình hình tài chính 68

3. Ý kiến của kiểm toán về Báo cáo tài chính của BVBank qua các năm..... 76

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức 78

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 79

1. Thông tin về cổ đông sáng lập..... 79

2. Thông tin về cổ đông lớn..... 79

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát..... 79

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN..... 104

1. Loại cổ phiếu 104

2. Mệnh giá..... 104

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán 104

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá 104

5. Giá chào bán dự kiến..... 104

6. Phương pháp tính giá..... 104

7. Phương thức phân phối..... 104

8. Đăng ký mua cổ phiếu..... 105

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu..... 105

10. Phương thức thực hiện quyền (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi) 106

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu..... 106

12. Tài khoản phong toả nhận tiền mua cổ phiếu..... 107

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành 107

14. Huỷ bỏ đợt chào bán..... 108

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	108
16. Các loại thuế có liên quan	108
17. Thông tin về các cam kết.....	109
18. Thông tin về các chứng khoán khác được phát hành trong cùng đợt.....	110
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	110
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	110
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	110
1. Tổ chức tư vấn.....	110
2. Tổ chức kiểm toán.....	111
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	111
XII. PHỤ LỤC.....	111

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỀ NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT

- Ông Lê Anh Tài Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Ông Ngô Quang Trung Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ông Lý Công Nha Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

- Ông Nguyễn Quang Bảo Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
kiểm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Theo Quyết định số 08/2023/QĐ.TGD.VIETCAP ngày 17/04/2023 của Tổng Giám đốc về việc Ủy quyền Phó Tổng Giám đốc ký thay Tổng Giám đốc.

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt do Công ty cổ phần Chứng khoán Vietcap tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ số 10/2024/HĐ-IBHN.VIETCAP ngày 15 tháng 05 năm 2024 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Ngoài những thông tin có tại các phần khác của Bản Báo Bạch này, nhà đầu tư dự kiến mua Cổ Phiếu nên xem xét kỹ lưỡng các yếu tố rủi ro dưới đây trước khi mua Cổ Phiếu. Việc xảy ra một hoặc nhiều sự kiện được trình bày dưới đây có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành – BVBank. Ngoài ra, có thể có những rủi ro khác có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến khoản đầu tư Cổ Phiếu nhưng BVBank chưa biết đến hoặc được coi là không trọng yếu tại thời điểm hiện tại.

1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động kinh doanh của Ngân hàng chịu ảnh hưởng lớn bởi các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách điều hành của Chính phủ cũng như chính sách phát triển ngành dịch vụ tài chính.

Toàn bộ doanh thu của BVBank đều phát sinh từ Việt Nam và hoạt động kinh doanh của BVBank nằm trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, hoạt động kinh doanh của BVBank phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách ở Việt Nam. Mức độ ảnh hưởng từ các yếu tố vĩ mô tới BVBank tỷ lệ thuận với mức độ can thiệp của Nhà nước, trình độ phát triển, tốc độ tăng trưởng, quản lý ngoại hối, kiểm soát lương và giá cả và hạn chế đối với hàng hoá nhập khẩu.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Trong năm 2020 và 2021, Việt Nam đã bị ảnh hưởng nghiêm trọng trước sự bùng phát và lan rộng nhanh chóng của đại dịch Covid-19. Kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng mạnh khi tăng trưởng GDP chỉ đạt 2,91% trong năm 2020 và 2,58% trong năm 2021. Bước sang năm 2022, nền kinh tế thế giới phải đối mặt với nhiều thách thức lớn, những biến động về kinh tế - chính trị. Một số sự kiện nổi bật đã tác động tiêu cực đến triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu, có thể kể đến như: (i) Đại dịch Covid-19 tiếp tục gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là nền kinh tế lớn thứ 02 thế giới là Trung Quốc; (ii) Chiến tranh Nga – Ukraine và đi kèm theo nó là hàng loạt các biện pháp trừng phạt kinh tế đã gây ra một cú sốc lớn cho nền kinh tế toàn cầu, làm rối loạn thị trường tài chính và khiến giá cả các sản phẩm dịch vụ thiết yếu như năng lượng, lương thực tăng mạnh lên những mức kỷ lục mới và (iii) lạm phát tăng mạnh trên quy mô toàn cầu.

Những khó khăn chung của nền kinh tế thế giới cũng tác động không nhỏ đến nền kinh tế ngày càng có độ mở lớn như Việt Nam. Tuy nhiên với các chính sách linh hoạt và kịp thời, có thể kể đến như việc Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 43/QH15/2022, đồng thời các cơ quan, ban ngành Chính phủ các cấp cũng đã triển khai tích cực, quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp được nêu trong các Nghị quyết của Chính phủ như Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 11/NQ-CP về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội ... đã giúp cho nền kinh tế Việt Nam phục hồi mạnh mẽ trong năm 2022.

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2022 tăng 8,02% so với năm 2021, đạt mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2012 – 2022, qua đó đưa nền kinh tế Việt Nam trở thành điểm sáng trong bức tranh âm ảm của nền kinh tế toàn cầu.

Năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm; lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công thế giới đã tăng lên mức kỷ lục,

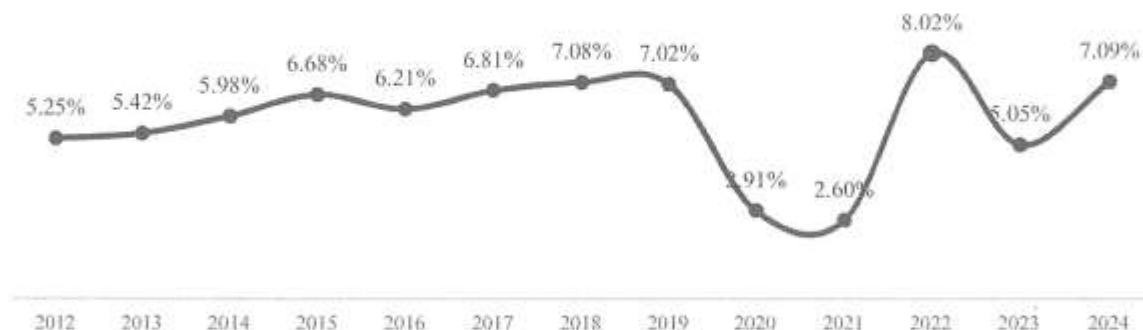
xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine phức tạp hơn, bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng gia tăng.

Kinh tế Việt Nam năm 2023 mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động, linh hoạt, quyết liệt, sát sao chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương cùng với sự đoàn kết, tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế, nhờ đó kinh tế nước ta vẫn đạt được kết quả khá quan cho thấy nền kinh tế tiếp tục có xu hướng phục hồi mới mức tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước.

Năm 2023, tăng trưởng kinh tế đạt 5,05%; trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83% đóng góp 0,46 điểm phần trăm; công nghiệp, xây dựng tăng 3,74% đóng góp 1,51 điểm phần trăm (riêng công nghiệp tăng 3,02%) và dịch vụ tăng cao nhất với 6,82% đóng góp 3,25 điểm phần trăm và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,33%.

Tình hình kinh tế Việt Nam trong năm 2024 tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực, quý sau cao hơn quý trước. Cụ thể, GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2012 - 2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%.

Hình 1: Tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn từ năm 2012 - 2024



Nguồn: Tổng cục thống kê

Nền kinh tế khi đi vào quỹ đạo tăng trưởng ổn định sẽ mở ra nhiều cơ hội phát triển cho các doanh nghiệp trong nước nói chung cũng như cho BVBank nói riêng. Tuy nhiên, trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị xã hội thế giới còn nhiều vấn đề bất ổn, kinh tế Việt Nam vẫn chứa đựng các rủi ro tiềm ẩn khi xảy ra sẽ nhanh chóng tác động tiêu cực đến tốc độ phát triển và dòng tiền của nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của BV Bank.

Theo đó, BVBank không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm chắc chắn nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo. Sự suy thoái của nền kinh tế chắc chắn sẽ dẫn tới những ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của BVBank. Tuy nhiên, BVBank cam kết nỗ lực tối đa trong việc kiểm soát và nhận diện sớm các nguy cơ tiềm ẩn đến từ các yếu tố kinh tế vĩ mô, xây dựng và triển khai các biện pháp khắc phục kịp thời và hiệu quả. Bên

cạnh đó, BVBank cũng cam kết không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ, hoàn thiện hệ thống quản lý nội bộ nhằm nâng cao vị thế của mình trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

1.2. Rủi ro lạm phát

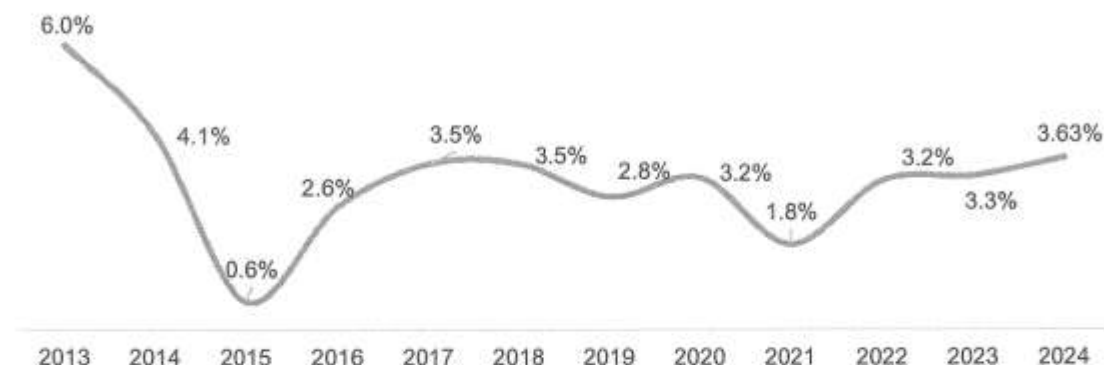
Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và BVBank nói riêng. Trong những năm gần đây, Chính phủ đã triển khai quyết liệt các biện pháp kiềm chế lạm phát và ổn định vĩ mô, mục tiêu kiểm soát lạm phát thực hiện trong giai đoạn 2020 – 2024 đã thành công ở mức dưới 4%, (3,23% năm 2020, 1,84% trong năm 2021, sau đó tăng lên 3,15% năm 2022, 3,25% trong năm 2023 và 3,63% trong năm 2024).

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023, theo đó lạm phát đã được kiểm soát vượt mục tiêu Quốc hội giao từ đầu năm. Đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội ở trong nước, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm sáng trong kết quả phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2024.

Để ổn định kinh tế vĩ mô, thành công trong việc kiểm soát lạm phát, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai quyết liệt nhiều giải pháp trong năm 2024 như đảm bảo thông suốt hoạt động cung ứng, lưu thông, phân phối hàng hóa, nhất là đối với các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống của người dân. Chú trọng tăng cường công tác quản lý, điều hành giá, đặc biệt trong thời điểm thiên tai, bão lũ, kịp thời xuất cấp hàng dự trữ quốc gia để hỗ trợ, cứu trợ người dân bị thiệt hại do bão lũ. Điều hành giá các mặt hàng nhà nước định giá, các dịch vụ công theo lộ trình thị trường một cách thận trọng. Các chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí để hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp cũng được Chính phủ tiếp tục thực hiện trong năm 2024. Chính sách tiền tệ được điều hành chủ động, linh hoạt, kịp thời và hiệu quả đã góp phần kiểm soát lạm phát. Ngoài ra, sự hạ nhiệt của lạm phát thế giới đã tác động tới lạm phát của Việt Nam, giảm bớt áp lực từ kênh nhập khẩu lạm phát.

Tuy nhiên, việc kiểm soát lạm phát năm 2025 vẫn đang hiện hữu nhiều thách thức trong bối cảnh có nhiều yếu tố gây áp lực lên mặt bằng giá. Cụ thể như: (i) Giá nguyên vật liệu đầu vào thế giới đang ở mức cao do bị ảnh hưởng bởi căng thẳng địa chính trị, bảo hộ thương mại, Việt Nam là nước nhập khẩu nhiều nguyên liệu phục vụ sản xuất nên sẽ ảnh hưởng đến chi phí, giá thành, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên; (ii) thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ do nhà nước quản lý theo hướng tính đúng, tính đủ các yếu tố, các chi phí thực hiện vào giá dịch vụ y tế và học phí giáo dục sẽ tác động làm tăng CPI; (iii) Việc cải cách tiền lương và tăng lương tối thiểu vùng từ tháng 07/2024 sẽ kéo theo giá các hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng trong gia đình tăng lên; (iv) Thiên tai và dịch bệnh có thể gây ảnh hưởng đến giá lương thực, thực phẩm tại một số địa phương, điều này cũng sẽ tác động làm tăng CPI và (v) Các chương trình hỗ trợ phục hồi, giải ngân đầu tư công của Chính phủ, dịch vụ du lịch... dự kiến sẽ gây áp lực lên mặt bằng giá trong năm 2025.

Hình 1: Tỷ lệ lạm phát giai đoạn 2013 – 2024



Nguồn: Tổng cục thống kê

Đối với một ngân hàng hoạt động trong lĩnh vực cho vay tiêu dùng như BVBank, trong trường hợp lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Ngân hàng thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí huy động vốn, nhân sự, đầu tư hạ tầng máy móc, văn phòng, v.v... Ngoài ra, doanh thu của Ngân hàng cũng có nguy cơ sụt giảm khi tập khách hàng chính của BVBank là những người yếu thế, dễ bị tổn thương khi lạm phát tăng cao.

1.3. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất bao gồm rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng và rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh. Rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng là khả năng xảy ra tổn thất đối với thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (BVBank) do sự biến động bất lợi của lãi suất. Trong khi đó, rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh là khả năng xảy ra tổn thất đối với danh mục kinh doanh của BVBank do sự biến động bất lợi của lãi suất, ảnh hưởng đến giá trị danh mục.

- Đối với rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng: tổn thất có thể xảy ra do sự chênh lệch về giá trị giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất theo từng kỳ hạn và do sự chênh lệch giữa thời lượng bình quân của tổng tài sản có và tổng tài sản nợ. Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất và khe hở thời lượng, thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế vốn của BVBank có thể sẽ bị ảnh hưởng.
- Đối với rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh: tổn thất có thể xảy ra do sự chênh lệch giữa giá trị thị trường và giá trị mua vào của danh mục kinh doanh. Khi lãi suất thị trường biến động bất lợi, tùy thuộc vào tính chất của danh mục, chênh lệch này có thể sẽ biến động và gây tổn thất cho BVBank.

Rủi ro lãi suất được BVBank đánh giá, đo lường và giám sát dựa trên tình hình hoạt động kinh doanh của BVBank, các nhận định về diễn biến, biến động lãi suất trên thị trường luôn đảm bảo tuân thủ giới hạn rủi ro của BVBank và các quyết định, định hướng của Hội đồng ALCO liên quan đến quản lý rủi ro lãi suất cũng như việc đưa ra các mức lãi suất phù hợp với hoạt động của Ngân hàng.

1.4. Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là khả năng xảy ra tổn thất đối với trạng thái ngoại tệ của BVBank do sự biến động bất lợi của tỷ giá.

Rủi ro ngoại hối của BVBank hiện nay phát sinh từ các hoạt động kinh doanh, phục vụ khách hàng và hoạt động đầu tư của Sở ngân hàng. Trạng thái ngoại tệ được quản lý tập trung tại Trụ sở chính.

2. Rủi ro luật pháp

BVBank là tổ chức hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh có điều kiện (ngân hàng – tài chính – tiền tệ), do vậy, bên cạnh việc phải tuân thủ các quy định pháp luật chung tại Luật Doanh Nghiệp, BVBank còn chịu sự điều chỉnh chặt chẽ của pháp luật chuyên ngành ngân hàng như Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Ngân hàng nhà nước... Hiện nay, Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ, do vậy hệ thống pháp luật của Việt Nam đang không ngừng được xây dựng nhằm nội luật hóa các cam kết của Việt Nam tại các điều ước quốc tế nhằm hướng tới mục tiêu hoàn thiện một khung pháp lý mới chặt chẽ hơn cho các tổ chức tín dụng (“TCTD”) tại Việt Nam, trong đó có các ngân hàng thương mại cổ phần như BVBank.

Từ năm 2015 cho đến nay, Quốc hội Việt Nam đã thông qua một số đạo luật quan trọng nhằm hoàn thiện khung pháp lý cho môi trường kinh doanh và hoạt động của các tổ chức tín dụng tại Việt Nam, gồm: Luật số 46/2010/QH12 về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Luật số 32/2024/QH15 về Các tổ chức tín dụng; Luật số 68/2014/QH13 về Doanh nghiệp và Luật số 67/2014/QH13 về Đầu tư. Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2024, sẽ giải quyết được các tồn đọng khi áp dụng Luật Các TCTD năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Luật được hoàn thiện theo hướng chặt chẽ, hiệu quả đối với các vấn đề tồn tại đang được dư luận quan tâm hiện nay; qua đó, hướng tới hoàn thiện hơn nữa các quy định đối với các TCTD trong hoạt động ngân hàng.

Trên thực tế, mặc dù Chính phủ, Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn luật nhằm chi tiết hóa các luật liên quan tới các tổ chức tín dụng, từ đó, góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý và giúp cơ quan có thẩm quyền quản lý chặt chẽ hoạt động của các tổ chức tín dụng và thị trường tài chính, nhưng cho đến nay, nhiều văn bản hướng dẫn luật, đặc biệt là Luật Các tổ chức tín dụng vẫn còn cần tiếp tục được hoàn thiện hoặc chờ ban hành. Việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa ban hành các chính sách, văn bản, quy định hướng dẫn luật có thể đặt ra các thách thức không nhỏ cho các tổ chức tín dụng (trong đó có BVBank) vì việc chưa được hướng dẫn áp dụng đầy đủ, kịp thời, đồng bộ các văn bản pháp luật điều chỉnh có thể dẫn đến rủi ro về mặt pháp lý đối với hoạt động ngân hàng.

Ngoài ra, với đặc điểm là một ngân hàng cổ phần đại chúng được đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch UPCoM, hoạt động kinh doanh của BVBank cần phải tuân thủ theo Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro cơ bản đối với hầu hết các ngân hàng thương mại (NHTM) nói chung và BVBank nói riêng do hoạt động cấp tín dụng vẫn là hoạt động chính tại các NHTM. Rủi ro này xảy ra khi Bên được cấp tín dụng, bên có nghĩa vụ hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có

khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ theo cam kết đã ký trong hợp đồng. Rủi ro tín dụng phát sinh từ các nguyên nhân chính như:

- Từ bản thân các ngân hàng: Do chính sách và quy trình tín dụng chưa chặt chẽ, công tác quản trị rủi ro chưa hữu hiệu, việc thẩm định khách hàng chưa chặt chẽ, chưa tuân thủ đúng và đầy đủ quy trình, quy định của BVBank, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của một số cán bộ tín dụng còn chưa đáp ứng yêu cầu...
- Từ khách hàng: Do năng lực quản trị điều hành của bộ máy lãnh đạo đơn vị còn hạn chế, công nghệ sản xuất của khách hàng lỗi thời và không đủ khả năng tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao, khách hàng không có đủ tiềm lực về vốn để thực hiện phương án kinh doanh theo kế hoạch, khách hàng cố tình lừa đảo...
- Từ phía môi trường kinh doanh: Do nguyên nhân bất khả kháng (thiên tai, dịch họa, dịch bệnh,...), thay đổi từ chính sách kinh tế vĩ mô và môi trường pháp lý, suy giảm đối với ngành mà khách hàng hoạt động hoặc của nền kinh tế nói chung, nguyên nhân do thông tin không cân xứng.

Trong điều kiện kinh doanh có nhiều thay đổi như hiện nay và các chủ thể kinh tế có mối quan hệ qua lại lẫn nhau, việc quản lý rủi ro tín dụng trở nên phức tạp, ngoài ra hoạt động tín dụng đóng góp nguồn thu quan trọng trong hoạt động của BVBank, từ thực tế đó yêu cầu Ngân hàng không ngừng tăng cường khả năng quản trị rủi ro, đặc biệt là rủi ro tín dụng.

3.2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hoá trên thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm:

- Rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của Ngân hàng dẫn đến khả năng BVBank phải đối mặt với sự suy giảm lợi nhuận hoặc các tổn thất liên quan đến tài sản do sự biến động của lãi suất.

Rủi ro lãi suất được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai) giữa tổng số dư các khoản cấp tín dụng (tài sản có) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, so với tổng số dư các khoản huy động (tài sản nợ) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, còn gọi là chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất (Re-pricing Gap). Do vậy, nếu BVBank phải điều chỉnh tăng lãi suất huy động, trong khi không/chưa điều chỉnh lãi suất cho vay thì dẫn đến giảm thu nhập,

- Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro về ngoại hối (rủi ro tỷ giá) là rủi ro gây ra tổn thất cho Ngân Hàng do duy trì các trạng thái ngoại tệ khi tỷ giá biến động bất lợi. Rủi ro ngoại hối phát sinh khi có sự biến động về tỷ giá ngoại hối trên thị trường đối với các khoản mục tài sản Nợ và tài sản Có bằng ngoại tệ tại Ngân Hàng, dẫn đến khả năng BVBank phải đối mặt với sự suy giảm lợi nhuận khi thực hiện đánh giá lại các khoản mục đó sang VND.

- Rủi ro giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu là rủi ro do biến động bất lợi của giá cổ phiếu trên thị trường đối với giá trị của cổ phiếu, giá trị chứng khoán phái sinh trên sổ kinh doanh của ngân hàng. Khi có biến động bất lợi như vậy phát sinh sẽ làm tăng chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh và/hoặc chứng khoán đầu tư, theo đó làm suy giảm lợi nhuận của Ngân hàng.

- **Rủi ro giá hàng hoá**

Rủi ro giá hàng hoá là rủi ro biến động bất lợi của giá hàng hoá trên thị trường đối với giá trị của sản phẩm phái sinh hàng hoá, giá trị của sản phẩm trong giao dịch giao ngay chịu rủi ro giá hàng hoá của Ngân hàng. Hiện nay BVBank không kinh doanh hàng hóa do đó không phát sinh rủi ro giá hàng hóa.

BVBank đã xây dựng và ban hành đầy đủ các chính sách, hệ thống, quy định và quy trình về quản lý rủi ro thị trường, thiết lập hệ thống hạn mức và thực hiện rà soát định kỳ nhằm đảm bảo các giới hạn theo quy định của NHNN cũng như quy định nội bộ của BVBank, hạn chế tối đa các tổn thất, rủi ro.

3.3. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là các tổn thất có thể xảy ra do sự chênh lệch về giá trị giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất theo từng kỳ hạn và do sự chênh lệch giữa thời lượng bình quân của tổng tài sản có và tổng tài sản nợ. Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái khe hở tài sản nhạy cảm lãi suất và khe hở thời lượng, thu nhập ròng từ lãi và giá trị kinh tế vốn của BVBank có thể sẽ bị ảnh hưởng.

3.4. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với Ngân hàng. Rủi ro hoạt động là loại hình rủi ro trọng yếu, có phạm vi xuất hiện rộng không chỉ trong các hoạt động nội bộ của Ngân hàng mà còn nằm trong các tình huống xảy ra bên ngoài Ngân hàng và nằm ngoài sự kiểm soát của Ngân hàng nhưng có thể tác động đến Ngân hàng, rủi ro hoạt động có thể tăng lên cùng với mức độ phức tạp trong hoạt động của Ngân hàng.

Đối với BVBank, để đáp ứng chiến lược kinh doanh và phát triển ngân hàng bán lẻ, việc triển khai đầu tư mở rộng hoặc phát triển các kênh giao dịch trực tuyến là xu thế tất yếu, đi kèm với đó, các rủi ro liên quan đến rủi ro hoạt động của hệ thống CNTT sẽ có nguy cơ gia tăng hoặc phát sinh với tần suất nhiều hơn.

Ngoài ra, các rủi ro gian lận, rủi ro tác nghiệp cũng là nội dung cần chú ý khi mở rộng quy mô hoạt động cũng như gia tăng số lượng khách hàng và tần suất giao dịch.

Đây là những loại rủi ro liên quan đến rủi ro hoạt động mà BVBank cần chú trọng kiểm soát trong thời gian tới để đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả.

3.5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản có thể bắt nguồn từ việc BVBank không thể lường trước và dự phòng đầy đủ những giảm sút về nguồn vốn, từ đó có thể dẫn tới những ảnh hưởng bất lợi đến khả năng đáp ứng của BVBank đối với các nghĩa vụ thanh toán đến hạn.

Thời gian qua, bên cạnh việc tiếp tục tạo dựng uy tín đối với các khách hàng tiền gửi lớn/ truyền thống, BVBank đã tích cực chú trọng gia tăng huy động vốn từ các khách hàng mới, theo đó, số dư huy động vốn tăng trưởng đều qua các năm. Đồng thời BVBank tiếp tục duy trì khối lượng tài sản có tính lỏng cao nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong các điều kiện bình thường, bất thường, tuân thủ đúng các tỷ lệ về đảm bảo an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN.

Bên cạnh đó, BVBank đã xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro thanh khoản phù hợp với thông lệ, xây dựng văn bản quy định về hoạt động quản lý thanh khoản, trong đó xác định rõ các công cụ quản lý thanh khoản, trách nhiệm của từng đơn vị thực hiện, biện pháp xử lý, khắc phục trong trường hợp rủi ro thanh khoản xảy ra.

BVB luôn đảm bảo duy trì tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định hiện hành về dự trữ bắt buộc, đồng thời đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ khả năng chi trả, tỷ lệ dự trữ thanh khoản, nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung hạn và dài hạn, tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi và các giới hạn về tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3.6. Rủi ro tập trung

Cũng như đa số các ngân hàng thương mại khác tại Việt Nam, BVBank chú trọng tài trợ cho các ngành, khu vực kinh tế có tiềm năng phát triển trong từng thời kỳ và việc này dẫn đến khả năng phát sinh rủi ro tập trung vào một số nhóm ngành. Mặc dù BVBank luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của NHNN về giới hạn cho vay theo ngành, sự suy thoái của một số ngành kinh tế vẫn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của BVBank.

BVB giảm thiểu rủi ro này bằng cách lựa chọn thận trọng các ngành và khu vực kinh tế có tiềm năng ổn định và lâu dài. Đối với từng khách hàng trong ngành, BVBank cũng luôn đánh giá cẩn trọng khách hàng vay để lựa chọn chỉ cho vay các khách hàng có khả năng trả nợ tốt và có lịch sử giao dịch nhiều năm với Ngân hàng. BVBank luôn đảm bảo được việc tuân thủ các hạn mức của NHNN quy định đối với việc cho vay tập trung theo ngành trong các năm gần đây.

3.7. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng

Hoạt động ngoại bảng của ngân hàng là các nghiệp vụ kinh doanh được phản ánh trên mục “Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán” của ngân hàng như bảo lãnh, thư tín dụng... Rủi ro của hoạt động này phát sinh khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng, khi đó ngân hàng sẽ phải thay khách hàng thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết và các nghĩa vụ này sẽ được hạch toán như các khoản tín dụng nội bảng.

Để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro này, BVBank đã ban hành quy định cụ thể đối với các nghiệp vụ như bảo lãnh, cam kết bảo lãnh, thư tín dụng..., trong đó:

- Đối với nghiệp vụ bảo lãnh: BVBank đã ban hành Quy chế bảo lãnh đối với khách hàng, trong đó: Quy định rõ các điều kiện cấp bảo lãnh, quản lý, thẩm định, xét duyệt cấp bảo lãnh, thẩm quyền ký hợp đồng cấp bảo lãnh, cam kết bảo lãnh, biện pháp bảo đảm; Đồng thời, quy định về trình tự, thủ tục và thẩm quyền phê duyệt cấp bảo lãnh được thực hiện chặt chẽ như một khoản vay (áp dụng quy trình như phê duyệt cho vay).
- Đối với nghiệp vụ phát hành thư tín dụng: Quy trình, thủ tục, thẩm quyền cấp tín dụng cũng được thực hiện tương tự như đối với khoản vay. Tuy nhiên, ngoài các nội dung yêu cầu thẩm định, đánh giá bắt buộc trong quy trình cấp tín dụng, đối với nghiệp vụ mở L/C, Bộ phận quan

hệ khách hàng sẽ chuyển hồ sơ mở L/C cho Bộ phận Thanh toán quốc tế xem xét đánh giá sự phù hợp/không phù hợp về mặt thông lệ quốc tế. Trên cơ sở ý kiến của Bộ phận Thanh toán quốc tế, Bộ phận Quan hệ khách hàng lập đề xuất đảm bảo nguồn vốn thanh toán mở L/C. Tùy trường hợp cụ thể, báo cáo đề xuất của Bộ phận Quan hệ khách hàng sẽ tiếp tục được chuyển cho bộ phận quản lý rủi ro để tiến hành độc lập phân tích rà soát, đánh giá lại toàn bộ các rủi ro liên quan, xác định mức độ rủi ro tín dụng và đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

Ngoài ra, một phần hoặc toàn bộ các khoản mục ngoại bảng này đều có tài sản cầm cố, thế chấp (bất động sản, máy móc thiết bị, hàng hóa...) hoặc đảm bảo bằng giá trị ký quỹ với tỷ lệ tùy thuộc vào kết quả định hạng tín dụng và chính sách cấp tín dụng đối với khách hàng nhằm giảm thiểu các tổn thất do rủi ro gây ra.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Mục đích của việc huy động vốn từ đợt phát hành này là để bổ sung nguồn vốn cho vay. Theo dự kiến, thị trường tài chính – tiền tệ sẽ tiếp tục phát triển trung và dài hạn, do đó, việc tăng vốn điều lệ, bổ sung nguồn vốn cho vay là phù hợp với xu thế thị trường.

Rủi ro không thu đủ tiền của đợt chào bán: mọi đợt phát hành đều có rủi ro nhất định do không thu đủ tiền của đợt phát hành. Bên cạnh những diễn biến khó lường của thị trường như lãi suất và điều kiện thị trường không thuận lợi như hiện nay, khả năng cổ phiếu không thể chào bán hết là có thể xảy ra. Để giảm thiểu rủi ro này, ĐHDCĐ BVBank đã thông qua giá chào bán cho các cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Theo đánh giá của Ngân hàng, mức giá chào bán này thấp hơn so với giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2024 (11.153 đồng/cổ phiếu) và giá giao dịch của cổ phiếu BVB ở thời điểm hiện tại, do đó có tính khả thi cao. ĐHDCĐ cũng đồng thời ủy quyền cho HĐQT chủ động trong việc tìm kiếm và phân phối lại số cổ phiếu không chào bán hết cho cổ đông hiện hữu cho nhà đầu tư khác với mức giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phần theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy và HĐQT ban hành quyết định kết thúc đợt chào bán.

5. Rủi ro pha loãng

Việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ cho Công ty sẽ làm pha loãng giá cổ phiếu, thu nhập ròng trên mỗi cổ phiếu (EPS), giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu, tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu.

5.1. Pha loãng giá cổ phiếu

Trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá bình quân gia quyền của ngày giao dịch gần nhất của cổ phiếu Công ty tại ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (“ngày giao dịch không hưởng quyền”), giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty giao dịch trên sàn Upcom sẽ được điều chỉnh giảm theo tỷ lệ phát hành và giá phát hành tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I \times PR)}{1 + I}$$

Trong đó:

- P: là giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty tại ngày giao dịch không hưởng quyền
- P_{t-1} : là giá bình quân gia quyền của cổ phiếu Công ty tại ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền
- I: là tỷ lệ vốn tăng thêm, được xác định bằng số lượng cổ phiếu phát hành thêm / số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm phát hành
- PR: là giá chào bán của đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng này

Ví dụ:

- Giá bình quân gia quyền của cổ phiếu Công ty tại ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền (P_{t-1}) là 13.000 đồng/cổ phiếu
- Tỷ lệ vốn tăng thêm (I) là 0,125
- Giá chào bán của đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng (PR) là 10.000 đồng/cổ phiếu

Như vậy, giá tham chiếu của cổ phiếu Công ty tại ngày giao dịch không hưởng quyền (P) theo giả định trên sẽ được điều chỉnh như sau:

$$P = \frac{13.000 + (0,125 \times 10.000)}{1 + 0,125} = 12.666 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

(Ví dụ nêu trên chỉ nhằm mục đích tính toán sự thay đổi về giá cổ phần khi cổ phiếu bị pha loãng theo quy định)

5.2. Pha loãng EPS

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) có thể bị pha loãng do tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành chưa tạo ra ngay doanh thu, lợi nhuận như kỳ vọng. Khi đó EPS được điều chỉnh như sau:

$$\text{EPS bình quân kỳ} = \frac{\text{Tổng lợi nhuận sau thuế trong kỳ}}{\text{Tổng số cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận với tốc độ tăng số lượng cổ phần khi số lượng cổ phần tăng lên nhưng lợi nhuận sau thuế không tăng hoặc tăng với tốc độ chậm hơn sẽ làm cho chỉ số EPS bị suy giảm. Rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng EPS sẽ được khắc phục nếu như Ngân hàng sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt và đạt hiệu quả sử dụng vốn cao sau đợt chào bán.

5.3. Pha loãng giá trị sổ sách

Sau khi hoàn thành đợt phát hành, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi trong trường hợp giá phát hành thấp hơn giá trị sổ sách của mỗi cổ phần tại thời điểm phát hành.

5.4. Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu của Công ty sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông hiện hữu đang sở hữu tại thời điểm đó).

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị đối với mỗi doanh nghiệp có thể phát sinh do 2 nguyên nhân chính (i) sự thiếu hụt, chưa được bù đắp kịp thời của một hoặc nhiều cán bộ lãnh đạo chủ chốt và (ii) sự hài hòa lợi ích và trách nhiệm giữa các cấp quản trị.

BVB hiện đang được đăng ký giao dịch tại UpCOM. Cơ quan quản trị và điều hành của BVBank được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành và chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định pháp luật. Bên cạnh đó, bộ máy quản trị của BVBank còn được hỗ trợ và kiểm soát chặt chẽ bởi đội ngũ Ban kiểm soát chuyên nghiệp và uy tín do ĐHĐCĐ bầu ra, đảm bảo các hoạt động điều hành của HĐQT và Ban TGD là minh bạch và được giám sát chặt chẽ.

Ngoài ra, các thành viên trong đội ngũ lãnh đạo của BVBank có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính và Ngân hàng cũng như kinh nghiệm quản trị, có khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro có thể xảy ra sớm, đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách hiệu quả.

7. Rủi ro khác

Tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, pháp lý ở Việt Nam sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của BVBank

Tốc độ tăng GDP năm 2024 đạt 7,09% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mục tiêu Quốc hội giao (6 – 6,5%), thuộc nhóm nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới, được nhiều tổ chức quốc tế lớn, có uy tín đánh giá cao.

Trong năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục biến động phức tạp, nhanh và khó lường với nhiều rủi ro, bất ổn. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, căng thẳng địa chính trị, xung đột quân sự leo thang ở một số quốc gia tác động đến hòa bình, ổn định trên thế giới, làm suy giảm hệ thống thương mại, đầu tư, sản xuất và tiêu dùng. Cùng với đó, thiên tai, thời tiết cực đoan ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của dân cư và phát triển kinh tế – xã hội của các quốc gia. Chính sách tài chính, tiền tệ nhìn chung vẫn thắt chặt ở nhiều quốc gia, tạo áp lực lên chi phí vay và tăng nguy cơ suy thoái kinh tế. Đồng thời, xu hướng phân mảnh thị trường và công nghệ thế giới ngày càng rõ rệt, thể hiện qua sự mở rộng của khối BRICS và các biện pháp trừng phạt của Mỹ, làm suy yếu hợp tác quốc tế cũng như hiệu quả của chuỗi cung ứng toàn cầu. Những rủi ro, thách thức này còn tác động tiêu cực đến xuất khẩu, đầu tư, tiêu dùng, du lịch quốc tế và thị trường tài chính - tiền tệ của Việt Nam.

Thuế tại Việt Nam

Pháp luật về thuế và các quy định của Việt Nam tiếp tục được bổ sung, hướng dẫn và có thể bị thay đổi do có những vấn đề này sinh trong quá trình triển khai và thực hiện. Bất kỳ thay đổi nào về pháp luật thuế của Việt Nam dẫn đến thay đổi nghĩa vụ thuế và tình trạng thuế của BVBank có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của BVBank.

Việc xử lý tài sản liên quan đến các thủ tục phá sản có thể mất nhiều thời gian và tốn kém

Luật Phá sản của Việt Nam có thể không được thực thi dễ dàng. Để được tuyên bố phá sản, một doanh nghiệp hoặc các chủ nợ của doanh nghiệp phải có đầy đủ căn cứ chứng minh tình trạng mất khả năng thanh toán và phá sản của doanh nghiệp đó. Các quy định về vấn đề này rất phức tạp và không rõ ràng. Giả sử thẩm phán của vụ việc liên quan cho rằng có đầy đủ căn cứ để tiến hành thủ tục phá sản, thì căn cứ vào các quy định có liên quan, thẩm phán đó có thể ra quyết định về việc phục hồi hoạt động kinh doanh hoặc thanh lý tài sản của doanh nghiệp. Trong trường hợp tòa án ra quyết định phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì chỉ khi trong giai đoạn phục hồi hoạt động kinh doanh xác định không thể tái cấu trúc doanh nghiệp thì thủ tục phá sản mới chuyển sang lựa chọn thứ hai là thanh lý tài sản của doanh nghiệp đó, trong trường hợp này, chủ nợ có thể yêu cầu bán các tài sản của con nợ. Do đó, thủ tục phá sản có thể bị kéo dài trong một thời gian dài trước khi chủ nợ có thể thu hồi nợ từ con nợ ở Việt Nam.

Rủi ro sự kiện bất khả kháng

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng như thiên tai, bão lũ, động đất, hạn hán, hoả hoạn, dịch bệnh, chiến tranh, khủng bố ... mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng nếu có sẽ tác động và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của BVBank.

DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CỔ PHIẾU BVBank.

III. CÁC KHÁI NIỆM

1. Các khái niệm


- “Ngân hàng”: là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
- “Nợ quá hạn”: là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn.
- “Nợ nhóm 1”: hay còn gọi là Nợ đủ tiêu chuẩn, bao gồm các khoản nợ trong hạn hoặc các khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày mà tổ chức tín dụng đánh giá là có đủ khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng hạn.
- “Nợ nhóm 2”: hay còn gọi là Nợ cần chú ý, bao gồm:
 - Các khoản nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày.
 - Các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.
- “Nợ nhóm 3”: hay còn gọi là Nợ dưới tiêu chuẩn, bao gồm:
 - Các khoản nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày.
 - Các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu, trừ các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu phân vào nhóm 2.
 - Các khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng.
- “Nợ nhóm 4”: hay còn gọi là Nợ nghi ngờ, bao gồm:
 - Các khoản nợ quá hạn từ 181 đến 360 ngày.
 - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.
 - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần 2.
- “Nợ nhóm 5”: hay còn gọi là Nợ có khả năng mất vốn, bao gồm:
 - Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày;
 - Các khoản nợ khoanh chờ xử lý;
 - Các khoản nợ đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu;
 - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần hai quá hạn theo thời hạn trả nợ lần thứ hai.
 - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn.
- Thị trường 1: thị trường giao dịch với dân cư và tổ chức
- Thị trường 2: thị trường giao dịch giữa các ngân hàng (liên ngân hàng)

2. Các từ hoặc nhóm từ viết tắt

• UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
• SKHĐT	Sở kế hoạch Đầu tư TP.HCM
• Ngân hàng, BVBank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
• Thương mại Cổ phần	TMCP
• ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
• HĐQT	Hội đồng Quản trị
• BGD	Ban giám đốc
• BKS	Ban Kiểm soát
• CBCNV	Cán bộ công nhân viên
• HĐKD	Hoạt động kinh doanh
• Điều lệ	Điều lệ của Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Tổ chức phát hành	Ngân hàng TMCP Bản Việt
• Tổ chức tư vấn, Vietcap	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap
• NHNN	Ngân hàng Nhà nước
• NHTMCP	Ngân hàng thương mại cổ phần
• TCTD	Tổ chức tín dụng
• HĐTD	Hội đồng tín dụng
• TKTS	Tổng kết tài sản
• CNTT	Công nghệ thông tin
• ĐVT	Đơn vị tính
• PGD	Phòng giao dịch
• CN	Chi nhánh
• HS	Hội sở
• TSN	Tài sản nợ
• TSC	Tài sản có
• TT1	Thị trường 1
• TT2	Thị trường 2

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

Tên đầy đủ	: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT
Tên tiếng Anh	: VIET CAPITAL COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
Tên viết tắt tiếng Anh	: BVBank
Tên viết tắt	: NGÂN HÀNG BẢN VIỆT
Biểu tượng của Ngân hàng	:  BVBank Ngân hàng Bản Việt
Trụ sở	: Tòa nhà HM Town, số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP. HCM
Điện thoại	: (84-28) 6267 9679
Fax	: (84-28) 6263 8668
Website	: https://bvbank.net.vn/
Giấy phép thành lập và hoạt động	: Giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp và Quyết định số 2222/QĐ-NHNN ngày 02/10/2024 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt
Giấy chứng nhận ĐKKD	: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 19 tháng 06 năm 2023
Tài khoản tiền gửi	: 119989 tại Sở Giao Dịch Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam
Vốn điều lệ	: 5.518.462.150.000 (Năm nghìn năm trăm mười tám tỷ bốn trăm sáu mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng
Vốn điều lệ thực góp	: 5.518.462.150.000 (Năm nghìn năm trăm mười tám tỷ bốn trăm sáu mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng
Ngành nghề kinh doanh chính	: Tài chính - Ngân hàng
Người đại diện theo pháp luật	: Ông Ngô Quang Trung (Tổng Giám đốc)
Mã cổ phiếu	: BVB
Sàn đăng ký giao dịch	: UPCoM
Ngành nghề kinh doanh	:

Tên ngành	Mã ngành
<p>Hoạt động trung gian tiền tệ khác, chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; • Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác; • Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn; hoạt động bao thanh toán; bảo lãnh ngân hàng; • Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá; • Làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được NHNN cho phép; • Dịch vụ cầm đồ; • Phát hành thẻ tín dụng, thẻ ngân hàng; • Mua, bán trái phiếu Chính phủ; mua bán trái phiếu doanh nghiệp với mục đích thu lợi từ việc hưởng chênh lệch và mục đích đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan và hướng dẫn của NHNN; • Ủy thác, nhận ủy thác cho vay; • Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan; • Cung cấp dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; • Dịch vụ môi giới tiền tệ; • Góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng khác và của doanh nghiệp; • Hoạt động mua nợ; • Cấp tín dụng dưới hình thức bao thanh toán trong nước; • Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; • Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Cung ứng phương tiện thanh toán; ✓ Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ. • Mở tài khoản: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Mở tài khoản tại Ngân hàng nhà nước. ✓ Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. 	<p>6419 (Chính)</p>

Tên ngành	Mã ngành
<ul style="list-style-type: none"> • Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; • Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; • Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; • Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; • Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước; • Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định. 	

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (dưới đây được gọi là BVBank), tiền thân là Ngân hàng thương mại cổ phần Gia Định, được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp và giấy phép số 576/GP-UB ngày 08/10/1992 do Ủy Ban Nhân Dân TP HCM cấp.

- **Năm 1994 - 2005:** Giai đoạn vượt qua khó khăn, củng cố
 - ✓ BVBank từng bước vượt qua khó khăn, dần ổn định và phát triển trong giai đoạn từ 1994-2005.
 - ✓ Năng lực tài chính ngày càng được nâng cao với mức vốn điều lệ tăng lên 80 tỷ đồng.
 - ✓ Mạng lưới: 05 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 02 Chi nhánh, 02 Phòng giao dịch).
- **Năm 2006:** Bắt đầu phát triển
 - ✓ Tăng vốn điều lệ lên 210 tỷ đồng.
 - ✓ Mạng lưới: 06 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 02 Chi nhánh, 03 Phòng giao dịch).
 - ✓ Khánh thành trụ sở chính tại 135 Phan Đăng Lưu, Q. Phú Nhuận, TP.HCM.
 - ✓ Được xếp hạng 19/29 Ngân hàng thương mại trên cả nước về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin do Hội Tin học Việt Nam bầu chọn.
- **Năm 2007:** Tiếp tục phát triển có định hướng.
 - ✓ Tăng vốn điều lệ lên 444,623 tỷ đồng.

- ✓ Mạng lưới: 11 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 05 Chi nhánh, 05 Phòng giao dịch).
- ✓ Ký kết Thỏa thuận đầu tư và hợp tác chiến lược với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), theo đó Vietcombank luôn duy trì tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần 30% và trở thành cổ đông chiến lược duy nhất của Ngân hàng Bản Việt, cùng những cam kết hỗ trợ toàn diện nhằm đưa Ngân hàng Bản Việt trở thành ngân hàng thương mại có khả năng cạnh tranh cao tại Việt Nam.
- ✓ Mở rộng mạng lưới hoạt động tại các thành phố lớn của các khu vực Miền Bắc, Miền Nam, Miền Tây và Tây Nguyên.
- ✓ Được Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Liên minh các HTX Việt Nam, Hội Khoa học Đông Nam Á phối hợp với mặt trận tổ quốc Việt Nam trao tặng “Cúp vàng thương hiệu và nhãn hiệu” lần 2 năm 2007.
- ✓ Được Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam tặng giấy khen năm 2007.
- ✓ Được Viện quản lý tri thức và công nghệ, Trung tâm nghiên cứu Châu Á Thái Bình Dương, Tòa soạn thông tin QCA Thương mại chứng nhận danh hiệu doanh nghiệp Việt Nam uy tín, chất lượng 2007.
- **Năm 2008 -2009:** Duy trì tăng trưởng ổn định
 - ✓ Ngày 14/2/2008, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 444,623 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 059036 ngày 14/2/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước số 218/UBCK-GCN ngày 20/11/2007 và Công văn chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số 1201/NHNN-HCM02 ngày 9/8/2007.
 - ✓ Ngày 18/12/2008, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 1.000 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 số 059036 ngày 30/12/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước số 352/UBCK-GCN ngày 07/11/2008 và Công văn chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số 1774/NHNN-HCM02 ngày 06/10/2008.
 - ✓ Mạng lưới hoạt động ngày càng mở rộng từ 05 điểm giao dịch năm 2005 (01 Trụ sở, 02 Chi nhánh, 02 Phòng giao dịch) lên 28 điểm giao dịch năm 2009 (01 Trụ sở, 07 Chi nhánh, 20 Phòng giao dịch).
 - ✓ Các cổ đông lớn của BVBank là các ngân hàng thương mại có uy tín. Ngày 18/09/2007 BVBank ký kết thỏa thuận hợp tác với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, đánh dấu bước ngoặt mới cho sự phát triển có định hướng của BVBank. Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam trở thành cổ đông chiến lược đã hỗ trợ tích cực về mọi mặt trong hoạt động của BVBank: năng lực tài chính, quản trị điều hành, công nghệ thông tin,...
- **Năm 2010:** Ổn định nhân sự và phát huy các thế mạnh
 - ✓ Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định của Chính phủ, BVBank đã hoàn thành mức vốn điều lệ 2.000 tỷ đồng vào tháng 11/2010 với sự tham gia góp vốn của các cổ đông mới.

- ✓ Đồng thời, trong năm 2010 Hội đồng quản trị BVBank đã bổ nhiệm Tổng Giám đốc để ổn định hoạt động, và bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT tiếp tục duy trì, tăng cường năng lực quản trị ngân hàng trong tình hình phát triển mới. Trên cơ sở đó, BVBank cũng đã thay đổi chức danh Chủ tịch HĐQT để thực hiện bước chuyển mình trong thời gian tới.
- ✓ Nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh với các tổ chức tài chính khác thông qua việc phát triển các sản phẩm tiết kiệm, cho vay, BVBank cũng không ngừng thay đổi diện mạo tại các điểm giao dịch trên toàn quốc. BVBank đã chuyển đổi thành công Trụ sở chính về Trung tâm Q.1, tiến hành mua bất động sản tại Trung tâm TP Buôn Ma Thuột để chuyển địa điểm trụ sở Chi nhánh Buôn Ma Thuột, chuyển địa điểm trụ sở chi nhánh Bạch Đằng, chi nhánh Sài Gòn. Đồng thời sửa chữa và đưa vào hoạt động cho các Phòng giao dịch có vị trí thuận lợi. Kết quả thu được là các đơn vị không ngừng gia tăng hoạt động và hoàn thành tốt các chỉ tiêu được giao.
- **Năm 2011:** Hoàn thành các bước phát triển cơ bản, nâng cao năng lực cạnh tranh
 - ✓ Hoàn tất kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 2.000 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng trong Quý 3, và sẽ tiếp tục tăng vốn lên theo quy định của NHNN. Chú trọng công tác đầu tư, phát triển mạng lưới, phấn đấu tăng thêm 25-30 điểm giao dịch mới tại các thị trường tiềm năng trong cả nước, nâng tổng số điểm giao dịch lên 60 điểm.
 - ✓ Bên cạnh đó, từng bước chuẩn hóa các quy trình nghiệp vụ, chú trọng đến công tác phòng ngừa và quản lý rủi ro. Phát triển đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng ngày một tốt hơn các nhu cầu và lợi ích của khách hàng, phấn đấu trở thành “Ngân hàng tin cậy cho kế hoạch tài chính của khách hàng”, và là một điểm đầu tư hấp dẫn cho quý cổ đông, đối tác. Xây dựng một đội ngũ lãnh đạo ngân hàng với đầy đủ phẩm chất đạo đức và trí tuệ, để chuẩn bị các bước phát triển mới trong tương lai.
 - ✓ Nâng cao công tác phát triển nguồn nhân lực, đào tạo lại và đào tạo chuyên sâu cho toàn thể CBNV, đáp ứng yêu cầu phát triển mạng lưới trong năm tới nói riêng và yêu cầu phát triển và hội nhập sâu vào kinh tế thế giới. Xác định rõ mục tiêu chiến lược trong năm 2011, xây dựng các giải pháp, chuẩn bị các bước đi an toàn, vững chắc, thương hiệu BVBank sẽ được nâng lên một tầm cao mới, bảo vệ và gia tăng lợi ích cho quý cổ đông, đối tác và khách hàng. Đồng thời góp phần cho sự phát triển kinh tế của đất nước.
- **Năm 2012 - 2013**
 - ✓ Giai đoạn bước ngoặt của Ngân hàng với việc đổi tên gọi từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Gia Định thành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt – Viet Capital Bank.
 - ✓ Vốn điều lệ 3.000 tỷ đồng.
 - ✓ Mạng lưới hoạt động tiếp tục phát triển mạnh với 39 điểm giao dịch gồm: 01 Trụ sở chính, 17 Chi nhánh, 20 Phòng giao dịch và 01 Quỹ tiết kiệm.
 - ✓ Tổng số nhân viên là 923 nhân sự.
 - ✓ 2013 là năm đánh dấu những bước phát triển mạnh mẽ của BVBank. Diễn hình như sự vận hành thành công của hệ thống Core Banking mang đến nhiều tính năng ưu việt cho hệ điều hành quản trị và tăng cường năng lực cạnh tranh trong thời đại công nghệ, ngân hàng trực

tuyển mở rộng với dự án Mobile Banking; sự gia nhập liên minh Thẻ quốc tế Visa, MasterCard, ...

- ✓ Tiêu biểu: Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và Top 200 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo VietNamNet bình chọn.

• **Năm 2014 - 2015**

- ✓ Mạng lưới hoạt động tiếp tục được mở rộng và tập trung nâng cấp toàn hệ thống với 09 Chi nhánh, Phòng giao dịch di dời và chuẩn hóa kiến trúc, 02 Chi nhánh, Phòng giao dịch thay đổi tên gọi.
- ✓ Tổng số nhân viên nâng lên 1.221 nhân sự tính đến thời điểm cuối năm 2015
- ✓ Ngân hàng tập trung đẩy mạnh các hoạt động về quản trị hệ thống, tổ chức đội ngũ nhân sự mới. Song song đó, Ngân hàng cũng đầu tư sâu vào Công nghệ Thông tin và đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ.
- ✓ Tiêu biểu:
 - Ra mắt ứng dụng Viet Capital Mobile Banking.
 - Ký thoả thuận hợp tác phát triển giải pháp Phòng chống rửa tiền cùng Công ty Cổ phần Komtek và FircoSoft.

• **Năm 2016 - 2018**

Triển khai chiến lược hoạt động giai đoạn 2016 – 2020, trở thành Ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại hướng đến khách hàng Cá nhân và khách hàng Doanh nghiệp vừa và nhỏ

- ✓ Vốn điều lệ: 3.000 tỷ đồng
- ✓ Hợp tác với tổ chức thẻ tín dụng quốc tế Visa, ra mắt thẻ Visa Bản Việt công nghệ 3D
- ✓ Hợp tác cùng KPMG thực hiện hệ thống Phê duyệt và Khởi tạo tín dụng (LOS)
- ✓ Là một trong 10 ngân hàng đầu tiên đạt chứng chỉ quốc tế về bảo mật thẻ PCI- DSS (Payment Card Industry Data Security Standard)
- ✓ Xây dựng mới Ngân hàng số: Mobile Banking và Internet Banking KHCN và KHDN, Tích hợp Smart OTP, mở tài khoản online
- ✓ Mở rộng hệ sinh thái với các đối tác Fintech: Zalo Pay, AirPay, GrabPay by Moca, ...
- ✓ Hợp tác bảo hiểm phi nhân thọ cùng Bảo hiểm Bảo Long và bảo hiểm nhân thọ cùng AIA Việt Nam
- ✓ Phát triển nhanh hệ thống mạng lưới: 70 điểm giao dịch bao gồm 1 trụ sở chính, 25 chi nhánh, 44 phòng giao dịch (Tính đến cuối năm 2018)

• **Năm 2019 – 2020: Tiến nhanh trên lộ trình số hóa**

- ✓ Vốn điều lệ: 3.171 tỷ đồng
- ✓ Hợp tác với tổ chức phát hành thẻ quốc tế JCB ra mắt bộ 3 thẻ tín dụng JCB Bản Việt và tiếp tục ra mắt thẻ tín dụng Visa Corporate Bản Việt dành cho khách hàng doanh nghiệp

- ✓ Tiếp tục mở rộng hợp tác với các đối tác Fintech: Momo, ZaloPay, Moca, QR Pay, AirPay, thu hộ Payoo
- ✓ Là ngân hàng tiên phong trong việc triển khai mở tài khoản thanh toán bằng thiết bị di động eKYC
- ✓ Trở thành đối tác chiến lược cung cấp nền tảng cho ngân hàng số Timo Plus
- ✓ Ngân hàng thứ 12 được triển khai sớm tỷ lệ an toàn vốn Basel II
- ✓ Chính thức lên sàn chứng khoán UPCoM (mã chứng khoán: BVBank) vào tháng 09/2020
- ✓ Chính thức sạch nợ xấu tại VAMC
- ✓ **Hệ thống mạng lưới:** 87 điểm giao dịch bao gồm 1 trụ sở chính, 30 chi nhánh, 56 phòng giao dịch.
- **Năm 2021:**
 - ✓ Vốn điều lệ: 3.670,9 tỷ đồng
 - ✓ Ngân hàng đã hoàn thành các dự án trọng điểm phục vụ cho việc quản trị chất lượng và hiệu quả hoạt động như dự án phân tích lợi nhuận đa chiều, lợi nhuận điều chỉnh rủi ro trên vốn RAROC.
 - ✓ Ngân hàng cũng bắt đầu triển khai các dự án hiện đại hóa và nâng cao minh bạch theo chuẩn mực quốc tế như dự án Chuẩn mực báo cáo tài chính IFRS9, hệ thống Quản lý quan hệ khách hàng CRM trên nền điện toán đám mây.
 - ✓ Cuối năm 2021, Ngân hàng Bản Việt triển khai thành công dự án “Mô hình phân tích lợi nhuận đa chiều” – đây là một công cụ tài chính để ghi nhận doanh thu và phân bổ chi phí, tổng hợp chuỗi giá trị theo từng chiều phân tích. Kết quả của việc triển khai mô hình này, Ngân hàng Bản Việt sẽ có thêm công cụ để hỗ trợ việc thực hiện các quyết định kinh doanh chiến lược liên quan đến doanh thu, chi phí, thúc đẩy lợi nhuận.
 - ✓ Bản Việt là một trong các ngân hàng đưa vào các tính năng giao dịch mới phục vụ khách hàng không cần phải đến ngân hàng như mở thẻ tín dụng online, chuyển và nhận tiền 24/7 bằng QR hoặc số điện thoại, vay cầm cố sổ tiết kiệm, nhiều hình thức gửi tiết kiệm để chọn lựa trên ngân hàng số Digimi.
 - ✓ Hệ thống mạng lưới: 88 điểm giao dịch trên toàn quốc, bao gồm 01 Trụ sở chính, 31 chi nhánh và 56 phòng giao dịch.
- **Năm 2022-2023:**
 - ✓ Vốn điều lệ: 5.016,8 tỷ đồng
 - ✓ Ngày 26/05/2023, Ngân hàng Nhà nước có quyết định số 1001/QĐ-NHNN ngày 26/05/2023 về việc chấp thuận việc sửa đổi tên viết tắt bằng tiếng Anh quy định tại giấy phép hoạt động số 0025/NH-CP ngày 22/08/1992 của thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là: BVBank.
 - ✓ Ngày 30/05/2023, Ngân hàng TMCP Bản Việt được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bỏ

sung một số nội dung hoạt động tại giấy phép hoạt động bởi quyết định số 1012/QĐ-NHNN như sau:

- Hoạt động kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh về lãi suất.
- Hoạt động cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ.
- Lưu ký chứng khoán.
- Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán, theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán.
- Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán.

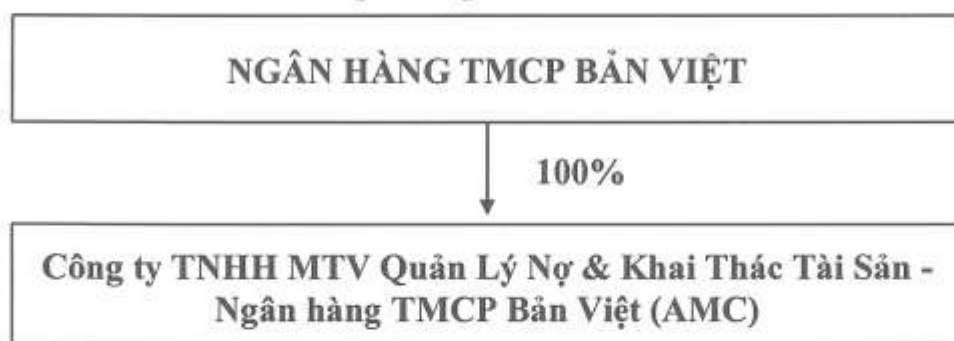
Và Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. HCM đã cấp giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 06/07/2023.

- ✓ Ngày 31/05/2023, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 3.670,9 tỷ đồng lên 4.221,5 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 29 ngày 31/05/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.
- ✓ Ngày 19/06/2023, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 4.221,5 tỷ đồng 5.016,8 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 30 ngày 19/06/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.
- ✓ Hệ thống mạng lưới tại thời điểm hiện tại gồm 116 điểm giao dịch trên toàn quốc, trong đó gồm 01 trụ sở chính, 38 chi nhánh, 77 phòng giao dịch.
- ✓ Từ ngày 01/12/2023, Ngân hàng TMCP Bản Việt (BVBank) chính thức ra mắt logo mới với hình ảnh, nhận diện thương hiệu mới đồng nhất với tên viết tắt tiếng Anh là BVBank đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo quyết định số 1001/QĐ-NHNN ngày 26/05/2023. Đây là một dấu mốc quan trọng trong lộ trình bám sát mục tiêu trở thành “Ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại, hướng đến khách hàng đặc biệt là khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ” của BVBank.
- **2024:**
 - ✓ Vốn điều lệ: 5.518 tỷ đồng;
 - ✓ Trong 6 tháng đầu năm, thương hiệu BVBank đã hiện diện tại 10 điểm giao dịch mới, nâng tổng số điểm kinh doanh trên toàn hệ thống lên 126 đơn vị và có mặt tại 33 tỉnh thành trên cả nước. Song song với kênh truyền thống, BVBank tiếp tục gia tăng trải nghiệm khách

hàng qua nhiều tiện ích mới trên ngân hàng số Digimi và Digibiz, bám sát mục tiêu phát triển mô hình bán lẻ đã đề ra.

- ✓ Ngày 29/08/2024, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 5.016,8 tỷ đồng lên 5.518 tỷ đồng sau khi phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.

3. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Ngân hàng



Nguồn: BVBank

Ngân hàng TMCP Bản Việt hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, trong đó BVBank là Công ty mẹ và có một (01) Công ty con là Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt, do BVBank sở hữu 100% vốn điều lệ.

- **Công ty mẹ: Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt**

- ✓ Trụ sở chính của Ngân hàng đặt tại Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 05, Quận 03, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- **Công ty con: Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt**

Tên công ty	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ (tỷ đồng)
Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	0311401011	Quản lý tài sản	100

Công ty TNHH Một thành viên Quản Lý Nợ và Khai Thác Tài Sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt được thành lập từ ngày 08/12/2011. Công ty hoạt động trong lĩnh vực Quản lý tài sản. Công ty tiếp nhận, quản lý các tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nhanh nhất; bán các tài sản bảo đảm nợ vay thuộc quyền định đoạt của Ngân hàng thương mại theo giá thị trường theo hình thức phù hợp với quy định của pháp luật; xử lý tài sản bảo đảm nợ vay bằng các biện pháp thích hợp; các hoạt động quản lý tài sản đảm bảo khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông, là cơ quan quyết định cao nhất của BVBank. Đại hội đồng cổ đông họp định kỳ mỗi năm 01 lần, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ BVBank.

4.2. Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản trị hoạt động của BVBank. Các thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Thành viên HĐQT có nhiệm kỳ 05 năm. Đứng đầu HĐQT là Chủ tịch HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên HĐQT thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ BVBank và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT trong từng thời kỳ. HĐQT quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ mà không được ủy quyền. HĐQT có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Ngân hàng, xây dựng các kế hoạch kinh doanh trình ĐHCĐ phê duyệt, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Hiện tại HĐQT của BVBank có 05 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập HĐQT.

4.3. Văn phòng HĐQT

Là bộ phận giúp việc cho HĐQT, được HĐQT quyết định thành lập. Văn phòng HĐQT có nhiệm vụ tư vấn, tham mưu, giúp việc cho HĐQT thực hiện hoạt động quản trị BVBank, là cầu nối truyền tải thông tin giữa HĐQT và Ban điều hành; giữa HĐQT và cổ đông và ngược lại. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Văn phòng HĐQT được HĐQT quy định trong quy chế hoạt động.

4.4. Ban Kiểm soát

Là cơ quan kiểm soát mọi hoạt động của BVBank. Các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Thành viên BKS có nhiệm kỳ 05 năm. Đứng đầu Ban kiểm soát là Trưởng Ban kiểm soát. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát BVBank trong từng thời kỳ. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng; giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, kế toán; hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm; báo cáo cho ĐHCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về báo cáo tài chính của Ngân hàng. Hiện tại, BKS của BVBank có 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên chuyên trách.

4.5. Phòng kiểm toán nội bộ

Phòng kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban kiểm soát, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động Kiểm toán nội bộ BVBank.

4.6. Ủy ban ALCO, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Ngân hàng số, các Ủy ban và Hội đồng, tiểu ban khác

Các Ủy ban ALCO, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Quản lý rủi ro, các Ủy ban và Hội đồng khác do HĐQT thành lập, được tổ chức và hoạt động theo Quy chế do HĐQT ban hành.

4.7. Ban điều hành

Tổng Giám đốc là người đứng đầu Ban điều hành, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của BVBank; giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, các Giám đốc Khối và Kế

toán trưởng. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHĐCĐ và HĐQT về thực hiện công việc được giao. Chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của Tổng Giám đốc tuân thủ theo Điều lệ và quy định của BVBank như: quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Ngân hàng; kiến nghị, đề xuất việc tổ chức, quản trị và hoạt động Ngân hàng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền; v.v.....

4.8. Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và/hoặc các thành viên khác do HĐQT quy định

Có trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Đơn vị nghiệp vụ được phân công phụ trách và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và HĐQT về mọi mặt hoạt động của Đơn vị nghiệp vụ (Khối) được Tổng Giám đốc phân công phụ trách. Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc của BVBank gồm có 06 thành viên.

Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và nội bộ Ngân hàng.

4.9. Các Đơn vị nghiệp vụ BVB

Các Đơn vị nghiệp vụ được tổ chức, bố trí theo từng Khối do Phó Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Khối phụ trách. Một số Đơn vị nghiệp vụ có thể do Tổng Giám đốc trực tiếp phụ trách. Đứng đầu Đơn vị nghiệp vụ thuộc Khối là Giám đốc.

4.9.1. Cơ cấu tổ chức tại Trụ sở chính

a. Khối Khách hàng Doanh nghiệp và Định chế

Là đầu mối quản lý quan hệ và cung cấp sản phẩm dịch vụ đến các Khách hàng pháp nhân, khách hàng cá nhân là chủ DNTN hoặc có liên quan đến Khách hàng pháp nhân theo Quy định của Tổng Giám Đốc trong từng thời kỳ nhằm phát triển thị trường và tăng thu nhập cho Ngân hàng.

Là đầu mối quản lý quan hệ và cung cấp sản phẩm dịch vụ đến các khách hàng định chế nhằm phát triển thị trường và tăng thu nhập cho Ngân hàng.

b. Khối Khách hàng Cá nhân

Là đầu mối quản lý và phát triển sản phẩm dịch vụ khách hàng cá nhân, trừ khách hàng cá nhân là chủ DNTN hoặc có liên quan đến Khách hàng Pháp nhân theo Quy định của Tổng Giám Đốc trong từng thời kỳ nhằm phát triển thị trường và tăng thu nhập cho Ngân hàng.

c. Khối Kinh Doanh Vốn

Đảm bảo để BVBank tuân thủ các hạn mức theo luật định về thanh khoản và quy định khác. Thay mặt ALCO quản lý khả năng thanh toán ngắn hạn và rủi ro lãi suất đối với mọi đồng tiền. Thực hiện kinh doanh nhằm đem lại lợi nhuận trong phạm vi các sản phẩm được giao và những hạn mức rủi ro được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Đầu mối quản lý và cung cấp sản phẩm dịch vụ ngoại hối đến các Đơn vị kinh doanh, khách hàng nhằm phát triển thị trường và gia tăng lợi nhuận cho Ngân hàng.

Kinh doanh các loại giấy tờ có giá được phê duyệt nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận cho BVBank.

d. Khối Quản lý Rủi ro

Tham mưu xây dựng hệ thống quản lý rủi ro liên quan đến hoạt động tín dụng, rủi ro vận hành thị trường để hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng với lợi ích cao nhất.

Là đơn vị kiểm soát các Đơn vị trên toàn hệ thống việc tuân thủ quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng trong quá trình hoạt động kinh doanh.

e. Khối Thẩm định Tín dụng

Đầu mối triển khai công tác thẩm định, phê duyệt cấp tín dụng đến khách hàng theo quy định của Tổng Giám Đốc trong từng thời kỳ, thực hiện công tác phê duyệt hồ sơ Khách hàng vượt thẩm quyền phê duyệt của đơn vị kinh doanh trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích của Ngân hàng và chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp đến Khách hàng.

f. Khối Tài chính

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện công tác kế toán cho toàn hệ thống trong quá trình xử lý các giao dịch.

Quản trị tài chính, quản lý tài sản nợ - tài sản có của BVBank, đề xuất cơ cấu tài sản nợ - tài sản có phù hợp với khẩu vị rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản và bám sát kế hoạch, chiến lược nhằm tối ưu hóa lợi nhuận. Cung cấp thông tin tài chính phục vụ công tác quản trị điều hành tại BVBank.

g. Khối Công nghệ Thông tin

Đơn vị chịu trách nhiệm thiết kế, xây dựng và vận hành hệ thống hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin của Ngân hàng.

Chịu trách nhiệm quản lý và giám sát các dự án CNTT, giám sát và làm đầu mối triển khai các biện pháp tăng cường an toàn bảo mật cho hệ thống CNTT; ban hành và giám sát việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy trình do Khối CNTT soạn thảo và ban hành.

h. Khối Vận hành

Thực hiện tác nghiệp đối với các khoản cấp tín dụng. Ban hành quy định, quy trình quản lý tín dụng trên toàn hệ thống.

Thực hiện tác nghiệp các giao dịch kinh doanh của Khối Kinh doanh vốn và quản lý rủi ro vận hành trong quá trình xử lý các giao dịch.

Tham gia thực hiện cung cấp dịch vụ chuyển tiền, thanh toán đến khách hàng và quản lý rủi ro vận hành trong quá trình tác nghiệp.

i. Khối Hỗ trợ

Đầu mối tham vấn cho cấp có thẩm quyền về công tác nhân sự và phát triển nguồn nhân lực trên toàn hệ thống.

Thực hiện, cung cấp các dịch vụ hành chính bao gồm văn thư, lưu trữ, hành chính, lễ tân, khánh tiết. Mua sắm, quản lý tài sản cố định, công cụ lao động, văn phòng phẩm và các vật liệu tiêu hao khác tới các phòng ban Hội Sở, Chi Nhánh, PGD trong hệ thống BVBank theo quy định của Ngân hàng. Xây dựng cơ bản, mua sắm, thuê, cho thuê BĐS, thực hiện các thủ tục pháp lý về xây dựng cơ bản, mua sắm bất động sản; Thực hiện các thủ tục pháp lý và báo cáo liên quan đến công tác phát triển mạng lưới của Ngân hàng.

j. Các Đơn vị trực thuộc Tổng Giám đốc.

4.9.2. Chi nhánh

4.9.3. Phòng Giao dịch

4.9.4. Các công ty trực thuộc/Liên doanh liên kết

- a. Công Ty TNHH MTV Quản Lý Nợ & Khai Thác Tài Sản - Ngân hàng TMCP Bản Việt;
- b. Các Công ty trực thuộc/ Liên doanh Liên kết khác: không có.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Danh sách công ty mẹ

Trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm phát hành Bản cáo bạch này, Công ty không có công ty mẹ.

5.2. Danh sách công ty con trực tiếp của tổ chức phát hành

Công Ty TNHH MTV Quản Lý Nợ & Khai Thác Tài Sản – Ngân hàng TMCP Bản Việt

Địa chỉ: 504 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Q.Tân Bình, TP.HCM

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0311401011 đăng ký lần đầu ngày 08/12/2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 100 tỷ đồng

Công ty hoạt động trong lĩnh vực:

- ✓ Tiếp nhận, quản lý các tài sản đảm bảo nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, tài sản gán nợ, tài sản Tòa án giao ngân hàng theo các quyết định, bản án) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi nhanh nhất.
- ✓ Chủ động bán các tài sản đảm bảo nợ vay thuộc quyền định đoạt của ngân hàng thương mại theo giá thị trường (giá bán tài sản có thể cao hoặc thấp hơn giá trị nợ tồn đọng) theo hình thức phù hợp với quy định của pháp luật.
- ✓ Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay bằng các biện pháp thích hợp: cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh, góp vốn, liên doanh bằng tài sản để thu hồi nợ.
- ✓ Các hoạt động quản lý tài sản bảo đảm khác theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Bản Việt phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngân hàng TMCP Bản Việt hiện đang nắm giữ 100% vốn cổ phần tại Công Ty TNHH MTV Quản Lý Nợ & Khai Thác Tài Sản – Ngân hàng TMCP Bản Việt.

5.3. Danh sách công ty con gián tiếp của tổ chức phát hành

Trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm phát hành Bản cáo bạch này, Công ty không có công ty con sở hữu gián tiếp.

5.4. Danh sách những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm phát hành Bản cáo bạch này, Công ty không có công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.

5.5. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm phát hành Bản cáo bạch này, không có công ty nào nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Ngân hàng

Năm 1992, Ngân hàng bắt đầu hoạt động với mức vốn điều lệ là 05 tỷ đồng. Trải qua 13 đợt tăng vốn và 0 đợt giảm vốn điều lệ, vốn điều lệ hiện nay của BVBank là 5.518.462 triệu đồng. Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ của BVBank như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của Ngân hàng Bản Việt

Đơn vị: triệu đồng

Thời gian thực hiện	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận phát hành
Tháng 08/1992		5.000	Vốn ban đầu	Giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 của NHNN
Tháng 12/1993	5.000	20.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước	Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 2, ngày 28/12/1993 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 08/2005	20.000	80.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước	Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 5, ngày 30/08/2005 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 12/2006	80.000	166.040	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước	Văn bản số 885/NHNN-HCM02 ngày 06/07/2006 của NHNN Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 7, ngày 12/12/2006 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 12/2006	166.040	210.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước	Văn bản số 1803/NHNN-HCM02 ngày 26/12/2006 của NHNN Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 8, ngày 27/12/2006 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 07/2007	210.000	322.618	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước	Văn bản số 599/NHNN-HCM02 ngày 25/04/2007 của NHNN Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 9, ngày 24/07/2007 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 12/2007	322.618	500.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Văn bản số 1201/NHNN-HCM02 ngày 09/08/2007 của NHNN

Thời gian thực hiện	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận phát hành
				Giấy chứng nhận số 218/GCN-UBCK ngày 20/11/2007 của UBCKNN Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 11, ngày 14/02/2008 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 11 - 12/2008	500.000	1.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần	Văn bản số 1668/NHNN-HCM.02 ngày 23/09/2008 và 1774/NHNN-HCM02 ngày 06/10/2008 của NHNN Giấy chứng nhận số 352/GCN-UBCK ngày 07/11/2008 của UBCKNN Giấy ĐKKD số 059036, thay đổi lần thứ 15, ngày 30/12/2008 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 09 - 10/2010	1.000.000	2.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Văn bản số 6587/NHNN-HCM02 ngày 30/08/2010 của NHNN Giấy chứng nhận số 660/GCN-UBCK ngày 06/09/2010 của UBCKNN Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 17, ngày 11/11/2010 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 07 - 08/2011	2.000.000	3.000.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	Văn bản số 6587/NHNN-HCM02 ngày 30/08/2010 của NHNN Giấy chứng nhận số 69/GCN-UBCK ngày 20/07/2011 của UBCKNN Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 19, ngày 25/08/2011 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 11/2018 - 02/2019	3.000.000	3.171.000	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	Văn bản số 7449/NHNN-TTGSNH ngày 03/10/2018 của NHNN Giấy chứng nhận số 69/GCN-UBCK ngày 14/11/2018 Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 27, ngày 25/04/2019 của Sở KHĐT TP. HCM

Thời gian thực hiện	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Hình thức phát hành	Đơn vị chấp thuận phát hành
Tháng 01/2021 - 03/2021	3.171.000	3.520.930 (sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu) 3.670.900 (sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động)	Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tháng 01 - 03/2021) và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) (tháng 03/2021)	Văn bản số 7706/NHNN-TTGSNH ngày 22/10/2020 của NHNN Giấy chứng nhận số 306/GCN-UBCK ngày 17/12/2020 (đối với đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu) Văn bản số 354/UBCK-QLCB ngày 01/02/2021 của UBCKNN (đối với đợt phát hành cổ phiếu cho người lao động) Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 28, ngày 12/05/2021 của Sở KHĐT TP. HCM
Tháng 03 - 05/2023	3.670.900	4.221.529 (sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu) 5.016.800 (sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (tháng 03/2023) và chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (tháng 04 - 05/2023)	Văn bản số 3614/NHNN-TTGSNH ngày 30/05/2022 của NHNN Giấy chứng nhận số 42/GCN-UBCK ngày 14/03/2023 Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 29, ngày 31/05/2023 của Sở KHĐT TP. HCM (đối với đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu) Giấy ĐKKD số 0301378892, thay đổi lần thứ 30, ngày 19/06/2023 của Sở KHĐT TP. HCM (đối với đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)
Tháng 08/2024	5.016.800	5.518.462	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu	Văn bản số 5624/NHNN ngày 08/07/2024 của NHNN Văn bản số 4762/UBCK-QLCB ngày 30/07/2024 của UBCKNN Quyết định số 2222/QĐ-NHNN ngày 02/10/2024 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt (*)

Nguồn: BVBank

(*) Lưu ý: Căn cứ quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 27 Luật Các tổ chức tín dụng 2024, kể từ ngày 01/07/2024 (thời điểm Luật các tổ chức tín dụng 2024 có hiệu lực thi hành), Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng cũng đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký doanh

ngành và Ngân hàng Nhà nước sẽ thông báo thông tin về cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép cho cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã.

7. Thông tin khác về khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác

Trong 02 năm liên tục trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm phát hành Bản cáo bạch này, Công ty không có các khoản góp vốn, thoái vốn lớn (có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty tại thời điểm thực hiện) tại các doanh nghiệp khác.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do VSDC cung cấp tại thời điểm ngày 24/01/2025 như sau:

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông của BVBank tại thời điểm 24/01/2025

STT	Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	10.627	551.454.024	99,9289%
1	Tổ chức	22	39.265.497	7,1153%
2	Cá nhân	10.605	512.188.527	92,8136%
II	Cổ đông nước ngoài	33	392.191	0,0711%
1	Tổ chức	0	0	0%
2	Cá nhân	33	392.191	0,0711%
3	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0%
	Tổng cộng	10.660	551.846.215	100%

Nguồn: BVBank

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

BVBank không có cổ phiếu ưu đãi.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Chứng khoán khác đang lưu hành của Ngân hàng Bản Việt tại thời điểm 24/01/2025:

Mã trái phiếu	Giá trị mệnh giá (tỷ đồng)	Lãi suất /năm	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Ngày thực hiện quyền mua lại
BVB124020	1.468,55	Cố định kết hợp thả nổi (*)	6 năm	10/09/2024	10/09/2030	10/09/2026
BVB125003	1.254,38	Cố định kết hợp thả nổi (*)	6 năm	06/01/2025	06/01/2031	06/01/2027

Nguồn: BVBank

(*) Lưu ý: Trái phiếu BVB124020 có lãi suất năm đầu tiên là 7,9%/năm, , trái phiếu BVB125003 có lãi suất năm đầu tiên là 8,2%/năm. Lãi suất từ năm thứ 02 trở đi của cả 02 Trái phiếu nêu trên là lãi suất thả nổi được xác định bằng Lãi suất tham chiếu + Biên độ lãi suất 2,5%/năm.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 30%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quyết định của ĐHĐCĐ số 01/21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/04/2021 và Điều lệ của BVBank là 5%.

Theo Công văn số 3248/UBCK-PTTT ngày 30/06/2021, UBCKNN thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại BVBank là 5%;

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Ngân hàng tại ngày 24/01/2025: 0,0711%.

10. Hoạt động kinh doanh

Cũng như các ngân hàng thương mại khác, BVBank cung cấp các sản phẩm dịch vụ bao gồm: Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác; Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn; Bao thanh toán; Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và chứng từ có giá; Hùn vốn và liên doanh theo pháp luật hiện hành, làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; Kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Hoạt động của Ngân hàng được phân thành 06 lĩnh vực chính sau: (i) Hoạt động vốn và kinh doanh vốn; (ii) Hoạt động cấp tín dụng; (iii) Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế; (iv) Hoạt động ngân hàng đại lý; (v) Hoạt động ngân quỹ và thanh toán trong nước; và (vi) Hoạt động đầu tư tài chính.

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Loại sản phẩm, dịch vụ

a. Sản phẩm tiền gửi

- Tiền gửi thanh toán cá nhân và doanh nghiệp: là loại tài khoản tiền gửi không kỳ hạn được sử dụng để thực hiện các giao dịch thanh toán qua Ngân hàng, bao gồm các loại hình tiền gửi bằng VND, USD, ngoại tệ khác.
- Tiết kiệm có kỳ hạn thông thường: là loại tài khoản tiền gửi được sử dụng với mục đích hưởng lãi căn cứ vào kỳ hạn gửi, gồm các loại hình tiết kiệm bằng VND, USD, ngoại tệ khác.
- Tiết kiệm không kỳ hạn: là loại tài khoản được sử dụng với mục đích là gửi hoặc rút tiền mặt bất kỳ lúc nào, gồm các loại hình tiết kiệm bằng VND, USD, ngoại tệ khác.
- Tiền gửi có kỳ hạn thông thường: là loại tài khoản tiền gửi có kỳ hạn áp dụng cho cá nhân, tổ chức, gồm các loại hình tiền gửi bằng VND, USD, ngoại tệ khác.
- Tiết kiệm tích lũy: là hình thức tiết kiệm có kỳ hạn áp dụng cho khách hàng cá nhân, loại tiền VND, cho phép khách hàng gửi góp định kỳ hàng tháng hoặc nộp tiền tiết kiệm tích lũy trong suốt kỳ hạn gửi.
- Tiền gửi linh hoạt: Là hình thức tiền gửi có kỳ hạn, cho phép khách hàng linh hoạt chọn ngày đến hạn mong muốn, linh hoạt rút vốn theo yêu cầu.
- Chứng chỉ tiền gửi: là hình thức huy động giấy tờ có giá có kỳ hạn của Ngân hàng, loại tiền VND, khách hàng tham gia cam kết không tắt toán trước hạn khi chưa đến hạn thanh toán, được phát hành theo từng đợt tùy tình hình kinh doanh thực tế trong từng thời kỳ.

b. Sản phẩm cho vay

Cung cấp tín dụng cho các khách hàng là cá nhân hoặc doanh nghiệp nhằm phục vụ cho các nhu cầu về sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống:

- Cho vay sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.
- Cho vay sản xuất kinh doanh nông nghiệp.
- Cho vay ứng vốn linh hoạt.
- Cho vay sản xuất, thương mại và dịch vụ (ngắn hạn, trung dài hạn).
- Cho vay mua nền nhà, mua nhà.
- Cho vay mua căn hộ của các Dự án bất động sản.
- Cho vay sửa chữa, xây dựng nhà.
- Cho vay mua xe ô tô (kinh doanh, đi lại ...).
- Cho vay tín chấp đối với cán bộ công nhân viên.
- Cho vay cầm cố giấy tờ có giá (sổ tiết kiệm, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi ...).
- Bổ sung vốn lưu động dành cho khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và siêu nhỏ (Micro SME).
- Cấp tín dụng đầu tư tài sản cố định, đầu tư văn phòng nhà xưởng – máy móc thiết bị dành cho khách hàng doanh nghiệp.
- Sản phẩm cho vay sản xuất kinh doanh cà phê hợp tác INTIMEX.

- Thấu chi tài khoản thanh toán dành cho khách hàng doanh nghiệp.
- Cho vay đầu tư dự án.
- Cho vay bổ sung vốn lưu động - Sản phẩm tài trợ trọn gói dành cho KH SMEs.
- Cấp tín dụng công trình có vốn đầu tư công.
- Bao thanh toán ...

c. Các sản phẩm dịch vụ khác

- Dịch vụ chuyển tiền trong nước.
- Dịch vụ bảo lãnh, thu đổi ngoại tệ, chuyển tiền Western Union, thanh toán quốc tế ...
- Dịch vụ Ngân hàng điện tử: Internet Banking, Mobile Banking ...
- Kinh doanh ngoại tệ, mua bán nhà qua Ngân hàng ...
- Dịch vụ chi hộ lương, Thu thuế hải quan 24/7...
- Dịch vụ Thu chi hộ tiền mặt tận nơi, thanh toán hóa đơn ...
- Dịch vụ thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ nội địa, quốc tế.

10.1.2. Tỷ lệ từng loại sản phẩm, dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu (Hợp nhất)

Khoản mục	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	5.542	88,57%	6.939	90,79%	6.486	91,77%
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	220	3,52%	236	3,09%	276	3,90%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	414	6,62%	232	3,03%	211	2,98%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	10	0,16%	126	1,65%	30	0,43%
Thu nhập từ hoạt động khác	71	1,13%	110	1,44%	65	0,92%
Tổng	6.257	100%	7.643	100%	7.067	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất năm 2024 của BVBank

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu (Riêng lẻ)

Khoản mục	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	5.542	88,60%	6.939	90,80%	6.486	91,78%

Khoản mục	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)	Tỷ đồng	Tỷ lệ (%)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	220	3,52%	236	3,09%	276	3,90%
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	414	6,62%	232	3,04%	211	2,98%
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	10	0,16%	126	1,65%	30	0,43%
Thu nhập từ hoạt động khác	69	1,10%	109	1,43%	64	0,91%
Tổng	6.255	100%	7.642	100%	7.067	100%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng lẻ năm 2024 của BVBank

Năm 2023, thu nhập từ các mảng hoạt động kinh doanh của Ngân hàng đạt 7.643 tỷ đồng, tăng mạnh so với năm 2022 (tăng 22,15%). Đóng góp đáng kể vào kết quả hoạt động kinh doanh ấn tượng này là từ tăng trưởng Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (tăng 25,21%, đạt 6.939 tỷ đồng năm 2023). Đây là mảng hoạt động chủ lực của Ngân hàng khi chiếm tỷ trọng trên dưới 90% trong tổng doanh thu hoạt động của Ngân hàng giai đoạn 2022 - 2023.

Thu nhập từ mua bán chứng khoán tăng đột biến trong năm 2023 (tăng gần 12,6 lần so với 2022), đạt 126 tỷ đồng do việc thực hiện hóa các khoản đầu tư chứng khoán của Ngân hàng.

Doanh thu của Ngân hàng trong năm 2024 đạt 7.067 tỷ đồng, trong đó thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự chiếm tỷ trọng lớn nhất, đạt 6.486 tỷ đồng, tương đương 91,77% tổng doanh thu của Ngân hàng trong kỳ.

Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận (Hợp nhất)

Khoản mục	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)
Thu nhập lãi thuần	1.714	89,41%	1.479	84,27%	2.306	93,08%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	100	5,22%	54	3,08%	38	1,52%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	43	2,24%	22	1,25%	46	1,85%
Lãi (lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-5	-0,26%	122	6,95%	27	1,08%
Lãi thuần từ hoạt động khác	65	3,39%	78	4,44%	61	2,47%
Tổng	1.917	100%	1.755	100%	2.478	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất năm 2024 của BVBank

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận (Riêng lẻ)

Khoản mục	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)
Thu nhập lãi thuần	1.712	89,40%	1.476	84,25%	2.303	93,08%

Khoản mục	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)	Triệu đồng	Tỷ lệ (%)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	100	5,22%	54	3,08%	38	1,52%
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	43	2,25%	22	1,26%	46	1,86%
Lãi (Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	-5	-0,26%	122	6,96%	27	1,08%
Lãi thuần từ hoạt động khác	64	3,34%	77	4,39%	61	2,47%
Tổng	1.915	100%	1.752	100%	2.475	100%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng lẻ năm 2024 của BVBank

Lợi nhuận thuần của Công ty (trước Chi phí hoạt động và Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng) năm 2023 đạt 1.755 tỷ đồng, giảm nhẹ 8,4% so với năm 2022. Trong đó, thu nhập lãi thuần chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu lợi nhuận thuần của Công ty (84%-89%), đạt 1.479 tỷ đồng trong năm 2022, giảm 13,7% so với năm 2022. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư năm 2023 tăng đột biến lên 122 tỷ đồng so với mức lỗ 5 tỷ đồng trong năm 2022. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và Lãi thuần từ hoạt động khác ghi nhận lãi nhưng đóng góp không đáng kể vào cơ cấu lợi nhuận thuần của Công ty giai đoạn 2022 - 2023.

Lợi nhuận thuần của Công ty (trước Chi phí hoạt động và Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng) trong năm 2024 đạt 2.478 tỷ đồng. Trong đó, thu nhập lãi thuần đạt 2.306 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu lợi nhuận thuần của Công ty (93,08%). Các thu nhập còn lại có lợi nhuận thuần không đáng kể, đều chiếm tỷ trọng dưới 3%.

10.1.3. Huy động vốn và kinh doanh vốn

Nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu vốn cho tăng trưởng tín dụng đồng thời duy trì thanh khoản, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu an toàn vốn theo quy định của NHNN như tỷ lệ khả năng chi trả, các tỷ lệ về sử dụng vốn..., BVBank luôn triển khai các sản phẩm đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu gửi tiền của dân cư và các tổ chức bằng ngoại tệ và nội tệ thông qua nhiều kênh huy động.

Cơ cấu huy động vốn của BVBank hàng năm ngày càng hợp lý, hiệu quả, đa dạng hóa sản phẩm và chi phí linh hoạt, tối ưu. BVBank luôn duy trì tỷ trọng hợp lý giữa nguồn vốn huy động giữa thị trường I (huy động vốn từ các tổ chức và dân cư) và thị trường II (huy động từ các tổ chức tín dụng).

Cơ cấu nguồn huy động như sau:

Bảng 7: Nguồn vốn huy động năm 2022, 2023 và 2024 (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Tiền gửi và vay chính phủ và NHNNVN	1.486	2,04%	-	-	1.558	1,63%

Khoản mục	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Tiền gửi và vay các TCTD khác	11.218	15,44%	12.507	15,63%	18.722	19,62%
Tiền gửi của khách hàng	50.129	68,98%	57.139	71,40%	67.389	70,63%
Phát hành giấy tờ có giá	9.485	13,05%	10.023	12,52%	7.526	7,89%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	353	0,49%	362	0,45%	222	0,23%
Tổng cộng	72.671	100%	80.031	100%	95.417	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất năm 2024 của BVBank

Bảng 8: Nguồn vốn huy động năm 2022, 2023 và 2024 (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Tiền gửi và vay chính phủ và NHNNVN	1.486	2,04%	-	-	1.558	1,63%
Tiền gửi và vay các TCTD khác	11.218	15,41%	12.507	15,60%	18.722	19,59%
Tiền gửi của khách hàng	50.264	69,04%	57.274	71,44%	67.524	70,67%
Phát hành giấy tờ có giá	9.485	13,03%	10.023	12,50%	7.526	7,88%
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	353	0,49%	362	0,45%	222	0,23%
Tổng cộng	72.806	100%	80.166	100%	95.552	100%

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng lẻ năm 2024 của BVBank

Cơ cấu nguồn huy động trong và ngoài nước:

Bảng 9: Cơ cấu nguồn huy động trong và ngoài nước

Chi tiêu	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng	Giá trị (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Trong nước	72.318	99,51%	79.669	99,55%	95.195	99,77%
Ngoài nước	353	0,49%	362	0,45%	222	0,23%
Tổng cộng	72.671	100%	80.031	100%	95.417	100%

Nguồn: BVBank

Trong những năm gần đây, do ảnh hưởng biến động kinh tế thế giới, tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn. Công tác huy động vốn tại các TCTD bị ảnh hưởng nhất định, trước tình hình này, BVBank đã đưa ra nhiều chính sách cho phù hợp với từng thời kỳ nhằm khuyến khích tăng trưởng huy động, trong đó tập trung chú trọng tăng trưởng huy động từ các Doanh nghiệp và dân cư, đồng thời theo hướng phân tán khách hàng rộng hơn.

Huy động vốn của BVBank chủ yếu là huy động từ TCKT và dân cư trong nước, chiếm hơn 99% tổng huy động năm 2024, và xu hướng tăng qua các năm (từ 79% năm 2021 đến 99,77% % năm 2024). Đây là nguồn vốn ổn định, tăng trưởng qua các năm, đủ để đáp ứng vốn sử dụng cho tăng trưởng tín dụng và đảm bảo thanh khoản. BVBank đã triển khai nhiều chương trình khuyến mãi, phát triển thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ nhằm thu hút nguồn tiền gửi từ dân cư.

10.1.4. Hoạt động tín dụng

Tổng dư nợ cho vay, tỷ lệ an toàn vốn

Thương hiệu và hình ảnh của BVBank đang dần trở nên phổ biến hơn với việc mở rộng thị phần cho vay thông qua các mạng lưới hoạt động trải dài từ Bắc vào Nam, các điểm giao dịch đặt tại các địa bàn trọng yếu, tận dụng các thế mạnh về lãi suất và thời gian hoàn tất hồ sơ vay cho khách hàng để tăng doanh thu và mở rộng thị phần. Bên cạnh đó, BVBank cũng thường xuyên rà soát, quan tâm và chăm sóc các khách hàng có uy tín để duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng và qua đó đạt được mức tăng trưởng về dư nợ tín dụng trên cơ sở đảm bảo an toàn chất lượng của khoản vay. Công tác kiểm tra nội bộ được tiến hành thường xuyên nên đã kịp thời bổ sung, chấn chỉnh các thiếu sót về hoạt động tín dụng trong toàn hệ thống.

Trong giai đoạn vừa qua, BVBank tập trung mở rộng mạng lưới hoạt động, triển khai công tác tiếp thị và quảng bá thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, chú trọng đến chất lượng phục vụ, thời gian xử lý hồ sơ cho vay đảm bảo nhanh chóng nên đã góp phần đẩy nhanh dư nợ cho vay của ngân hàng. Dư nợ cho vay từ năm 2019 đến năm 2021 tăng trưởng khá tốt (hơn 16%), năm 2022 do ảnh hưởng hậu quả dịch bệnh kéo theo nền kinh tế chung của thị trường khó khăn, nên tăng trưởng có phần chững lại nhưng vẫn xấp xỉ 10%. Dư nợ cho vay từ 50.859 tỷ đồng vào cuối năm 2022 lên 57.768 tỷ năm 2023, tăng 14%. Tính đến 31/12/2024 dư nợ cho vay của BVBank đạt 68.063 tỷ đồng, tăng 17,82% so với cùng kỳ 2023.

Bảng 10: Dư nợ cho vay qua các năm và tỷ lệ an toàn hoạt động

Đơn vị tính: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
Tổng dư nợ cho vay	50.859	57.768	68.063
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	13,15%	11,33%	11,90%
Tỷ lệ nợ quá hạn (theo TT11)	4,67%	4,50%	3,69%
Tỷ lệ nợ xấu (theo TT11)	2,41%	2,77%	2,59%
Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi	74,14%	72,78%	76,78%

Nguồn: BVBank

Tỷ lệ nợ khó đòi

Bảng 11: Dư nợ cho vay khách hàng theo nhóm nợ

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Nợ đủ tiêu chuẩn	48.214	94,80%	54.665	94,63%	65.068	95,60%
Nợ cần chú ý	1.226	2,41%	1.189	2,06%	890	1,31%
Nợ dưới tiêu chuẩn	149	0,29%	311	0,54%	270	0,40%
Nợ nghi ngờ	408	0,80%	584	1,01%	519	0,76%
Nợ có khả năng mất vốn	862	1,70%	1.019	1,76%	1.317	1,93%
Tổng cộng	50.859	100%	57.768	100%	68.063	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất năm 2024 của BVBank

Rủi ro lãi suất và việc phân loại, trích lập DPRR tín dụng:

Rủi ro lãi suất được BVBank thực hiện kiểm soát thông qua việc xác định mức lãi suất cho vay theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các yếu tố rủi ro, mặt bằng lãi suất thị trường nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân Hàng.

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo công tác kiểm soát và xử lý nợ xấu, việc trích lập dự phòng rủi ro các khoản vay của khách hàng, công nợ tiềm ẩn và các cam kết ngoại bảng được BVBank nghiêm túc thực hiện theo các quy định của NHNN.

Bảng 12: Số dư quỹ DPRR cho vay khách hàng của BVBank

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
Dự phòng chung	375	426	501	375	426	501
Dự phòng cụ thể	366	375	452	366	375	452
Tổng cộng	741	801	952	741	801	952

Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2024 của BVBank

Phân loại tổng dư nợ tín dụng

a. Theo thời hạn vay

Bảng 13: Dư nợ cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Nợ ngắn hạn	31.326	61,59%	39.522	68,41%	43.875	64,46%
Nợ trung hạn	4.591	9,03%	4.146	7,18%	5.658	8,31%
Nợ dài hạn	14.942	29,38%	14.100	24,41%	18.531	27,23%
Tổng cộng	50.859	100%	57.768	100%	68.063	100,0%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất năm 2024 của BVBank

b. Theo tiền tệ

Bảng 14: Dư nợ cho vay theo tiền tệ (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Bằng VND	50.520	99,33%	57.615	99,74%	67.936	99,81%
Bằng ngoại tệ	340	0,67%	153	0,26%	127	0,19%
Tổng cộng	50.859	100%	57.768	100%	68.063	100%

Nguồn: BVBank

c. Theo ngành nghề

Bảng 15: Dư nợ cho vay theo ngành nghề (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Khoản mục	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	17.223	33,86%	26.340	45,60%	28.500	41,87%
Xây dựng	5.309	10,44%	4.558	7,89%	4.187	6,15%
Hoạt động kinh doanh bất động sản	7.313	14,38%	7.466	12,92%	11.407	16,76%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	5.733	11,27%	6.496	11,24%	8.671	12,74%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	3.659	7,19%	1.986	3,44%	2.375	3,49%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	3.600	7,08%	2.853	4,94%	3.822	5,61%
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	3.463	6,81%	4.754	8,23%	5.306	7,80%
Vận tải kho bãi	558	1,10%	450	0,78%	516	0,76%
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	535	1,05%	457	0,79%	374	0,55%
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	768	1,51%	433	0,75%	1.015	1,49%
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	378	0,74%	285	0,49%	168	0,25%

Khoản mục	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Thông tin và truyền thông	334	0,66%	35	0,06%	17	0,03%
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	1.001	1,97%	823	1,42%	650	0,96%
Giáo dục và đào tạo	53	0,10%	29	0,05%	17	0,02%
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	109	0,21%	60	0,10%	38	0,06%
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	78	0,15%	76	0,13%	50	0,07%
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	26	0,05%	24	0,04%	23	0,03%
Khai khoáng	119	0,23%	54	0,09%	39	0,06%
Hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, bảo đảm xã hội bắt buộc	5	0,01%	1	0,00%	1	0,00%
Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	-	-	-	-	1	0,00%
Hoạt động dịch vụ khác	595	1,17%	588	1,02%	888	1,30%
Tổng cộng	50.859	100%	57.768	100%	68.063	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất năm 2024 của BVBank

10.1.5. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế

BVBank đang triển khai thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế nhưng do nguyên nhân khách quan dẫn đến hoạt động thanh toán tín dụng thư xuất nhập khẩu và công tác chuyển tiền còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu hoạt động của BVBank. Cùng với sự phát triển về quy mô, mạng lưới hoạt động, hạ tầng công nghệ và chất lượng nhân sự... đến nay, BVBank

đã và đang cung cấp đầy đủ và đa dạng các sản phẩm cho khách hàng cá nhân và doanh nghiệp như thanh toán quốc tế, chuyển đổi ngoại tệ.

Bảng 16: Doanh số kinh doanh ngoại tệ

Đơn vị: triệu USD

Kinh doanh ngoại tệ	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
Mua	21.871	24.044	26.608
Bán	21.778	23.914	26.663

Nguồn: BVBank

Bảng 17: Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán năm 2022, 2023 và 2024 (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
Thu nhập hoạt động kinh doanh ngoại hối	413.654	231.706	210.802
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(370.754)	(209.392)	(164.865)
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	42.900	22.314	45.937

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất năm 2024 của BVBank

Mối quan hệ với khách hàng truyền thống được BVBank duy trì và quan tâm phát triển, bên cạnh việc tìm kiếm khách hàng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như quảng cáo, băng rôn, tờ rơi, internet... và liên hệ giới thiệu dịch vụ cho khách hàng. Các điểm giao dịch cũng không ngừng tăng cường khai thác tiềm năng, mở rộng thị phần thanh toán của ngân hàng. BVBank đã tổ chức bán các loại ngoại tệ cho hoạt động thanh toán của Ngân hàng. Ngoài ra, BVBank cũng đã tổ chức khai thác nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng để hỗ trợ, bổ sung nguồn vốn hoạt động của Ngân hàng.

10.1.6. Hoạt động ngân hàng đại lý

Hiện tại, BVBank đã thiết lập mối quan hệ thanh toán quốc tế với các Ngân hàng đại lý tại một số quốc gia như: Mỹ, Đức, Anh, Úc, HongKong, Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Thái Lan, Trung Quốc..... Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phát triển quan hệ quốc tế nói chung và đẩy mạnh hoạt động thanh toán quốc tế nói riêng, BVBank thường xuyên phấn đấu đổi mới, tiếp tục tăng cường quan hệ với các ngân hàng ở trong và ngoài nước đáp ứng nhu cầu hội nhập của Ngân hàng.

10.1.7. Hoạt động ngân quỹ và thanh toán trong nước

Công tác chuyển tiền trong toàn hệ thống nhanh, chính xác, hoạt động ngân quỹ an toàn, thu đúng, chi đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiền mặt cho khách hàng đã tạo được uy tín và góp phần nâng cao hình ảnh BVBank. Cùng với việc nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng chuyên môn, BVBank cũng đã mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động, nâng cấp hạ tầng công nghệ. Ngoài ra, do là thành viên của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của NHNN nên thông qua BVBank, khách hàng có thể chuyển tiền, thanh toán đến các địa phương cả nước trong thời gian ngắn nhất.

10.1.8. Hoạt động đầu tư tài chính

Để đa dạng cơ cấu tài sản có, đồng thời tăng nguồn thu và tính thanh khoản cho ngân hàng, BVBank đã sử dụng một phần vốn tự có tăng lên trong năm tạm thời chưa sử dụng hết để đầu tư trái phiếu Chính Phủ, Trái phiếu của TCTD ... và các loại chứng khoán, giấy tờ có giá khác.

Bảng 18: Các khoản đầu tư tài chính (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Đầu tư tài chính	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
Trái phiếu chính phủ	8.954	7.455	8.984
Trái phiếu do TCTD khác trong nước phát hành	2.190	249	249
Tổng cộng	11.144	7.704	9.234

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất năm 2024 của BVBank

10.2. Tài sản

Bảng 19: Giá trị Tài sản cố định (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

S T T	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản hữu hình	693	441	764	472	908	565
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	224	200	247	216	339	302
2	Máy móc và thiết bị	251	126	260	116	298	132
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	160	79	189	98	200	91
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	6	4	7	4	7	3
5	Tài sản cố định hữu hình	52	32	61	38	64	37
II	Tài sản vô hình	1.167	981	1.237	1.031	1.195	969
1	Quyền sử dụng đất	846	816	883	850	810	773
2	Phần mềm máy tính	321	165	354	181	384	196
	Tổng cộng	1.860	1.422	2.001	1.503	2.103	1.534

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất năm 2024 của BVBank

Bảng 20: Giá trị Tài sản cố định (Riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

S T T	Chi tiêu	31/12/2022		31/12/2023		31/12/2024	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản hữu hình	693	441	764	472	908	565
1	Nhà cửa và vật kiến trúc	224	200	247	216	339	302
2	Máy móc và thiết bị	251	126	260	116	298	132
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	160	79	189	98	200	91
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	6	4	7	4	7	3
5	Tài sản cố định hữu hình	52	32	61	38	64	37
II	Tài sản vô hình	1.167	981	1.237	1.031	1.195	969
1	Quyền sử dụng đất	846	816	883	850	810	773
2	Phần mềm máy tính	321	165	354	181	384	196
	Tổng cộng	1.860	1.422	2.001	1.503	2.103	1.534

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng lẻ năm 2024 của BVBank

Bảng 21: Chi tiết các tài sản lớn thuộc sở hữu của BVBank tại 31/12/2024

Đơn vị: tỷ đồng

Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao/Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
Bất động sản số 240 Thống nhất, Phường Phương Sơn, Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	163,746	0,113	163,633	100%
Bất động sản 316 Đại lộ Bình Dương, P, Phú Hòa, TP, Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	147,477	30,910	116,567	79%
Bất động sản thừa đất số 554, tờ bản đồ số 3, Phường Bình An, Q,2 (TP, Thủ Đức), TP, HCM	132,542	-	132,542	100%
Bất động sản 267 + 269 Nguyễn Văn Linh, P, Vĩnh Trung, Q, Thanh Khê, TP, Đà Nẵng	100,025	0,924	99,101	99%

Tên tài sản	Nguyên giá	Khấu hao/Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
Bất động sản tầng 1 đến tầng 7 tòa nhà silver Sea Tower tại 47 Ba Cu, P1, TP, Vũng Tàu	79,883	11,662	68,221	85%
Bất động sản thửa đất số 322, tờ bản đồ số 22, P,5, TP, Cà mau, TP, Cà mau	78,042	0,924	77,118	99%
Bất động sản số 75 Lê Hồng Phong, phường 07, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	77,374	0,925	76,450	99%
Bất động sản 143 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P4, TP, Mỹ Tho, Tiền Giang	67,022	0,660	66,362	99%
Bất động sản 1219 Trần Hưng Đạo, P,Mỹ Bình, TP, Long Xuyên, T,An Giang	62,448	1,082	61,366	98%
Bất động sản số 41 Trà Quý Bình, Phường 2, TP Tân An, Tỉnh Long An	56,053	0,926	55,127	98%

Nguồn: Ngân hàng Bản Việt

10.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Hoạt động Quản trị rủi ro và bảo toàn vốn là một trong các vấn đề cốt lõi được BVBank đặc biệt quan tâm, mang tính trọng yếu và xuyên suốt trong mọi hoạt động của Ngân hàng. Hệ thống quản lý rủi ro được BVBank chú trọng xây dựng, phát triển hướng đến các chuẩn mực quốc tế. Nhằm hạn chế tối thiểu các rủi ro và bảo toàn nguồn vốn kinh doanh, Ban điều hành Ngân hàng cùng với HĐQT xây dựng hệ thống quản lý, phân định rõ các loại rủi ro nhằm theo dõi, quản lý theo hướng chuyên môn hóa từng loại rủi ro trọng yếu như rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường và thanh khoản để nắm bắt kịp thời những rủi ro có khả năng phát sinh, có biện pháp xử lý kịp thời và phù hợp. Bằng việc tổng hợp, phân tích, đánh giá các dữ liệu báo cáo quá khứ từ những năm trước, Ban Điều hành Ngân hàng cùng các Phòng ban liên quan đã chủ động được trong các tình huống rủi ro và hạn chế những rủi ro phát sinh.

Một số các giải pháp áp dụng để tăng cường phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro của BVBank đã triển khai như sau:

- Cơ cấu lại mô hình tổ chức theo hướng hiện đại để bảo đảm kiểm soát và quản lý rủi ro; thành lập các phòng quản lý rủi ro chuyên biệt bao gồm Phòng Quản lý rủi ro Tín dụng, Phòng Quản lý rủi ro Vận hành & Phòng Quản lý rủi ro Thị trường, Phòng Quản lý rủi ro Ngân hàng số, chọn lựa cán bộ có đủ năng lực trình độ, phẩm chất đạo đức để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ, có cơ chế phân quyền, quy định trách nhiệm đối với cán bộ phụ trách và tác nghiệp, phù hợp với năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ đã được đào tạo thử thách và cơ sở vật

chất hiện có, nâng cao năng lực trình độ chuyên môn một cách tương xứng cho đội ngũ cán bộ.

- Rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Phân tích các rủi ro có thể xảy ra trong từng quy trình nghiệp vụ để triển khai ngay các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn rủi ro;
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Trong bất kỳ hoàn cảnh và môi trường công tác nào cũng không buông lỏng công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy chế, quy trình nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ mới trong công tác này để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa sai phạm, rủi ro;
- Đầu tư thích đáng về đào tạo nghiệp vụ kinh doanh phù hợp với chuẩn mực và kinh nghiệm quốc tế; trang thiết bị tin học viễn thông hiện đại nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật và có tính mở; chỉ ra các lĩnh vực kinh doanh mới (tiền tệ tín dụng, ngoại hối, thanh toán chuyển tiền ...) khi có khả năng phân tích và kiểm soát được rủi ro; Ngân hàng có chính sách, cơ chế, quy trình tuyển dụng, bố trí, bổ nhiệm, đào tạo cán bộ phù hợp với từng chức năng công việc. Việc không ngừng bồi dưỡng, giáo dục nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngân hàng phải được quán triệt và quan tâm thỏa đáng ở mọi cấp quản lý;
- Triển khai, áp dụng các chuẩn mực và công cụ mới trong quản lý rủi ro;
- Thực hiện việc phân loại nợ thông qua hệ thống tự động hóa, trích lập dự phòng và xử lý rủi ro theo đúng quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước; nâng cấp hệ thống, đảm bảo việc thực hiện được chính xác và kịp thời, cải tiến hệ thống thông tin báo cáo và quản trị rủi ro;
- Ban điều hành BVBank luôn khuyến khích cán bộ ngân hàng chủ động báo cáo các tình huống phát sinh rủi ro hoặc tiềm ẩn rủi ro của Ngân hàng; sẵn sàng đối phó với những vấn đề này sinh; kiểm soát những thua lỗ; cố gắng củng cố hệ thống khi có rủi ro xảy ra. Thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ giữa Ban điều hành và lãnh đạo các đơn vị để rà soát công tác quản lý rủi ro của Ngân hàng.

Năm 2025, BVBank tiếp tục đẩy mạnh triển khai quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II nhằm tăng cường năng lực quản trị rủi ro:

- Nâng cao quản lý rủi ro tín dụng thông qua việc tập trung hóa công tác thẩm định tín dụng, quản lý tín dụng nhằm gia tăng kiểm soát chặt chẽ ở khâu giải ngân vốn tín dụng, thẩm định giá tài sản để tăng cường quản lý chất lượng tài sản bảo đảm, triển khai nâng cấp hệ thống xếp hạng tín dụng theo đối tượng khách hàng mục tiêu;
- Xây dựng danh mục ngành nghề định hướng hoạt động tín dụng trong năm, quản lý rủi ro theo cây sản phẩm để nâng cao chất lượng tín dụng.
- Thiết lập cơ chế giám sát nợ từ xa thông qua hệ thống cảnh báo sớm nhằm theo dõi đảm bảo việc quản lý nợ được tốt hơn, hạn chế phát sinh nợ xấu;
- Xác lập các hạn mức rủi ro cho các sản phẩm tín dụng (tỷ lệ nợ quá hạn, tỷ lệ nợ xấu ...), xây dựng các hạn mức phân quyền phê duyệt cho hoạt động kinh doanh;
- Triển khai mô hình giám sát, xử lý nợ bán lẻ để đáp ứng kịp thời yêu cầu kinh doanh;

- Đối với hoạt động rủi ro vận hành, thị trường và thanh khoản, được chú trọng nhiều hơn thông qua thiết lập cơ chế cảnh báo rủi ro thị trường, xây dựng các kịch bản tình huống để kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản, xây dựng hệ thống & quy trình tự đánh giá rủi ro chốt kiểm soát (RCSA).

Vốn của BVBank được phân bổ hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh, luôn đáp ứng tỷ lệ vốn an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, để tối ưu hệ số an toàn vốn hơn nữa, BVBank cũng đang thực hiện:

- Cấu trúc lại danh mục tài sản tối ưu nhằm định hướng kinh doanh vào các lĩnh vực, tài sản có hệ số rủi ro thấp.
- Xây dựng các chính sách lãi suất cho vay dựa trên rủi ro đối tượng khách hàng nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh đủ bù đắp cho mức vốn được phân bổ tương ứng;
- Phát triển sản phẩm theo gói nhằm đa dạng hóa dịch vụ, tăng thu từ phí dịch vụ, bù đắp rủi ro mà vẫn cạnh tranh được với thị trường.

10.4. Thị trường hoạt động

10.4.1. Mạng lưới chi nhánh, Phòng giao dịch và Văn phòng đại diện

- Mạng lưới hoạt động của BVBank hiện nay bao gồm: 01 Hội sở, 38 chi nhánh, 77 phòng giao dịch tại các tỉnh thành phố trong cả nước. BVBank đang từng bước củng cố mạng lưới hoạt động hiện có, phát triển thêm các điểm giao dịch mới để mở rộng mạng lưới phục vụ.
- Nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường nội địa, đáp ứng nhu cầu hội nhập trên thị trường quốc tế, BVBank luôn đề ra mục tiêu và chiến lược phấn đấu nhằm duy trì và phát triển thị phần khách hàng. Việc mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động của BVBank nhằm tăng khả năng tiếp cận các sản phẩm của ngân hàng đến đủ các đối tượng khách hàng trên địa bàn và khắp nơi trên cả nước.

10.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

- Địa bàn hoạt động chính của BVBank hiện tại tập trung các trung tâm tài chính tại các tỉnh, thành phố lớn có nhu cầu về các dịch vụ của Ngân hàng. Các khách hàng chính của BVBank là các khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp, chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các tổ chức tín dụng.
- Sau hơn 30 năm hoạt động, BVBank đã từng bước tích lũy lợi nhuận, nâng dần chất lượng của các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tìm kiếm và phát triển số lượng khách hàng của Ngân hàng. Từ đối tượng khách hàng chính của Ngân hàng là các cá nhân, tiểu thương, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, BVBank còn quan tâm và mở rộng các hoạt động đến các đối tượng khách hàng là các công ty liên doanh, doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trong các khu công nghiệp, hỗ trợ sự phát triển các ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống tại các địa phương trong cả nước.
- BVBank kế hoạch triển khai thêm nhiều loại hình sản phẩm và dịch vụ mới, cải tiến các sản phẩm dịch vụ hiện có, đem đến nhiều sự lựa chọn cho khách hàng, đồng thời nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, có chính sách ưu đãi các khách hàng giao dịch thường xuyên, khách hàng truyền thống, khách hàng có số dư tiền gửi lớn, mở rộng mạng lưới hoạt động trên khắp

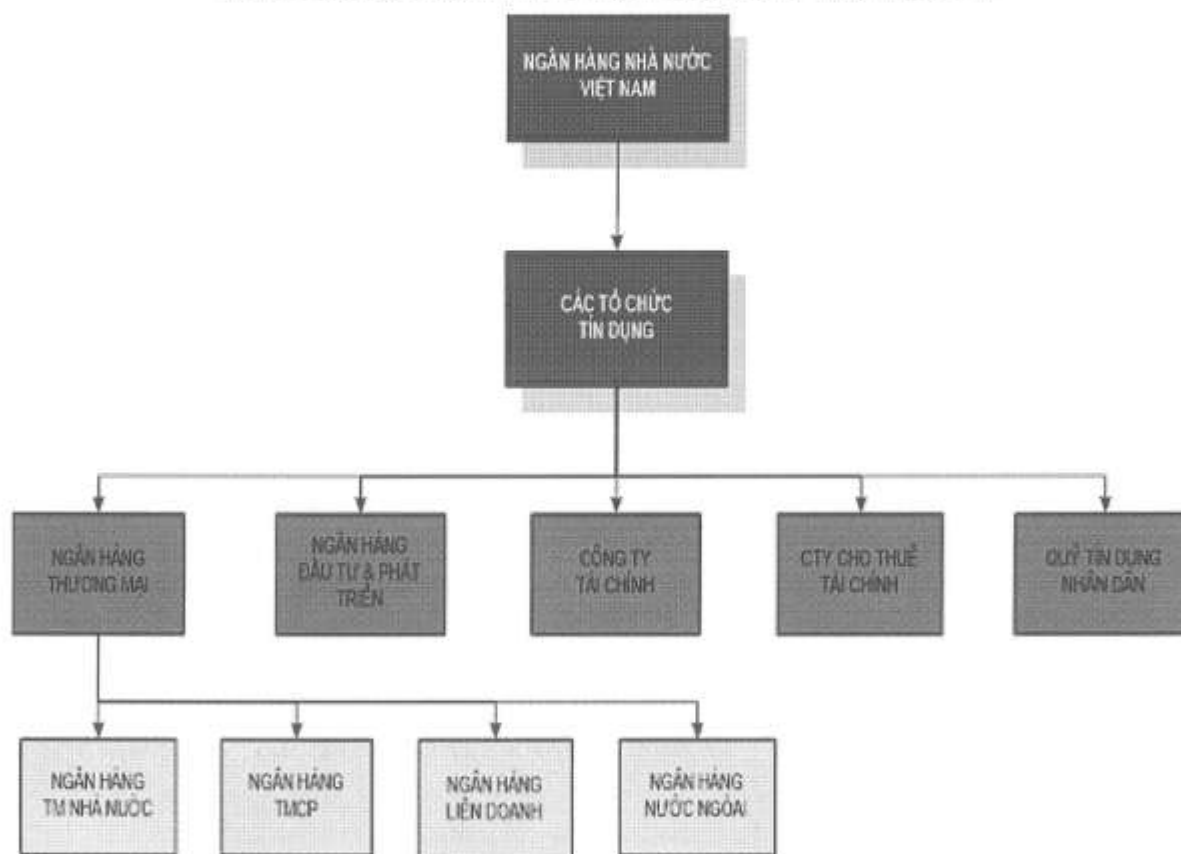
cả nước, nhằm định hướng phát triển BVBank trở thành một thương hiệu mạnh trong chất lượng dịch vụ khách hàng.

10.4.3. Vị thế của BVBank trong ngành

a. Hệ thống Ngân hàng Việt Nam

- Tính đến cuối năm 2017, hệ thống ngân hàng Việt Nam có nhóm chính bao gồm 5 ngân hàng thương mại Nhà nước (NHTMNN), không kể Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam; 37 ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP); 48 chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 5 ngân hàng liên doanh; 5 ngân hàng có 100% vốn nước ngoài; 17 công ty tài chính; 13 công ty cho thuê tài chính; 48 Văn phòng đại diện Ngân hàng nước ngoài tại Việt nam và 915 quỹ tín dụng tại tất cả các tỉnh thành trên cả nước.

Bảng 22: Sơ đồ tổ chức của Hệ thống Ngân hàng Việt Nam



- Sau một thời gian chính thức trở thành thành viên WTO hệ thống Ngân hàng cũng ngày càng phát triển cả về quy mô, chất lượng hoạt động, làm tăng độ sâu tài chính, sức cạnh tranh trong hệ thống Ngân hàng và thị trường tài chính ngày càng đa dạng. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao cùng với làn sóng đầu tư nước ngoài lớn tạo ra cơ hội phát triển của ngành Ngân hàng.
- Hệ thống Ngân hàng Việt Nam đã có nhiều đột phá về phát triển dịch vụ: Ngân hàng bán lẻ, Ngân hàng đầu tư, dịch vụ thanh toán, Ngân hàng nhà, quản lý tài sản,... đã khởi đầu một giai

đoạn thay đổi về chất của hoạt động Ngân hàng. Các ngân hàng đã áp dụng công nghệ vào các sản phẩm, dịch vụ một cách hiệu quả. Mạng dịch vụ của NHTM Việt Nam từng bước tiếp cận với tiêu chuẩn của dịch vụ NH quốc tế. Sức cạnh tranh của Ngân hàng được quyết định ở số lượng và chất lượng dịch vụ và vì thế có lẽ đây là bước tiến nổi bật nhất của ngành Ngân hàng.

- Tuy nhiên hoạt động Ngân hàng còn một số hạn chế. Trước hết là khung pháp lý vẫn trong tình trạng khó lường trước. Điều này khiến việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế về quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro rất khó khăn. Hạn chế này cộng với công nghệ lạc hậu, nhân lực còn giới hạn là những thách thức chủ yếu của ngành Ngân hàng Việt Nam trong trung hạn.

b. Vị thế của BVBank so với các đơn vị khác trong cùng ngành

Trải qua nhiều thăng trầm trong quá trình hình thành và phát triển, BVBank đến nay cũng đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận như về tốc độ tăng trưởng, về dư nợ tín dụng, vốn huy động, chỉ số lợi nhuận... Bên cạnh đó BVBank cũng có một số lợi thế nhất định so với các Ngân hàng khác trong cùng địa bàn.

- Về nguồn nhân lực: Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành của BVBank là những cán bộ có năng lực và chuyên môn ngân hàng giỏi, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Bên cạnh đó, đội ngũ CB-CNV của BVBank trẻ, năng nổ, nhiệt tình, tận tâm, ham học hỏi, hầu hết được đào tạo chính quy về các chuyên môn và nghiệp vụ.
- Hệ thống công nghệ thông tin: BVBank luôn chú trọng đầu tư triển khai hệ thống công nghệ ngân hàng hiện đại, tạo nền tảng vững chắc hỗ trợ công tác quản trị ngân hàng và phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại. Trong thời gian tới, BVBank tiếp tục tăng cường năng lực tài chính, quản trị điều hành, công nghệ thông tin, mở rộng các dịch vụ ngân hàng điện tử, hiện đại hóa ngân hàng tiến tới hội nhập khu vực và thế giới. Hiện tại BVBank đã đưa vào sử dụng hệ thống thông tin cung cấp số liệu một cách chính xác và kịp thời đến từng cấp quản lý, phục vụ nhu cầu truy vấn số liệu trong nội bộ ngân hàng. Ngoài ra, BVBank đã triển khai hoạt động ngân hàng số Digimi cùng nhiều dự án nâng cấp hệ thống dữ liệu và công nghệ như: giải pháp xây dựng và nâng cấp hệ thống tính toán lợi nhuận đa chiều và lợi nhuận điều chỉnh rủi ro về vốn, website mới bvbank.net.vn, hệ thống máy giao dịch tự động thế hệ mới CRM.
- Hệ thống kiểm tra nội bộ: BVBank đã xây dựng được bộ phận kiểm tra nội bộ chuyên trách của Ngân hàng. Hệ thống kiểm tra nội bộ gồm các cán bộ có thâm niên trong ngành, kiểm tra việc thực hiện quy trình của Ngân hàng một cách độc lập, khách quan nhằm hạn chế những rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.
- Nguồn khách hàng: Với quy chế quản lý quy trình cấp tín dụng thông thoáng và an toàn, đảm bảo hoàn tất hồ sơ trong thời gian nhanh nhất, BVBank đã hấp dẫn được một lượng lớn các khách hàng, do vậy tỷ lệ lợi nhuận từ lãi vay của BVBank cao, đảm bảo mức thu nhập và nâng cao khả năng cạnh tranh của BVBank đối với ngân hàng khác.

Trong quá trình phát triển BVBank vẫn đang thực hiện cùng cố tổ chức hoạt động với nhiều cơ hội và thách thức từ thị trường và các quy định từ NHNN (về phân loại nợ, trích lập dự phòng ...) nhưng với định hướng bám sát chiến lược phát triển, mở rộng và đa dạng hóa cơ sở khách hàng, giảm lệ thuộc vào khách hàng lớn, chuyển dịch hệ khách hàng theo hướng tập trung vào các khách hàng nhỏ lẻ, có margin cao hơn và nỗ lực kiểm soát chi phí. Kết thúc năm tài chính 2024, hoạt động của BVBank đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, cụ thể:

- ✓ Tổng tài sản: tăng trưởng tốt cả về quy mô và chất lượng, cuối năm 2021 đạt 76.511 tỷ, tăng 25% so với năm 2020, năm 2022 tăng hơn 3% so với năm trước và đến năm 2023 đạt 87.884 tỷ đồng tăng 11% so với năm 2022. Tính đến 31/12/2024, đạt 103.536 tỷ đồng, tăng 17,8% so với cùng kỳ 2023.
- ✓ Hoạt động huy động vốn: BVBank luôn duy trì tốc độ tăng trưởng nguồn vốn ổn định, từng bước cơ cấu nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng huy động trung dài hạn nhằm bảo đảm tính ổn định, an toàn thanh khoản, phù hợp với danh mục cho vay. Tính đến 31/12/2023, tổng nguồn vốn huy động đạt 80.031 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2022; trong đó, huy động thị trường 1 đạt mức 67.162 tỷ đồng, tăng trên 13% so với năm 2022. Đến 31/12/2024, tổng nguồn vốn huy động đạt 93.859 tỷ đồng, tăng 17%, trong đó, huy động thị trường 1 đạt 74.915 tỷ đồng, tăng 11% so với đầu năm.
- ✓ Hoạt động tín dụng: tập trung vào các ngành trọng yếu mà nhà nước khuyến khích, hướng đến các khách hàng tiềm năng như SME. Tăng trưởng tín dụng trên cơ sở kiểm soát tốt rủi ro, tăng dần tỷ trọng tín dụng bán lẻ. Dư nợ cho vay thị trường 1 năm 2023 đạt 57.768 tỷ tăng hơn 13% so với năm 2022 và đến 31/12/2024, dư nợ cho vay thị trường 1 đạt 68.063 tỷ, tăng 17,8% so với đầu năm. Bên cạnh đó, BVBank luôn trích lập đầy đủ các khoản dự phòng rủi ro trong hoạt động theo quy định.
- ✓ Lợi nhuận trước thuế: năm 2023, đạt 72 tỷ đồng (số hợp nhất). Tổng thu nhập thuần đạt 1.755 tỷ, giảm 8% so với năm trước. Kết thúc năm 2024, lợi nhuận trước thuế đạt gần 390,6 tỷ đồng, tăng gần 5,5 lần so với năm 2023.
- ✓ Trong các giai đoạn hoạt động, BVBank luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của NHNN, các chỉ số an toàn hoạt động của BVBank luôn đảm bảo tuân thủ các quy định, hệ số an toàn vốn (CAR) luôn xoay quanh mức 9% - 13%, cao hơn so với mức yêu cầu tối thiểu 8%.
- ✓ Trong giai đoạn sắp tới, BVBank tiếp tục phát triển hoạt động kinh doanh trên cơ sở tăng trưởng bền vững, tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, kiện toàn bộ máy hoạt động, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, gia tăng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của ngân hàng, mở rộng thêm mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn quốc, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và thị phần của Ngân hàng.
- Một số giải thưởng Ngân hàng được vinh danh:
 - ✓ Trong khuôn khổ giải thưởng “Brand Việt Nam Awards 2021” do Công ty Mibrand tổ chức:
 - Top 20 Thương hiệu Ngân hàng Việt Nam 2021.
 - Top 5 Thương hiệu Ngân hàng có tiềm năng phát triển tốt nhất.
 - ✓ Giải thưởng “Ứng dụng ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2021” do tạp chí Global Banking & Finance Review bình chọn.
- Một số dự án tiêu biểu:
 - ✓ Ngân hàng Bản Việt là một trong những ngân hàng đầu tiên hoàn thành sớm cả 3 trụ cột của Basel II.
 - ✓ Triển khai thành công dự án “Mô hình phân tích lợi nhuận đa chiều”.

- ✓ Dự án “xây dựng hệ thống báo cáo quản trị-Mis” phục vụ quản lý kinh doanh và tài chính.
- ✓ Dự án “Lợi nhuận điều chỉnh rủi ro trên vốn RAROC”.
- ✓ Ngân hàng Bản Việt tiên phong áp dụng eKYC toàn diện (trên ứng dụng di động và tại quầy).
- ✓ Dự án Chuẩn mực báo cáo tài chính IFRS9.
- ✓ Dự án xây dựng hệ thống Quản lý quan hệ khách hàng CRM.

Bảng 23: Thị phần của BVBank so với toàn ngành tại thời điểm 30/06/2024

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu hợp nhất	Tổng tài sản	Dư nợ cho vay	Tiền gửi của khách hàng
BVBank	90.490	59.589	57.487
Thị phần BVBank so với toàn ngành	0,43%	0,41%	0,42%

Nguồn: BVBank tổng hợp

10.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện

10.5.1. Mãng khách hàng cá nhân

• Thẻ tín dụng

Trung tâm thẻ đang thực hiện dự án triển khai hệ thống thẻ với các sản phẩm thẻ thanh toán mới, phát triển thêm kết nối với các tổ chức thẻ quốc tế MasterCard và JCB, mở rộng hợp tác với các công ty cung cấp dịch vụ để tăng cường các tiện ích sử dụng kết hợp với thẻ nhằm mang lại cho khách hàng trải nghiệm khác biệt về sản phẩm thẻ.

• Sản phẩm, dịch vụ khác dành cho Khách hàng cá nhân

Mục tiêu chính trong năm 2024 của Khối KHCN là tăng trưởng Huy động và Tín dụng theo chiến lược bán lẻ hướng vào đối tượng khách hàng chính là nhóm Hộ Kinh Doanh, nhóm cho vay tín chấp và nhóm khách hàng mua nhà ở. Để làm được điều trên, Khối KHCN đã và đang tiếp tục nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ kết hợp với các công cụ, phương thức bán hàng chuyên nghiệp, diễn hình như sau:

- ✓ Về thị trường và đối tượng khách hàng: thực hiện phát triển nhanh cơ sở khách hàng hướng vào đối tượng khách hàng tiền gửi không và có kỳ hạn; khách hàng vay nhỏ lẻ, tiêu dùng, hộ kinh doanh và tín chấp đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp.
- ✓ Về sản phẩm: phát triển theo hướng đa dạng hoá, đáp ứng linh hoạt nhu cầu, dịch vụ theo từng phân nhóm khách hàng và đặc thù địa phương. Đặc biệt chú trọng và ưu tiên đóng góp sản phẩm và đẩy mạnh phát triển sản phẩm dịch vụ qua các kênh số hóa.
- ✓ Về kênh phân phối: đơn giản hoá quá trình tiếp cận và sử dụng sản phẩm, đẩy mạnh các kênh phân phối trực tuyến nhằm nâng cao sự tiện lợi và tiện ích cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm dịch vụ.

- ✓ Về trải nghiệm khách hàng: Rà soát hành trình khách hàng, rút ngắn thời gian và cải thiện chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng.

10.5.2. Mãng khách hàng doanh nghiệp

- Khối KHDN thực hiện chiến lược phát triển khách hàng phân khúc doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME). Phân khúc này phù hợp với năng lực phục vụ của BVBank đồng thời cũng là phân khúc mang lại sự phát triển bền vững cho Ngân hàng.
- Chủ động nghiên cứu, xây dựng các sản phẩm chương trình cho vay với lãi suất hợp lý kết hợp với việc đổi mới quy trình cho vay theo hướng đơn giản hóa thủ tục vay vốn nhưng vẫn đảm bảo an toàn vốn vay phù hợp với quy định của pháp luật, nâng cao khả năng thẩm định để rút ngắn thời gian giải quyết cho vay, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng.
- Về thị trường và đối tượng khách hàng: thực hiện phát triển nhanh cơ sở khách hàng đặc biệt chú trọng vào phân khúc khách hàng SME và các ngành nghề định hướng theo từng thời kỳ.
- Về sản phẩm: thực hiện chiến lược phát triển sản phẩm theo hướng đáp ứng linh hoạt nhu cầu về vốn sản xuất kinh doanh của khách hàng SME, đồng thời đa dạng hoá về dịch vụ đặc biệt là dịch vụ thanh toán và bảo lãnh nhằm cung cấp trọn gói sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng. Phối hợp với các đơn vị kinh doanh triển khai xây dựng các sản phẩm đặc thù riêng, phù hợp cho từng địa phương, từng phân khúc khách hàng. Thúc đẩy, hỗ trợ nâng cao năng lực bán, hiệu quả và chất lượng sản phẩm. Các sản phẩm dịch vụ đều hướng tới việc tạo ra giá trị gia tăng cho khách hàng, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.
- Về kênh phân phối: Tinh giản hoá thủ tục, hồ sơ khách hàng giao dịch bên cạnh phát triển ngân hàng số (Internet Banking, Mobile Banking ...) và triển khai các giải pháp Công nghệ mới nhằm tối ưu hóa quy trình quản lý khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường sự hài lòng và trung thành của khách hàng SME... Tổ chức lại mạng lưới kinh doanh SME theo hướng tập trung và chuyên môn hóa.
 - ✓ Dự án nâng cấp Mobile Banking, Internet Banking khách hàng doanh nghiệp;
 - ✓ Dự án CRM (Quản lý khách hàng).

10.6. Chiến lược kinh doanh

Trong giai đoạn 2024 - 2025, BVBank tiếp tục thực hiện mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại.

Các sản phẩm huy động, tín dụng sẽ tiếp tục phát triển theo định hướng phân khúc khách hàng nhỏ lẻ, doanh nghiệp SMEs, tăng trưởng mạnh số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ kênh ngân hàng điện tử với chiến lược chi tiết như sau:

- Phát triển mạng lưới: tiếp tục đầu tư, thực hiện mở rộng mạng lưới và phát triển thương hiệu. Trong đó, sẽ mở rộng mạng lưới kinh doanh theo hướng thận trọng và cân đối, ưu tiên việc mở các chi nhánh mới và chỉ mở các phòng giao dịch tại các địa bàn thật cần thiết.
- Khách hàng cá nhân
 - ✓ Đặt khách hàng là trọng tâm, phát triển khách hàng tại kênh truyền thống đồng thời tăng cường phát triển hệ khách hàng mới qua các kênh đối tác Fintech, Momo, ...;

- ✓ Huy động vốn tập trung đến trải nghiệm khách hàng lên trên hết. Từ đó, ưu tiên các sản phẩm dịch vụ, tính năng trên thiết bị di động.
- ✓ Cơ cấu kỳ hạn để cải thiện nguồn vốn giá rẻ.
- ✓ Mở rộng hợp tác, thúc đẩy bán các sản phẩm tín dụng trên nền tảng số với các đối tác trên cơ sở hệ thống các bộ chấm điểm tín dụng mới.
- ✓ Mở rộng hợp tác với các đối tác để phát triển các dịch vụ thanh toán.
- Khách hàng doanh nghiệp:
 - ✓ Linh hoạt áp dụng các biện pháp như cơ cấu lại nợ, tiếp tục cho vay để đồng hành cùng Khách hàng trong giai đoạn nền kinh tế đầy khó khăn, thách thức hiện nay.
 - ✓ Phân đoạn nhỏ, định vị lại SME thông qua các sản phẩm/chương trình phù hợp với từng địa phương, từng phân khúc/phân nhóm khách hàng.
 - ✓ Ứng dụng công nghệ trực tuyến Mobile Banking, Internet Banking và cung cấp các dịch vụ trên nền tảng Open Banking để thay đổi trải nghiệm thực tế, nâng cao sự thuận tiện cho khách hàng.
- Ngân hàng số: Tiếp tục phối hợp với các đối tác Fintechs lớn để khai thác và mở rộng thị trường, nâng cao tỷ trọng thu nhập từ kênh kinh doanh ngân hàng số.

Bảng 24: Các chỉ tiêu kinh doanh chính trong năm 2024

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Tỷ lệ tăng trưởng
Tổng Tài sản	87.884	100.000	13,8%
Huy động khách hàng	67.162	71.286	6,1%
Dư nợ cấp tín dụng	57.768	65.937	14,1%
Lợi nhuận trước thuế	72	200	177,8%
Tỷ lệ nợ xấu (tính theo TT11)	2,77%	<3%	
Phát triển mạng lưới	116	131	12,9%

Nguồn: BVBank

Nguồn vốn và nguồn lực của BVBank đều được triển khai đồng bộ nhằm tăng cường tối đa trên cả 3 khía cạnh như sau:

- **Đối với nguồn vốn:** với mục tiêu nâng cao năng lực tài chính, tăng quy mô vốn hoạt động và tăng khả năng cạnh tranh, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2024 như sau:
 - ✓ Vốn điều lệ sau khi hoàn thành Phương án tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu 10%: 5.518 tỷ đồng
 - ✓ Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm năm 2024: gần 900 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 8:1 và ESOP.

- **Đối với nguồn lực nhân sự:** BVBank xây dựng chiến lược nhân sự và hoàn thiện mô hình tổ chức nhằm đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu nhân lực cả về số lượng và chất lượng để thực hiện chiến lược và mục tiêu kinh doanh của BVBank, đảm bảo hiệu quả hoạt động phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành cũng như thông lệ quốc tế. Số cán bộ công nhân viên tại thời điểm 31/12/2024 là 2.849 nhân viên, tăng tương ứng 11,4% so với cùng kỳ năm 2023 (2.557 nhân viên).

11. Chính sách đối với người lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2024, tổng số CBNV của Ngân hàng là 2.849 người. Cơ cấu lao động của Ngân hàng phân theo giới tính, trình độ chuyên môn và thời hạn hợp đồng lao động được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 25: Số lượng lao động tính đến thời điểm cuối năm 2022, 2023 và 2024

Phân loại	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
Phân theo giới tính			
- Nam	1.264	1.268	1.434
- Nữ	1.217	1.289	1.415
Phân theo trình độ chuyên môn			
- Trên đại học	111	113	116
- Đại học	1.962	2.030	2.296
- Cao đẳng, Trung cấp	265	268	300
- Sơ cấp và khác	143	146	137
Phân theo thời hạn hợp đồng lao động			
- Không xác định thời hạn	1.026	1.100	1.186
- Có xác định thời hạn (1 – 3 năm)	1.330	1.372	1.525
- Dưới 1 năm	9	1	15
- Khác (Hợp đồng học việc, Thử việc)	116	84	123

Nguồn: BVBank

11.1. Chính sách đào tạo

- Với mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua hoạt động tư vấn, giáo dục & đào tạo, góp phần phát triển tổ chức, hoàn thiện công tác quản trị, kinh doanh và văn hóa tổ chức. Ngân hàng xác định rõ chiến lược hoạt động dựa trên năm trụ cột: ngân sách, quy trình, con người, công nghệ, và văn hóa giáo dục.
- Hằng năm, dựa trên nhu cầu và kế hoạch đào tạo, BVBank phân bổ ngân sách đào tạo tương ứng để hoạt động đào tạo được chủ động trong chi tiêu và kiểm soát chi phí hiệu quả.
- Định kỳ rà soát và xây dựng các văn bản lập quy liên quan, bao gồm quy định, quy trình, hướng dẫn và sổ tay phục vụ, xác định đầy đủ cơ chế và thủ tục cho hoạt động đào tạo của hệ thống.
- Hàng năm, BVBank cũng đã tiến hành bồi dưỡng đội ngũ giảng viên nội bộ, đặc biệt là đội ngũ giảng viên nội bộ tại ĐVKD. Đến nay, đội ngũ giảng viên phần lớn đã qua chương trình

huấn luyện kỹ năng sư phạm, thiết kế tài liệu, dẫn giảng, đóng vai trò nòng cốt trong việc đào tạo chuyên môn nghiệp vụ.

- Về công tác đào tạo: năm 2022 BVBank đã tổ chức 245 lớp đào tạo cho hơn 16.400 lượt học viên; năm 2023 số lớp và số lượt đào tạo lần lượt là 260 lớp và 26.701 lượt học viên tham gia đào tạo; năm 2024 số lớp đã tổ chức là 410 lớp đào tạo cho 56.173 lượt học viên. Trong đó các lớp học tập trung vào việc củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ, trải nghiệm khách hàng; các lớp đào tạo về các nghiệp vụ liên quan đến quản lý rủi ro, thẩm định tín dụng, nghiệp vụ bảo lãnh, thanh toán, kỹ năng bán hàng cũng như tập trung đào tạo văn bản mới cho nhóm NLD là đối tượng chịu tác động của những văn bản đó nắm được quy trình, quy định, để phục vụ tốt cho công việc. Ngân hàng cũng thường xuyên cử Cán bộ tham gia các lớp tập huấn, đào tạo của NHNN và các hội thảo, hội nghị của các tổ chức đào tạo có tiếng để thường xuyên trau dồi kiến thức, cập nhật thông tin, xu thế và những thay đổi của Pháp luật.
- Bắt đầu từ tháng 8/2024, Ngân hàng tổ chức chuỗi “Phát triển hoạt động tín dụng KHCN và KHDN” với những buổi chia sẻ định kỳ từ GD Khối/Trưởng Phòng/Phó phòng HO tới đội ngũ lãnh đạo ĐVKD để cập nhật nhanh chóng những định hướng, kiến thức về sản phẩm và những thay đổi của quy trình, quy định liên quan đến hoạt động bán hàng của khối KHCN và KHDN.
- Từ năm 2022 đến nay, BVBank tập trung vào việc xây dựng giáo trình đào tạo điện tử, đẩy mạnh việc tương tác nhằm nâng cao chất lượng nội dung đào tạo và tăng trải nghiệm người dùng trong quá trình tự học trên hệ thống eLearning.
- Ngoài ra, Ngân hàng đã hoàn thiện lộ trình học cho các chức danh tân tuyển tại ĐVKD và đã đi vào vận hành ổn định. Năm 2024, Ngân hàng tiếp tục tập trung xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo chuyên sâu nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ tại ĐVKD thuộc các Khối Khách hàng cá nhân, Khách hàng doanh nghiệp và Dịch vụ khách hàng (Sales Pro, Leader Pro, Phát triển năng lực dành cho KSV, nâng cao trải nghiệm khách hàng) và các chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý cấp trung (SLII, Next Gen Leader,...). Đặc biệt là chương trình nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý cấp cao và đội ngũ quản lý kế cận (SECO).
- Bên cạnh đó, BVBank đã đầu tư vào việc xây dựng mới “Hệ thống Đào tạo và Phát triển năng lực” thay thế cho hệ thống tự học trực tuyến eLearning cũ với nhiều tính năng cải tiến nhằm tăng trải nghiệm người dùng, đáp ứng tốt nhất nhu cầu học của CBNV, cũng như nâng cao năng suất, tiết kiệm nguồn lực triển khai vận hành các chương trình đào tạo và hiệu quả trong công tác quản lý dữ liệu học tập của toàn hàng.

11.2. Chính sách Lương - Thưởng

Ngân hàng áp dụng các chính sách tiền lương, thưởng, đãi ngộ, các chính sách quy hoạch phát triển nghề nghiệp làm đòn bẩy thu hút, giữ chân nhân tài, khuyến khích nhân viên nâng cao năng suất lao động. Cụ thể:

- Cơ chế lương, thưởng tiếp tục được hoàn thiện, tăng tính cạnh tranh trên thị trường và theo định hướng gắn liền với phạm vi trách nhiệm công việc, năng lực cá nhân và hiệu quả công việc của NLD. Cơ chế thu nhập, thưởng kinh doanh theo KPIs được áp dụng linh hoạt từ Hội sở đến ĐVKD: cơ chế cho đội ngũ sales, thu hồi nợ, thẩm định tín dụng,... tiếp tục được triển khai và điều chỉnh cùng với các chương trình thưởng thi đua thường xuyên khác để nâng cao năng suất lao động.

- Các chính sách chi thưởng kinh doanh, thưởng năng suất lao động được Ngân hàng chi trả định kỳ hàng tháng/quý cho CBNV theo kết quả hoàn thành công việc, hiệu quả kinh doanh của từng CBNV. Bên cạnh đó, các chính sách khen thưởng theo các hình thức thi đua thưởng xuyên, chuyên đề, đột xuất đối với những cá nhân tập thể đạt thành tích cao, có sáng kiến mang lại hiệu quả cho Ngân hàng được Ngân hàng áp dụng đúng người, đúng việc, chú trọng tính kịp thời trong công tác khen thưởng.
- Việc rà soát, điều chỉnh thu nhập căn cứ năng lực và kết quả công việc được thực hiện thường xuyên, kịp thời, đảm bảo mục tiêu tạo động lực cho CBNV làm việc.
- Hàng năm, BVBank triển khai chương trình quy hoạch nhân sự tiềm năng tạo cơ hội phát triển nghề nghiệp đối với CBNV đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của Ngân hàng, tạo nguồn nhân sự có chất lượng để đáp ứng nhu cầu cấp quản lý của BVBank. CBNV thuộc danh sách quy hoạch tiềm năng được hưởng các chế độ chính sách ưu đãi theo quy định của BVBank từng thời kỳ.

Bảng 26: Thu nhập bình quân của CBNV qua các năm 2022, 2023 và năm 2024

Thu nhập của CBCNV	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng thu nhập (triệu đồng)	575.975	652.643	711.272
Thu nhập bình quân (nghìn đồng/người/tháng)	20.640	21.210	21.940

Nguồn: BVBank

11.3. Chính sách đãi ngộ

- Bên cạnh công tác chăm sóc sức khỏe cho CBNV như tổ chức khám sức khỏe định kỳ thường niên theo từng đối tượng đúng quy định của Pháp luật và nghiêm túc thực hiện việc trích đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo luật định, Ngân hàng đồng thời áp dụng chính sách cho vay ưu đãi, chính sách mua bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn 24/24 cho CBNV và người thân nhằm nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe cho CBNV, đồng thời chia sẻ, giảm thiểu những thiệt hại trong trường hợp có rủi ro xảy ra đối với CBNV và gia đình.
- Ngân hàng ngày càng nâng cao chế độ phúc lợi đối với NLD như áp dụng các chính sách tăng ngày nghỉ phép thường niên theo cấp bậc và hiệu quả công việc, bổ sung chế độ du lịch nước ngoài dành cho nhân sự quản lý ĐVKD đạt chỉ tiêu, chương trình mang lại hiệu quả và tính kết nối cao, góp phần thu hút và giữ chân nhân sự...

11.4. Chính sách trợ cấp

- Ngân hàng thực hiện chính sách đối với CBNV theo đúng quy định của Luật Lao động, ký kết hợp đồng lao động cho toàn thể CBNV đáp ứng điều kiện xác lập quan hệ lao động với Ngân hàng. CBNV của Ngân hàng được hưởng đầy đủ các quyền lợi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể đã đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước.
- Về chính sách hỗ trợ công việc và chế độ phúc lợi cho CBNV: bao gồm các khoản chi đồng phục, hỗ trợ thuê xe, công tác phí, thai sản, ốm đau, hiếu hỉ, du lịch nghỉ mát, hội thao... được Ngân hàng áp dụng phù hợp với hiệu quả kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo quyền lợi tối đa cho CBNV.

11.5. Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động và thỏa ước lao động tập thể, thông qua hoạt động của Công đoàn, Ngân hàng cũng luôn quan tâm đến khuyến khích CBNV tự rèn luyện chuyên môn cũng như chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của CBNV, cụ thể:

- Vận động thanh niên tự rèn luyện, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, công nghệ số để đáp ứng đòi hỏi ngày một chuyên môn hóa và yêu cầu cao hơn trong công việc.
- Tổ chức các cuộc thi nâng cao kỹ năng bán hàng, kỹ năng chăm sóc khách hàng, các chương trình thúc đẩy thi đua bán hàng... để đẩy mạnh phong trào nâng cao năng suất lao động, lao động sáng tạo trong CBNV.

11.6. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Công ty không có Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động áp dụng chung cho toàn bộ quá trình hoạt động.

Nhằm động viên khích lệ, tạo sự gắn kết với người lao động, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Ngân hàng (ESOP) với số lượng cổ phần dự kiến phát hành tối đa là 20.000.000 cổ phần, giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 23/05/2024, Hội đồng quản trị BVBank đã ban hành Nghị quyết số 81/24/BVBank/NQ-HĐQT về việc ban hành Quy chế chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình “Lựa chọn cho người lao động năm 2024 (ESOP) tại Ngân hàng TMCP Bản Việt”. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Ngân hàng vẫn chưa thực hiện triển khai Phương án phát hành nêu trên.

12. Chính sách cổ tức

- Ngân hàng sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được ĐHĐCĐ quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Bảng 27: Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm

Đơn vị: %

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
Tỷ lệ cổ tức (%)	0%	0%
Phương thức thanh toán	-	-

Nguồn: BVBank

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

13.1. Về đợt chào bán trái phiếu gần nhất

Trái phiếu đăng ký chào bán ra công chúng cho nhiều đợt chào bán được UBCKNN chấp thuận theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 118/GCN-UBCK ngày 02/08/2024.

Tính đến thời điểm lập Bản cáo bạch này, Ngân hàng đã thực hiện 02 đợt chào bán trái phiếu ra công chúng theo giấy phép chào bán nêu trên.

Kết quả chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 1:

Tổng số trái phiếu đã phân phối: 14.685.500 trái phiếu, tương đương 97,9% tổng số trái phiếu của đợt chào bán.

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 1.468.550.000.000 đồng.

Ngày 27/09/2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 6350/UBCK-QLCB về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt chào bán trái phiếu ra công chúng năm 2024 – 2025 (đợt 1) của BVBank.

Phương án sử dụng vốn theo kế hoạch đã công bố:

Dựa trên Quyết định về việc triển khai phát hành trái phiếu ra công chúng tăng vốn cấp 2 năm 2024 - 2025 (Đợt 1) số 151A/24/BVBank/QĐ-TC ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tổng Giám Đốc, Quyết định số 34/24/BVBank/QĐ-HDQT ngày 26 tháng 3 năm 2024, Quyết định số 77/24/QĐ-HDQT ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt, nguồn vốn huy động được từ việc chào bán trái phiếu sẽ được sử dụng để bổ sung vốn tự có cấp 2 theo Thông tư số 41/2016/TT/NHNN; và tăng cường nguồn vốn cho vay trung dài hạn phục vụ hoạt động kinh doanh, đáp ứng nhu cầu tín dụng của khách hàng.

Tình hình sử dụng vốn thực tế:

Phương án sử dụng vốn	Số tiền thu được từ đợt phát hành - VND	Số tiền thực tế sử dụng - VND	Vốn chưa sử dụng
Cho vay trung, dài hạn phục vụ hoạt động kinh doanh, đáp ứng nhu cầu tín dụng của khách hàng	1.468.550.000.000	1.468.550.000.000	-

Ý kiến của kiểm toán viên (theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 61938007/11.12.2024/BCSDV do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam lập ngày 18/12/2024):

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2024 - 2025 (Đợt 1) cho kỳ kế toán từ ngày 30 tháng 9 năm 2024 đến ngày 11 tháng 12 năm 2024 đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ với cơ sở lập báo cáo như được trình bày tại Thuyết minh số 3 - Cơ sở lập báo cáo.

Kết quả chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2:

Tổng số trái phiếu đã phân phối: 12.543.800 trái phiếu, tương đương 96,5% tổng số trái phiếu của đợt chào bán.

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 1.254.380.000.000 đồng.

Ngày 15/01/2025, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Công văn số 328/UBCK-QLCB về việc nhận được tài liệu báo cáo kết quả đợt chào bán trái phiếu ra công chúng Đợt 2 của BVBank.

Phương án sử dụng vốn theo kế hoạch đã công bố:

Dựa trên Quyết định về việc triển khai phát hành trái phiếu ra công chúng tăng vốn cấp 2 năm 2024 - 2025 (Đợt 2) số 420/24/BVBank/QĐ-TGD ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Tổng Giám Đốc, Quyết định số 34/24/BVBank/QĐ-HĐQT ngày 26 tháng 3 năm 2024, Quyết định số 77/24/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 5 năm 2024, Quyết định số 125/24/BVBank/QĐ-HĐQT ngày 8 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt, nguồn vốn huy động được từ việc chào bán trái phiếu sẽ được sử dụng để bổ sung vốn tự có cấp 2 theo Thông tư số 41/2016/TT/NHNN và các thông tư sửa đổi liên quan; và tăng cường nguồn vốn cho vay trung dài hạn phục vụ hoạt động kinh doanh, đáp ứng nhu cầu tín dụng của khách hàng.

Tình hình sử dụng vốn thực tế tính đến ngày 11/03/2025:

Phương án sử dụng vốn	Số tiền thu được từ đợt phát hành - VND	Số tiền thực tế sử dụng - VND	Vốn chưa sử dụng tại ngày 11/03/2025
Cho vay trung, dài hạn phục vụ hoạt động kinh doanh, đáp ứng nhu cầu tín dụng của khách hàng	1.254.380.000.000	218.500.000.000	1.035.880.000.000

Ý kiến của kiểm toán viên (theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 61938007/11.3.2025/BCSDV do Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam lập ngày 12/03/2025):

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2024 - 2025 (Đợt 2) cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2025 đến ngày 11 tháng 3 năm 2025 đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với cơ sở lập báo cáo như được trình bày tại Thuyết minh số 3 - Cơ sở lập báo cáo.

13.2. Về đợt chào bán/phát hành cổ phiếu gần nhất

- Phương án được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận:
 - Chào bán 91.772.500 cổ phiếu ra công chúng với giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 42/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 14/03/2023. Phương án chi tiết theo Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng tháng 3/2023.
 - Phát hành 55.063.500 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 42/GCN-UBCK do UBCKNN cấp ngày 14/03/2023. Phương án chi tiết theo Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng tháng 3/2023.
- Kết quả phát hành:

- Chào bán cổ phiếu ra công chúng: Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 79.527.136 cổ phiếu, tương ứng 86,65% tổng số cổ phiếu chào bán.
- Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu: Số cổ phiếu đã phân phối: 55.062.864 cổ phiếu, tương ứng 99,999% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.
- Phương án sử dụng vốn theo kế hoạch đã công bố:

STT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền theo kế hoạch ban đầu - VND	Số tiền phân bổ lại theo thực tế thu được (*) - VND
1	Bổ sung vốn cho vay	99.365.000.000	99.365.000.000
1.1	Cho vay ngắn hạn	99.365.000.000	99.365.000.000
2	Kinh doanh vốn, đầu tư và hoạt động kinh doanh khác của Bvbank	818.360.000.000	695.906.360.000
2.1	Đầu tư kinh doanh trái phiếu chính phủ	400.000.000.000	400.000.000.000
2.2	Cho vay thị trường 2	418.360.000.000	295.906.360.000
TỔNG CỘNG		917.725.000.000	795.271.360.000

(*) Số tiền thực tế thu được từ đợt phát hành không đạt được như kế hoạch đã đề ra sẽ ưu tiên phân bổ sử dụng số tiền thu được theo thứ tự ưu tiên trong bảng phương án kế hoạch sử dụng vốn.

- Tình hình sử dụng vốn thực tế:

Phương án sử dụng vốn	Số tiền thu được từ đợt phát hành - VND	Số tiền thực tế sử dụng - VND	Vốn chưa sử dụng
Cho vay ngắn hạn	99.365.000.000	99.365.000.000	-
Đầu tư kinh doanh trái phiếu chính phủ	400.000.000.000	400.000.000.000	-
Cho vay thị trường 2	295.906.360.000	295.906.360.000	-
Tổng cộng	795.271.360.000	795.271.360.000	-

- Ý kiến của kiểm toán viên (theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 61938007/30.6.2024/BCSDVCP do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam lập ngày 30/08/2024): theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2023 cho kỳ kế toán từ ngày 12 tháng 6 năm 2023 đến ngày 15 tháng 8 năm 2024 đã được lập, trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ với cơ sở lập báo cáo như được trình bày tại thuyết minh số 3 - cơ sở lập báo cáo.

14. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

14.1. Thông tin về các hợp đồng thuê quyền sử dụng đất

STT	Nội dung	31/12/2024 (tỷ đồng)
1	Tổng giá trị hợp đồng (*)	Không xác định
2	Lũy kế tiền thuê tài sản đã phân bổ vào chi phí	149,34
3	Chi phí chờ phân bổ còn lại (đối với tài sản thuê trả trước)	28,24
4	Số tiền thuê nhà, đất cần tiếp tục giải ngân	0

BNguồn: BVBank

(*) Các hợp đồng thuê đất thể hiện giá trị thuê hàng năm, không thể hiện tổng giá trị hợp đồng.

14.2. Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn của Tổ chức phát hành

Tính đến thời điểm 24/01/2025, số dư trái phiếu BVBank đang lưu hành mà chưa đến hạn thanh toán là 2.722,93 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng:

Mã trái phiếu	Ngày phát hành	Giá trị (tỷ đồng)	Kỳ hạn
BVB124020	10/09/2024	1.468,55	6 năm
BVB125003	06/01/2025	1.254,38	6 năm
Tổng cộng		2.722,93	

Nguồn: BVBank

- Trái phiếu phát hành riêng lẻ: Không có

Đối với trái phiếu chưa đáo hạn này, BVBank đã và đang thực hiện đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu; bảo đảm thanh toán đầy đủ, đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện của trái phiếu; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

14.3. Các quyền chưa thực hiện của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi

Không có.

14.4. Các cam kết chưa thực hiện khác

Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và cam kết đưa ra của BVBank như sau:

Bảng 28: Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và cam kết đưa ra

DVT: tỷ đồng

Chi tiêu	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Bảo lãnh vay vốn	1	1	3	1	1	3
2. Cam kết giao dịch hối đoái	12.515	12.399	23.959	12.515	12.399	23.959
- Cam kết mua ngoại tệ	4.113	2.188	4.886	4.113	2.188	4.886
- Cam kết bán ngoại tệ	304	2.171	4.882	304	2.171	4.882
- Cam kết giao dịch hoán đổi	8.098	8.040	14.191	8.098	8.040	14.191
3. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	77	4	19	77	4	22
4. Bảo lãnh khác	1.222	756	766	1.222	756	766
5. Cam kết khác	31	18	33	31	18	33

Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất và riêng lẻ năm 2024 của BVBank

- 15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Ngoài các thông tin về các cam kết và nghĩa vụ nợ nêu tại Mục IV.13 ở trên, theo sự đánh giá và tin tưởng tốt nhất của mình tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành không có phát sinh vụ việc tranh chấp, kiện tụng nào có thể ảnh hưởng đến HĐKD, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, đợt chào bán và dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

- 16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích**

Ngân hàng cam kết đáp ứng điều kiện quy định tại điểm e, khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán: Ngân hàng không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng

Bảng 29: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm 2024/2023
- Tổng giá trị tài sản	79.067	87.884	103.536	17,81%
- Thu nhập lãi thuần	1.714	1.479	2.306	55,97%
- Tổng thu nhập hoạt động	1.917	1.755	2.478	41,17%
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	680	348	1.002	187,95%
- Lợi nhuận trước thuế	456	72	391	445,47%
- Lợi nhuận sau thuế	364	57	311	450,23%
- Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	-	-	-	-
- Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất năm 2024 của BVBank

Bảng 30: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh (Riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm 2024/2023
- Tổng giá trị tài sản	79.169	87.985	103.637	17,79%
- Thu nhập lãi thuần	1.712	1.476	2.303	56,09%
- Tổng thu nhập hoạt động	1.915	1.752	2.475	41,25%
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	680	348	1.002	188,21%
- Lợi nhuận trước thuế	455	71	390	448,37%
- Lợi nhuận sau thuế	364	56	311	451,61%
- Tỷ lệ chia lợi nhuận	-	-	-	-

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm 2024/2023
- Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng lẻ năm 2024 của BVBank

Năm 2023 là một năm nhiều khó khăn tác động đến nền kinh tế, với ngành ngân hàng thực hiện theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước, các ngân hàng liên tục giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong khi chi phí huy động vốn lại tăng cao dẫn đến hiện tượng 10/27 NHTM tăng trưởng âm so với cùng kỳ. BVBank đã nỗ lực thực hiện các mục tiêu kinh doanh: Tổng tài sản hợp nhất của BVBank đến 31/12/2023 đạt 87.884 tỷ đồng, tăng 11,15% so với cùng kỳ năm 2022; Kết quả lợi nhuận năm 2023 của BVBank tuy không đạt kế hoạch nhưng tương đồng với phần lớn các ngân hàng tư nhân khác không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong năm 2023, nguyên nhân chủ yếu do tăng mạnh trích lập dự phòng rủi ro, khiến lợi nhuận bị co hẹp dù nhiều mảng kinh doanh vẫn có kết quả khả quan.

Kết thúc năm 2024, BVBank đã đạt nhiều kết quả kinh doanh rất tích cực, vượt hầu hết tất cả các mục tiêu tài chính quan trọng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước đó, cụ thể ghi nhận quy mô tổng tài sản đạt hơn 103.536 tỷ đồng, tăng 17,8% so với cùng kỳ, vượt 3,54% kế hoạch. Tổng thu nhập của BVBank trong năm đạt 2.477,6 tỷ đồng, tăng mạnh 41,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó thu nhập từ hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng 55,97% so với cùng kỳ, đạt 2.306,2 tỷ đồng.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng

- Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán**
 - ✓ Trong năm 2023 và 2024, kinh tế thế giới tiếp tục có nhiều biến động phức tạp và bất ổn. Lạm phát toàn cầu mặc dù đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; sự phục hồi chậm và suy giảm nhu cầu tiêu dùng của các đối tác thương mại lớn.
 - ✓ Sự cạnh tranh giữa các ngân hàng diễn ra ngày càng gay gắt. Cùng với đó, các công ty công nghệ tài chính (Fin-Tech) xuất hiện, ứng dụng sự bùng nổ của internet, điện thoại di động, công nghệ điện toán đám mây và các phần mềm mã nguồn mở nhằm tiếp cận tới khách hàng cá nhân với số lượng lớn để cung cấp các dịch vụ thanh toán, đầu tư, cho vay ... tương tự như các dịch vụ ngân hàng.
 - ✓ Thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp mặc dù có sự cải thiện nhờ điều hành của Chính phủ nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc nên vẫn tạo áp lực đối với nhu cầu vốn từ hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó, dư âm của sự cố rút tiền hàng loạt tại SCB vào cuối năm 2022 tác động lớn tới thanh khoản, tâm lý thị trường, khiến các tổ chức tín dụng thận trọng hơn trong việc quản trị và cân đối nguồn vốn tín dụng.
- Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất**

- ✓ Tỷ lệ nợ xấu gia tăng, khả năng thu hồi nợ gặp khó khăn do ảnh hưởng từ tình hình nền kinh tế thị trường nên tình hình sản xuất kinh doanh của khách hàng gặp nhiều khó khăn, và sự đóng băng của thị trường bất động sản.
- ✓ Tín dụng tăng trưởng khá chậm do nhu cầu vay vốn của người dân và doanh nghiệp xuống thấp, đồng thời lãi suất cho vay cũng giảm tương ứng với giảm lãi suất huy động theo chính sách điều hành của NHNN.
- ✓ Nợ xấu có xu hướng tăng mạnh trở lại do khả năng trả nợ của khách hàng suy yếu bất chấp việc đã có thông tư cho phép giãn nợ, cơ cấu nợ.
- ✓ Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn sẽ có ảnh hưởng nhất định tới các ngân hàng theo Thông tư 08/2020/TT-NHNN được Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 14/08/2020 sửa đổi, bổ sung Thông tư 22/2019/TT-NHNN đã gây áp lực lên nhu cầu huy động kỳ hạn dài của các ngân hàng, làm tăng chi phí vốn và áp lực thu hẹp biên lãi ròng (NIM).
- ✓ TCTD đã triển khai các chính sách hỗ trợ, chương trình ưu đãi như ưu đãi lãi suất dành cho khách hàng mới và khách hàng hiện hữu cơ cấu thời gian trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ, v.v. ... hiện theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết 97/NQ-CP năm 2023, Nghị quyết 105/NQ-CP năm 2023, theo tinh thần Công văn số 6385/NHNN-CSTT ngày 14/08/2023 về việc giảm lãi cho vay từ 1,5% đến 2,0% để hỗ trợ cá nhân, doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh và Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 23/04/2023 về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Vì thế thu nhập và lợi nhuận của Ngân hàng có thể bị ảnh hưởng đáng kể.

Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn về yếu tố cạnh tranh, chính sách vĩ mô và biến động thị trường nhưng BVBank luôn tuân thủ đúng quy định của NHNN và duy trì tốc độ phát triển hàng năm. Để đáp ứng được nhu cầu kinh doanh trong thời gian tới thì BVBank vẫn đang trong tiến trình củng cố tổ chức hoạt động, đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, đầu tư hệ thống công nghệ thông tin và nâng cao hệ thống đào tạo nhằm đáp ứng được yêu cầu thị trường và hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

- Báo cáo về vốn điều lệ

Bảng 31: Vốn điều lệ (Hợp nhất)

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
1	Tổng số cổ phiếu đã phát hành	367.090.000	501.680.000	551.846.215
2	Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	367.090.000	501.680.000	551.846.215
3	Vốn điều lệ (đồng)	3.670.900.000.000	5.016.800.000.000	5.518.462.150.000

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất năm 2024 của BVBank

• Báo cáo về vốn kinh doanh

Bảng 32: Nguồn vốn kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
I	Nợ phải trả	74.065	82.040	97.381
1	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	1.486	-	1.558
2	Tiền gửi và vay các TCTD khác	11.218	12.507	18.722
3	Tiền gửi của khách hàng	50.129	57.139	67.389
4	Các công cụ tài chính phái sinh và khoản nợ tài chính khác	-	21	2
5	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	353	362	222
6	Phát hành giấy tờ có giá	9.485	10.023	7.526
7	Các khoản nợ khác	1.394	1.989	1.962
II	Vốn chủ sở hữu	5.003	5.844	6.155
1	Vốn điều lệ	3.671	5.017	5.518
2	Các quỹ dự trữ	253	250	257
3	Chênh lệch tỷ giá	-	-	-
4	Lợi nhuận chưa phân phối	1.078	577	378
	Tổng cộng	79.067	87.884	103.536

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất năm 2024 của BVBank

Bảng 33: Nguồn vốn kinh doanh (Riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
I	Nợ phải trả	74.199	82.174	97.516
1	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	1.486	-	1.558
2	Tiền gửi và vay các TCTD khác	11.218	12.507	18.722
3	Tiền gửi của khách hàng	50.264	57.273	67.524
4	Các công cụ tài chính phái sinh và khoản nợ tài chính khác	-	21	2
5	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	353	362	222
6	Phát hành giấy tờ có giá	9.485	10.023	7.526
7	Các khoản nợ khác	1.394	1.988	1.962
II	Vốn chủ sở hữu	4.969	5.810	6.121
1	Vốn điều lệ	3.671	5.017	5.518

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
2	Các quỹ dự trữ	220	216	224
4	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
3	Lợi nhuận chưa phân phối	1.078	577	378
	Tổng cộng	79.168	87.985	103.637

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng lẻ năm 2024 của BVBank

• Báo cáo tình hình sử dụng vốn điều lệ/ kinh doanh:

Bảng 34: Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
1	Tiền mặt	455	498	611
2	Tiền gửi tại NHNN	2.404	1.863	2.766
3	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	10.213	11.360	14.236
4	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	82	-	-
5	Cho vay khách hàng	50.118	56.967	67.111
6	Chứng khoán đầu tư	11.283	12.067	13.095
7	Tài sản cố định	1.421	1.503	1.534
8	Tài sản Có khác	3.091	3.626	4.183
	Tổng cộng	79.067	87.884	103.536

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất năm 2024 của BVBank

Bảng 35: Tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh (Riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
1	Tiền mặt	455	498	611
2	Tiền gửi tại NHNN	2.404	1.863	2.766
3	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	10.213	11.360	14.236
4	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	82	-	-
5	Cho vay khách hàng	50.118	56.967	67.111
6	Chứng khoán đầu tư	11.283	12.067	13.095

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
1	Tiền mặt	455	498	611
7	Góp vốn, đầu tư dài hạn	100	100	100
8	Tài sản cố định	1.421	1.503	1.534
9	Tài sản Có khác	3.092	3.627	4.184
	Tổng cộng	79.168	87.984	103.637

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng lẻ 09 năm 2024 của BVBank

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình: Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 5 - 50 năm
- máy móc thiết bị 3 - 20 năm
- phương tiện vận chuyển 3 - 10 năm
- thiết bị, dụng cụ quản lý 3 - 10 năm
- tài sản cố định hữu hình khác 4 - 25 năm

Tài sản cố định vô hình: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, Ngân hàng không tính khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn

- quyền sử dụng đất có thời hạn 38 - 49 năm
- phần mềm máy vi tính 3 - 20 năm

Ngân hàng đã thực hiện trích khấu hao tài sản theo đúng quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và các văn bản sửa đổi của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Ngân hàng không có bất kỳ thay đổi nào trong chính sách khấu hao.

2.1.3. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của người lao động năm 2024 là: 19,03 triệu đồng/người/tháng. Đây là mức thu nhập tương đối khá so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Bảng 36: Mức lương bình quân

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Tổng quỹ lương (triệu đồng)	478.818	554.148	616.935
2	Tổng số lao động (người)	2.481	2.557	2.849
3	Mức lương bình quân (Triệu đồng/người/tháng)	17,16	18,01	19,03

Nguồn: BVBank

2.1.4. Tình hình công nợ

• **Tình hình công nợ:**

Bảng 37: Tình hình công nợ (hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
- Tổng giá trị tài sản có	79.067	87.884	103.536
- Tổng nợ phải trả	74.065	82.040	97.381

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất năm 2024 của BVBank

Bảng 27: Tình hình công nợ (riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
- Tổng giá trị tài sản có	79.169	87.985	103.637
- Tổng nợ phải trả	74.199	82.174	97.516

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng lẻ năm 2024 của BVBank

Đến thời điểm hiện tại, BVBank không có các khoản nợ quá hạn trên 1 năm.

Tình hình thanh toán các khoản nợ: BVBank luôn thanh toán đủ, đúng hạn lãi và gốc các khoản nợ phải trả theo quy định.

• **Trái phiếu chưa đáo hạn**

Bảng 38: Trái phiếu chưa đáo hạn tại 24/01/2025

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Lãi suất/năm	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Kỳ trả lãi
Trái phiếu chào bán ra công chúng						
1	BVB124020	1.468,55	Cố định kết hợp thả nổi (*)	6 năm	10/09/2024	Định kỳ 12 tháng
2	BVB125003	1.254,38	Cố định kết hợp thả nổi (*)	6 năm	06/01/2025	Định kỳ 12 tháng

Nguồn: BVBank

(*) Lưu ý: Trái phiếu BVB124020 có lãi suất năm đầu tiên là 7,9%/năm, trái phiếu BVB125003 có lãi suất năm đầu tiên là 8,2%/năm. Lãi suất từ năm thứ 02 trở đi của cả 02 Trái phiếu nêu trên là lãi suất thả nổi được xác định bằng Lãi suất tham chiếu + Biên độ lãi suất 2,5%/năm.

Thời hạn chuyển đổi của Trái phiếu chưa đáo hạn: Không có.

2.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

Ngân hàng luôn thanh toán đủ và đúng hạn các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế khác theo quy định của Nhà nước

Bảng 39: Các khoản phải nộp theo luật định (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022				Năm 2023				Năm 2024			
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-15	92	-71	7	7	15	-20	2	2	79	-40	42
Thuế giá trị gia tăng	1	13	-13	1	1	18	-17	2	2	26	-25	3
Thuế thu nhập cá nhân	2	42	-37	8	8	41	-47	2	2	45	-44	3
Thuế nhà thầu nước ngoài	0	2	-2	0	0	4	-3	1	1	8	-8	1
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1	-1	-	-	1	-1	-	-	1	-1	-
Tổng cộng	-11	151	-123	17	17	78	-88	7	7	160	-118	49

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất năm 2024 của BVBank

Bảng 40: Các khoản phải nộp theo luật định (Riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022				Năm 2023				Năm 2024			
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-15	92	-71	7	7	15	-19	2	2	79	-39	42
Thuế giá trị gia tăng	1	13	-13	1	1	18	-17	2	2	26	-25	3
Thuế thu nhập cá nhân	2	42	-37	8	8	41	-47	2	2	45	-44	3
Thuế nhà thầu nước ngoài	0	2	-2	0	0	4	-3	1	1	8	-8	1
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1	-1	-	-	1	-1	-	-	1	-1	-
Tổng cộng	-11	150	-122	17	17	78	-87	7	7	159	-118	49

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng lẻ năm 2024 của BVBank

2.1.6. Trích lập các quỹ

BVBank thực hiện trích lập các Quỹ đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật, theo quy định của Điều lệ Ngân hàng, theo quy chế quản trị tài chính và theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Theo quyết định của ĐHĐCĐ, tình hình trích lập các quỹ từ LNST của BVBank như sau:

Bảng 41: Trích lập các quỹ theo luật định (Hợp nhất)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
1	Quỹ đầu tư phát triển	1,56	1,56	1,56
2	Quỹ dự phòng tài chính	166,35	192,20	197,59
3	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	84,14	54,70	57,52
4	Quỹ khác	1,29	1,29	1,29
Tổng cộng		253,34	249,75	257,96

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất năm 2024 của BVBank

Bảng 42: Trích lập các quỹ theo luật định (Riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
1	Quỹ đầu tư phát triển	1,56	1,56	46,32
2	Quỹ dự phòng tài chính	144,15	169,89	175,18
3	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	73,04	43,55	46,32
4	Quỹ khác	1,29	1,219	1,29
Tổng cộng		220,04	216,29	224,35

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC riêng lẻ năm 2024 của BVBank

2.1.7. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Trong thời gian tới, kinh tế Việt Nam được dự báo vẫn tiếp tục tiềm ẩn nhiều thách thức và rủi ro do ảnh hưởng của tình hình bất ổn kinh tế, địa chính trị thế giới nói chung cũng như những khó khăn nội tại của nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Những khó khăn đó có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Ngân Hàng. Tuy nhiên, BVBank đang tích cực thực hiện các biện pháp phòng ngừa, quản lý rủi ro đồng thời nỗ lực tối đa để hoàn thành kế hoạch kinh doanh đã được thông qua.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 43: Tình hình tài chính (Hợp nhất và Riêng lẻ)

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. Vốn tự có						
Vốn điều lệ	3.671	5.017	5.518	3.671	5.017	5.518
Vốn tự có	7.803	7.697	8.024	7.753	7.673	7.990

Chi tiêu	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	13,15%	11,33%	11,90%	13,04%	11,27%	11,85%
2. Chất lượng tài sản						
Tỷ lệ nợ quá hạn/ Tổng dư nợ (theo TT11)	4,67%	4,50%	3,69%	4,67%	4,50%	3,69%
Tỷ lệ nợ xấu/ Tổng dư nợ (theo TT11)	2,41%	2,77%	2,59%	2,41%	2,77%	2,59%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các TCTD khác)/ Tổng tài sản	77,24%	79,96%	79,49%	77,14%	79,96%	79,41%
Tài sản có sinh lời/ Tổng tài sản có nội bảng	94,55%	94,51%	95,01%	94,43%	94,40%	94,92%
3. Khả năng thanh khoản						
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/ Tổng tài sản bình quân	13,59%	15,20%	12,40%	13,58%	15,19%	12,39%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	16,58%	19,96%	24,03%	16,53%	19,92%	23,98%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/ Tổng tiền gửi	74,14%	72,78%	76,78%	73,99%	72,65%	76,66%
4. Kết quả hoạt động kinh doanh						
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	9,39%	1,30%	6,51%	9,44%	1,30%	6,54%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản bình quân	0,58%	0,09%	0,42%	0,58%	0,09%	0,42%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	2,30%	1,90%	2,63%	2,30%	1,90%	2,63%
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	0,46%	0,07%	0,33%	0,46%	0,07%	0,33%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	7,49%	1,02%	5,19%	7,54%	1,03%	5,21%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	992	120	564	991	120	564

Chỉ tiêu	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Thu nhập dịch vụ/ Tổng thu nhập	11,47%	13,43%	11,13%	11,48%	13,45%	11,14%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/ Lợi nhuận trước thuế	21,88%	75,99%	9,61%	21,90%	76,47%	9,62%

Nguồn: BCTC hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2022, 2023 và BCTC hợp nhất và riêng lẻ 09 tháng đầu năm 2024 của BVBank

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: Không có.

3. Ý kiến của kiểm toán về Báo cáo tài chính của BVBank qua các năm

3.1. Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2022 do Công ty TNHH KPMG Việt Nam ban hành

- Báo cáo kiểm toán độc lập số 22-01-00381-23-2 ngày 30/03/2023 về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022

- Ý kiến của kiểm toán viên:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

- Báo cáo kiểm toán độc lập số 22-01-00381-23-1 ngày 30/03/2023 về Báo cáo tài chính riêng lẻ năm 2022

- Ý kiến của kiểm toán viên:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

3.2. Báo cáo tài chính kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31/12/2023 do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam ban hành

- Báo cáo kiểm toán độc lập số tham chiếu 61938007/67530520-HN ngày 25/03/2024 về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023

- Ý kiến của kiểm toán viên:
“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất”.
- Vấn đề khác: Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 30 tháng 03 năm 2023.
- Báo cáo kiểm toán độc lập số tham chiếu 61938007/67530520-R ngày 25/03/2024 về Báo cáo tài chính riêng năm 2023
 - Ý kiến của kiểm toán viên:
“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng”.
 - Vấn đề khác: Báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính riêng đó vào ngày 30 tháng 03 năm 2023.

3.3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam ban hành

- Báo cáo soát xét số tham chiếu 61938007/67868012-SX-HN ngày 13/08/2024 về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2024
 - Kết luận của kiểm toán viên:
“Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.”
- Báo cáo soát xét số tham chiếu 61938007/67868012-SX-R ngày 13/08/2024 về báo cáo tài chính riêng lẻ giữa niên độ tại ngày 30/06/2024
 - Kết luận của kiểm toán viên:

“Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Ngân hàng cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.”

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Bảng 44: Tình hình lợi nhuận và cổ tức của Ngân hàng năm 2024

Đơn vị: tỷ đồng

ST T	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	% Thực hiện 2024 so với kế hoạch 2024	% Thực hiện 2024 so với thực hiện 2023
1	Thu nhập lãi thuần	1.479	2.374	2.306	97,15%	155,97%
2	Lợi nhuận sau thuế	57	160	311	194,53%	550,23%
3	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Thu nhập lãi thuần	3,83%	7,8%	13,50%	173,03%	352,77%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	1,02%	2,71%	5,19%	191,51%	508,82%
5	Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-	-

Nguồn: BVBank

• **Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên**

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2024 của BVBank nêu trên được xây dựng dựa trên Kế hoạch tài chính năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 của BVBank thông qua ngày 19/04/2024.

• **Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên**

Hiện tại, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đang xây dựng kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2025 để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024, thu nhập lãi thuần và lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng trong năm 2024 lần lượt đạt 2.306,2 tỷ đồng và 311,3 tỷ đồng, tương ứng đạt 97,1% và 194,5% so với kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thường niên thông qua. Ngân hàng vượt xa kế hoạch lợi nhuận sau thuế nhờ giảm nhanh chi phí vốn thông qua điều hành chính sách lãi suất huy động linh hoạt, điều chỉnh kịp thời theo xu hướng giảm lãi suất chung trên thị trường. Theo đó, nguồn vốn huy động được điều tiết nhịp nhàng, phù hợp với tình hình tăng dư nợ đảm bảo tối ưu hóa sử dụng vốn, giúp chi phí lãi giảm 23% so với năm trước. Bên cạnh đó, chi phí hoạt động tiếp tục được kiểm soát tốt theo định hướng, tăng 5% so với năm 2023. Trong đó, chi ưu tiên các chi phí phục vụ trực tiếp hoạt động kinh doanh, tối ưu hóa các hạng mục chi phí không trực tiếp phục vụ kinh doanh như hội thảo, chương trình quảng cáo, kỷ niệm thành lập ngân hàng và

hạn chế đầu tư các dự án không trọng điểm. Theo đó, chỉ số CIR (Chi phí hoạt động/ Thu nhập thuần) giảm mạnh về mức 59,5% so với mức 80,2% của năm 2023

• **Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức**

Với tư cách là một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Tổ Chức Phát Hành đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho Vietcap và cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Tổ Chức Phát Hành đưa ra là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng đặc biệt lưu ý trong trường hợp diễn biến phức tạp hơn của tình trạng toàn cầu, suy giảm tăng trưởng kinh tế thế giới, chiến tranh giữa các nước trên thế giới diễn biến phức tạp, khủng hoảng năng lượng, lương thực và nguyên vật liệu sản xuất trên thế giới có thể ảnh hưởng sâu rộng lên nền kinh tế toàn cầu. Những rủi ro nêu trên có thể trực tiếp/gián tiếp ảnh hưởng lên hoạt động kinh doanh của Công ty và kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.

Ngoài ra, chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Tổ Chức Phát Hành.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Ngân hàng được thành lập ngày 22/08/1992 và đến thời điểm hiện tại, các quy định hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Hiện tại Ngân Hàng không có cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát

Bảng 45: Danh sách Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

STT	Tên	Năm sinh	Chức danh
I	Hội đồng quản trị		
1	Ông Lê Anh Tài	1972	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Thanh Phượng	1980	Thành viên thường trực HĐQT
3	Ông Ngô Quang Trung	1973	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Nhật Nam	1981	Thành viên HĐQT

STT	Tên	Năm sinh	Chức danh
5	Ông Phạm Quang Khánh	1985	Thành viên HĐQT độc lập
II	Ban Tổng Giám đốc		
1	Ông Ngô Quang Trung	1973	Tổng Giám đốc
2	Bà Văn Thành Khánh Linh	1979	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Phan Việt Hải	1979	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Thanh Tú	1983	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Lê Văn Bé Mười	1972	Phó Tổng Giám đốc
III	Ban Kiểm soát		
1	Bà Phan Thị Hồng Lan	1967	Trưởng BKS
2	Ông Lê Hoàng Nam	1974	Thành viên BKS
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý	1973	Thành viên BKS
IV	Kế toán trưởng		
1	Ông Lý Công Nha	1967	Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng Quản trị

3.1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị - Ông Lê Anh Tài

Họ và tên:	LÊ ANH TÀI
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1972
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế TP.HCM
Kinh nghiệm công tác:	
• 1991 - 04/1995	Sinh viên Trường Đại học Kinh tế TP.HCM
• 04/1995 – 10/1996	Nhân viên kế toán, kế toán trưởng Công ty Lê Nhân
• 11/1996 – 03/2001	Chuyên viên tín dụng, tổ trưởng tổ tiếp thị kiêm Tổ trưởng tổ định giá tài sản Ngân hàng TMCP Tân Việt
• 04/2001 – 06/2002	Chuyên viên Phòng KSNB Hội sở chính Ngân hàng TMCP Á Châu
• 07/2002 – 05/2003	Chuyên viên Phòng tín dụng doanh nghiệp Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN TP.HCM
• 06/2003 – 02/2007	Trưởng phòng Kế hoạch và Đầu tư Hội sở, Giám đốc CN Tân Bình, Bến Thành và Tân Định Ngân hàng TMCP Nam Á
• 03/2007 – 04/2010	Giám đốc Khối kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa (Thái Bình Dương)
• 05/2010 – 10/2011	Phó Ban Tái cơ cấu Ban Tái cơ cấu Ngân hàng TMCP Việt Hoa
• 05/2012 – 08/2012	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long
• 08/2012 – 04/2013	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 05/2013 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Bản Việt

Các chức vụ công tác hiện nay:

- + Chức vụ tại tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
 + Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ: 15.809.528 cổ phần, chiếm 2,86484 % tổng số cổ phiếu đang lưu hành
 + Sở hữu cá nhân: 15.809.528 cổ phần, chiếm 2,86484 % tổng số cổ phiếu đang lưu hành
 + Đại diện phần vốn của tổ chức khác: Không có
 Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
 Cá nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH: Bà Huỳnh Thanh Phương (Vợ) nắm giữ 253 cổ phần, chiếm 0,000045 % tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
 Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của TCPH: Không có
 Những khoản nợ đối với TCPH: Không có
 Quyền lợi mâu thuẫn với TCPH: Không có
 Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

+ Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT đến hết ngày 31/12/2024:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/ loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/ giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Lê Anh Tài	Chủ tịch HĐQT	Tiền gửi/ Tiết kiệm	291	2022		Số dư tại 31/12/2022
			728	2023		Số dư tại 31/12/2023
			225	2024		Số dư tại 31/12/2024

+ Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại như sau:

Năm	Thù lao cơ bản (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2022	2.269	Không có	Không có
2023	2.380	Không có	15% bằng cổ phiếu cho CĐHH
2024	2.403	Không có	10% bằng cổ phiếu cho CĐHH

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

3.1.2. Thành viên thường trực HĐQT - Bà Nguyễn Thanh Phương

Họ và tên:	NGUYỄN THANH PHƯƠNG
Giới tính:	Nữ
Năm sinh:	1980
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Đại học International University in Geneva, Cử nhân kinh tế Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội
Kinh nghiệm công tác:	
• 10/1997 – 7/2001	Sinh viên Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội
• 10/2001 – 12/2003	Theo học chương trình thạc sỹ tại Đại học International University in Geneva
• 4/2004 – 5/2006	Phó Giám đốc tài chính Công ty Holcim Vietnam Ltd
• 6/2006 – 8/2007	Giám đốc đầu tư Vietnam Holding Asset Management
• 10/2007 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt
• 11/2007 – nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Vietcap
• 5/2007 – nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Bất động sản Bản Việt
• 2/2012 – nay	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 11/2015 – nay	Thành viên HĐQT Công Ty TNHH Phoenix Holdings
• 05/2020 – nay	Thành viên HĐQT Công Ty TNHH Gooday Hospitality
Các chức vụ công tác hiện nay:	
+ Chức vụ tại tổ chức phát hành:	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
+ Chức vụ tại tổ chức khác:	Chủ tịch HĐQT Công Ty CP Chứng Khoán Vietcap Chủ tịch HĐQT Công Ty CP Quản Lý Quỹ & Đầu tư Chứng khoán Bản Việt Thành viên HĐQT Công Ty CP Bất Động Sản Bản Việt Thành viên HĐQT Công Ty TNHH Phoenix Holdings Thành viên HĐQT Công Ty TNHH Gooday Hospitality
Tổng số cổ phần nắm giữ:	25.153.331 cổ phần, chiếm 4,55803 % tổng số cổ phiếu đang lưu hành
+ Sở hữu cá nhân:	25.153.331 cổ phần, chiếm 4,55803 % tổng số cổ phiếu đang lưu hành
+ Đại diện phần vốn của tổ chức khác:	Không có
Các cam kết nắm giữ (nếu có) :	Không có

Cá nhân có liên quan nắm giữ tại Không có người liên quan sở hữu cổ phần
 TCPH:

Người có liên quan đồng thời là Không có
 người nội bộ của TCPH:

Những khoản nợ đối với TCPH: Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với TCPH: Không có

Lợi ích liên quan đối với TCPH:

+ Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT đến hết ngày 31/12/2024:

ST T	Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thanh Phượng	Thành viên thường trực HĐQT	Mua giấy tờ có giá	-	2022	Ban TGD	Số dư tại 31/12/2022
				-	2023	Ban TGD	Số dư tại 31/12/2023
				-	2024	Ban TGD	Số dư tại 31/12/2024
			Tiền gửi/Tiết kiệm	298.314	2022		Số dư tại 31/12/2022
				272.728	2023		Số dư tại 31/12/2023
				268.588	2024		Số dư tại 31/12/2024
2	Công ty CP Goodday Hospitality	Bà Nguyễn Thanh Phượng là cổ đông lớn và thành viên HĐQT của Công ty	Cho vay	72.148	2022	HĐQT	Số dư tại 31/12/2022
				95.379	2023	HĐQT	Số dư tại 31/12/2023
				102.417	2024	HĐQT	Số dư tại 31/12/2024
			Tiền gửi/Tiết kiệm	47.474	2022		Số dư tại 31/12/2022
				48.306	2023		Số dư tại 31/12/2023
				52.265	2024		Số dư tại 31/12/2024

3	Công ty CP Chứng khoán Vietcap	Bà Nguyễn Thanh Phượng là cổ đông lớn và thành viên HĐQT của Công ty	Số dư của BVB tại CTCP Chứng khoán Vietcap	930	2022	Ban TGD	Số dư tại 31/12/2022
				2.927	2023	Ban TGD	Số dư tại 31/12/2023
				408	2024	Ban TGD	Số dư tại 31/12/2024
			Tiền gửi/Tiết kiệm của CTCP CK Vietcap tại BVBank	423.749	2022		Số dư tại 31/12/2022
				43.825	2023		Số dư tại 31/12/2023
				137.789	2024		Số dư tại 31/12/2024
4	Công ty CP BĐS Bản Việt	Bà Nguyễn Thanh Phượng là thành viên HĐQT của Công ty	Tiền gửi/Tiết kiệm	599	2022		Số dư tại 31/12/2022
				620	2023		Số dư tại 31/12/2023
				3.148	2024		Số dư tại 31/12/2024
5	Công ty CP Quản lý quỹ Đầu tư chứng khoán Bản Việt	Bà Nguyễn Thanh Phượng là Chủ tịch HĐQT của Công ty	Tiền gửi/Tiết kiệm	47.378	2022		Số dư tại 31/12/2022
				47.629	2023		Số dư tại 31/12/2023
				40.259	2024		Số dư tại 31/12/2024
6	Công ty TNHH Phoenix Holdings	Bà Nguyễn Thanh Phượng là cổ đông	Tiền gửi/Tiết kiệm	3.779	2022		Số dư tại 31/12/2022
				2.526	2023		Số dư tại 31/12/2023

		lớn và thành viên HĐQT của Công ty		5.890	2024	Số dư tại 31/12/2024
--	--	------------------------------------	--	-------	------	----------------------

+ Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại như sau:

Năm	Thù lao cơ bản (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2022	1.745	Không có	Không có
2023	1.936	Không có	15% bằng cổ phiếu cho CĐHH
2024	1.788	Không có	10% bằng cổ phiếu cho CĐHH

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

3.1.3. Thành viên HĐQT - Ông Ngô Quang Trung

Họ và tên: NGÔ QUANG TRUNG
 Giới tính: Nam
 Năm sinh: 1973
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Trình độ học vấn: 12/12
 Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ thương mại, chuyên ngành Quản lý Quỹ Đại học New South Wales, Sydney Úc, Cử nhân ngân hàng Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội

Kinh nghiệm công tác:

- 08/1995 – 11/2000 Cán bộ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- 12/2000 – 04/2003 Phó phòng Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- 05/2004 – 09/2007 Trưởng phòng Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- 10/2007 – 06/2009 Phó Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
- 2007 – 2010 Ủy viên HĐQT, chủ tịch HĐQT, đại diện phần vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại Ngân

- 07/2009 – 12/2012 hàng TMCP Gia Định (nay là Ngân hàng TMCP Bản Việt)
 Giám đốc Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- 01/2013 – 01/2014 Tư vấn cao cấp về tài chính – ngân hàng Công ty TNHH Luật Bách Khoa
- 01/2014 – 03/2015 Phụ trách khu vực Công ty Quản lý rủi ro doanh nghiệp BlackIce (Canada).
- 04/2015 – 03/2016 Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
- 03/2016 – nay Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt

Các chức vụ công tác hiện nay:
 + Chức vụ tại tổ chức phát hành:

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt

+ Chức vụ tại tổ chức khác:
 Tổng số cổ phần nắm giữ:

Không có
 17.248.000 cổ phần, chiếm 3,12551% tổng số cổ phiếu đang lưu hành

+ Sở hữu cá nhân:

17.248.000 cổ phần, chiếm 3,12551% tổng số cổ phiếu đang lưu hành

+ Đại diện phần vốn của tổ chức khác:

Không có

Các cam kết nắm giữ (nếu có):

Không có

Cá nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH:

Không có người liên quan sở hữu cổ phần

Người có liên quan đồng thời là người

Không có

nội bộ của TCPH:

Những khoản nợ đối với TCPH:

Không có

Quyền lợi, mâu thuẫn với TCPH:

Không có

Lợi ích liên quan đối với TCPH:

+ Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT đến hết ngày 31/12/2024:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/ loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/ giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Ngô Quang Trung	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Tiền gửi/ Tiết kiệm	2.763	2022		Số dư tại 31/12/2022
			204	2023		Số dư tại 31/12/2023
			778	2024		Số dư tại 31/12/2024

Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại như sau:

Năm	Tiền lương (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2022	4.730	Không có	Không có
2023	4.589	Không có	15% bằng cổ phiếu cho CĐHH
2024	4.264	Không có	10% bằng cổ phiếu cho CĐHH

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

3.1.4. Thành viên HĐQT - Ông Nguyễn Nhất Nam

Họ và tên:	NGUYỄN NHẤT NAM
Giới tính:	Nam
Năm sinh:	1981
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân công nghệ thông tin, Cử nhân kinh tế
Kinh nghiệm công tác:	
• 09/1999 - 09/2011	Sinh viên Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên TPHCM, chuyên ngành Công nghệ thông tin
• 09/2001 - 09/2005	Sinh viên Trường Đại Học Kinh Tế TPHCM, chuyên ngành Quản trị kinh doanh (Thương mại)
• 09/2005 - 12/2006	Nhân viên Công ty Bia Rượu NGK Sài Gòn- CN Cà Mau
• 12/2006 - 09/2009	Nhân viên tín dụng Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa
• 09/2009 - 07/2010	Tổ trưởng tín dụng Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa
• 07/2010 - 10/2011	Quản lý điều hành Quỹ tiết kiệm Lữ Gia - CN Thống Nhất – Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa
• 11/2011 - 12/2011	Phó phòng phụ trách tín dụng - Ngân hàng TMCP Gia Định
• 12/2011 - 05/2012	Giám đốc Quản lý điều hành Trung tâm kinh doanh Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 05/2012 - 07/2015	Giám đốc Khởi phát triển kinh doanh Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 07/2015 - 06/2020	Giám đốc Khởi thăm định tín dụng Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 06/2020 đến nay	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
Các chức vụ công tác hiện nay:	
+ Chức vụ tại tổ chức phát hành:	Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt

Không có

+ Chức vụ tại tổ chức khác:

Tổng số cổ phần nắm giữ:

5.503.119 cổ phần, chiếm 0,99722% tổng số cổ phiếu đang lưu hành

+ Sở hữu cá nhân:

5.503.119 cổ phần, chiếm 0,99722% tổng số cổ phiếu đang lưu hành

+ Đại diện phần vốn của tổ chức khác:

Không có

Các cam kết nắm giữ (nếu có):

Không có

Cá nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH:

Bà Trần Thị Đăng Ngọc (Vợ) nắm giữ 5.789.256 cổ phần, chiếm 1,04907%.

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của TCPH:

Không có

Những khoản nợ đối với TCPH:

Không có

Quyền lợi, mâu thuẫn với TCPH:

Không có

Lợi ích liên quan đối với TCPH:

+ Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT đến hết ngày 31/12/2024:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/ loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/ giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Nguyễn Nhật Nam	Thành viên HĐQT	Tiền gửi/ Tiết kiệm	55	2022		Số dư tại 31/12/2022
			1.657	2023		Số dư tại 31/12/2023
			587	2024		Số dư tại 31/12/2024

+ Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại như sau:

Năm	Thù lao cơ bản (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2022	1.413	Không có	Không có
2023	1.489	Không có	15% bằng cổ phiếu cho CĐHH
2024	1.389	Không có	10% bằng cổ phiếu cho CĐHH

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

3.1.5. Thành viên HĐQT độc lập - Ông Phạm Quang Khánh

Họ và tên: PHẠM QUANG KHÁNH
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1985
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ học vấn: 12/12
Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại trường Đại học Bedfordshire (UK)

Kinh nghiệm công tác:

- 04/2003 đến 02/2007 Sinh viên Trường Bách Khoa Singapore
- 02/2007 đến 03/2009 Chuyên viên kỹ thuật Công ty Trans Infotech Việt Nam
- 04/2009 đến 12/2010 Chuyên viên kỹ thuật CTCP Dịch Vụ Thẻ Smartlink
- 12/2010 đến 07/2011 Chuyên viên Phòng kinh doanh CTCP Dịch Vụ Thẻ Smartlink
- 07/2011 đến 04/2012 Chuyên viên Văn phòng đại diện CTCP Dịch Vụ Thẻ Smartlink
- 05/2012 đến 03/2015 Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM CTCP Dịch Vụ Thẻ Smartlink
- 04/2015 đến 05/2015 Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM CTCP Chuyển mạch Tài chính Quốc Gia Việt Nam (CTCP Dịch Vụ Thẻ Smartlink sáp nhập vào)
- 06/2015 đến 06/2016 Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Bedfordshire (UK)
- 07/2016 đến 12/2016 Chuyên viên Văn phòng Đại diện TPHCM (Quay lại làm việc sau 01 năm học Thạc sỹ)
- 01/2017 đến nay Thành viên HĐQT độc lập - Ngân hàng TMCP Bản Việt
Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM - Công Ty Cổ Phần Thanh Toán Quốc Gia Việt Nam

Các chức vụ công tác hiện nay:

- + Chức vụ tại tổ chức phát hành:
- + Chức vụ tại tổ chức khác:

Thành viên HĐQT độc lập - Ngân hàng TMCP Bản Việt

Phó trưởng Văn phòng Đại diện TPHCM - Công Ty Cổ Phần Thanh Toán Quốc Gia Việt Nam

Tổng số cổ phần nắm giữ:

0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
0 cổ phần, chiếm 0% tổng số cổ phiếu đang lưu hành

+ Sở hữu cá nhân:

Không có
Không có

+ Đại diện phần vốn của tổ chức khác: Không có người liên quan sở hữu cổ phần

Các cam kết nắm giữ (nếu có):

Cá nhân có liên quan nắm giữ tại

TCPH:

Người có liên quan đồng thời là người Không có

nội bộ của TCPH:

Những khoản nợ đối với TCPH: Không có

Quyền lợi, mâu thuẫn với TCPH: Không có

Lợi ích liên quan đối với TCPH:

+ Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT đến hết ngày 31/12/2024:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/ loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/ giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Phạm Quang Khánh	Thành viên HĐQT	Tiền gửi/ Tiết kiệm	6	2022		Số dư tại 31/12/2022
			4	2023		Số dư tại 31/12/2023
			59	2024		Số dư tại 31/12/2024

Các khoản thù lao và lợi ích khác trong năm 2023 của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại như sau:

Năm	Thù lao cơ bản (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2022	225	Không có	Không có
2023	300	Không có	Không có
2024	296	Không có	Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác Không có

hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TCPH:

3.2. Ban Tổng Giám đốc

3.2.1. Tổng Giám đốc - Ông Ngô Quang Trung

Vui lòng xem phần 3.1.3.

3.2.2. Phó Tổng Giám đốc - Bà Văn Thành Khánh Linh

Họ và tên:

VĂN THÀNH KHÁNH LINH

Giới tính:

Nữ

Năm sinh:	1979
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - trường đại học Thương mại quốc tế tại Geneva, Thụy Sĩ
Kinh nghiệm công tác:	
• 04/2002 - 09/2004:	Chuyên viên Pháp lý Tổng Công ty XDCTGT 5 – Chi nhánh Miền Nam
• 09/2004 - 03/2007:	Chuyên viên Pháp lý Công ty Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất
• 03/2007 - 10/2008:	Chuyên viên Pháp lý Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
• 10/2008 - 07/2009:	Trưởng Bộ phận Pháp chế Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
• 07/2009 - 06/2010:	Phó Phòng Pháp lý và Tuân thủ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
• 07/2010 - 02/2013:	Trưởng phòng Pháp lý và Tuân thủ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
• 03/2013 - 12/2013:	Trưởng phòng Pháp chế - Tuân thủ Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 01/2014 - 07/2015:	Giám đốc Khối Quản lý rủi ro & Kiểm soát tuân thủ Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 08/2015 - 14/06/2023:	Giám đốc Khối Quản lý rủi ro Ngân hàng TMCP Bản Việt.
• 15/06/2023 - Nay:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
Các chức vụ công tác hiện nay:	
+ Chức vụ tại tổ chức phát hành:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
+ Chức vụ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ:	6.324.483 cổ phần, chiếm 1,14606% số lượng cổ phiếu đang lưu hành
+ Sở hữu cá nhân:	6.324.483 cổ phần, chiếm 1,14606% số lượng cổ phiếu đang lưu hành
+ Đại diện phần vốn của tổ chức khác:	Không có
Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của TCPH:	Không có
Những khoản nợ đối với TCPH:	Không có
Quyền lợi, mâu thuẫn với TCPH:	Không có
Lợi ích liên quan đối với TCPH:	
+ Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc đến hết ngày 31/12/2024:	

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/ loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/ giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Bà Văn Thành Khánh Linh	Phó TGD	Tiền gửi/ Tiết kiệm	3.807	2023		Số dư tại 31/12/2023
			2.930	2024		Số dư tại 31/12/2024
		Mua giấy tờ có giá	1.100	2023		Số dư tại 31/12/2023
			1.800	2024		Số dư tại 31/12/2024

Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng:

Năm	Tiền lương (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2022	-	Không có	Không có
2023	766,58	Không có	15% bằng cổ phiếu cho CĐHH
2024	1.571	Không có	10% bằng cổ phiếu cho CĐHH

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

3.2.3. Phó Tổng Giám đốc - Ông Phan Việt Hải

Họ và tên: PHAN VIỆT HẢI
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1979
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ học vấn: 12/12
Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật điện và máy tính, đại học RMIT – Úc
Kinh nghiệm công tác:

- 12/2001 – 02/2004: Phó Phòng CNTT Sở Khoa học Công nghệ Tp. HCM.
- 02/2004 – 06/2005: Quyền Trưởng Phòng CNTT Sở Thông tin và Truyền thông Tp. HCM
- 03/2007 – 06/2010: Trưởng Phòng Tư vấn CNTT KPMG Việt Nam
- 06/2010 – 11/2012: Trưởng Phòng cao cấp Kiểm soát CNTT và Quản lý tài sản CNTT Bảo hiểm Prudential Việt Nam
- 11/2012 - 12/2013: Trưởng Phòng Quản lý dự án Ngân hàng TMCP Bản Việt

- 01/2014 - 07/2016: Trưởng Phòng Hạ tầng Ngân hàng TMCP Bản Việt
 - 07/2016 - 14/06/2023: Giám đốc Khối Công nghệ thông tin Ngân hàng TMCP Bản Việt
 - 15/06/2023 - Nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
- Các chức vụ công tác hiện nay:
- + Chức vụ tại tổ chức phát hành: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
 - + Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số cổ phần nắm giữ: 8.252.321 cổ phần, chiếm 1,49540% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- + Sở hữu cá nhân: 8.252.321 cổ phần, chiếm 1,49540% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
- + Đại diện phần vốn của tổ chức khác: Không có
- Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
- Cá nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH: Không có người liên quan sở hữu cổ phần
- Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của TCPH: Không có
- Những khoản nợ đối với TCPH: Không có
- Quyền lợi, mâu thuẫn với TCPH: Không có
- Lợi ích liên quan đối với TCPH:

+ Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc đến hết ngày 31/12/2024:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Phan Việt Hải	Phó TGD	Tiền gửi/Tiết kiệm	4.033	2023		Số dư tại 31/12/2023
			1.440	2024		Số dư tại 31/12/2024

Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng:

Năm	Tiền lương (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2022	-	Không có	Không có
2023	1.058,22	Không có	15% bằng cổ phiếu cho CĐHH
2024	2.100	Không có	10% bằng cổ phiếu cho CĐHH

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

3.2.4. Phó Tổng Giám đốc - Ông Nguyễn Thanh Tú

Họ và tên: NGUYỄN THANH TÚ
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1983
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ học vấn: 12/12
Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Tài Chính Quốc Tế, đại học Leeds Beckett - Vương Quốc Anh

Kinh nghiệm công tác:

- 05/2007 - 04/2009: Nhân viên Văn phòng HĐQT Ngân hàng TMCP Gia Định
- 04/2009 – 01/2012: Trưởng Văn phòng kiêm Thư ký HĐQT Ngân hàng TMCP Gia Định
- 01/2012 - 04/2016: Trưởng Văn phòng kiêm Thư ký HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
- 04/2016 - 06/2019: Trưởng Văn phòng HĐQT Ngân hàng TMCP Bản Việt
- 06/2019 - 14/06/2023: Giám đốc Khối Hỗ trợ Ngân hàng TMCP Bản Việt
- 15/06/2023 - Nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
- 01/11/2024 – Nay: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Bản Việt

Các chức vụ công tác hiện nay:
+ Chức vụ tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
+ Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Bản Việt

Tổng số cổ phần nắm giữ: 7.422.097 cổ phần, chiếm 1,34496% tổng số cổ phiếu đang lưu hành

+ Sở hữu cá nhân: 7.422.097 cổ phần, chiếm 1,34496% tổng số cổ phiếu đang lưu hành

+ Đại diện phần vốn của tổ chức khác: Không có

Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có

Cá nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH: Bà Nguyễn Trần Thanh Trúc (chị ruột) sở hữu 4.216.665 cổ phần, chiếm 0,76410% tổng số cổ phiếu đang lưu hành

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của TCPH: Không có

Những khoản nợ đối với TCPH: Không có

Quyền lợi, mâu thuẫn với TCPH: Không có

Lợi ích liên quan đối với TCPH:

+ Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc đến hết ngày 31/12/2024:

STT	Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Tú	Phó TGD	Tiền gửi/ Tiết kiệm	3.108	2023		Số dư tại 31/12/2023
				3.074	2024		Số dư tại 31/12/2024
2	Công ty cổ phần Gold Coast Retail	Đại diện pháp luật	Tiền gửi/ Tiết kiệm	83	2023		Số dư tại 31/12/2023
				77	2024		Số dư tại 31/12/2024
3	Công ty cổ phần Seven System Việt Nam	Cổ đồng sáng lập	Tiền gửi/ Tiết kiệm	31.831	2023		Số dư tại 31/12/2023
				53.349	2024		Số dư tại 31/12/2024
			Cho vay	83.911	2023	HĐQT	Số dư tại 31/12/2023
				91.181	2024	HĐQT	Số dư tại 31/12/2024
4	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản - BVBank	Chủ tịch	Tiền gửi/tiết kiệm	134.825	2023	HĐQT	Số dư tại 31/12/2023
				134.880	2024	HĐQT	Số dư tại 31/12/2024

Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng:

Năm	Tiền lương (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2022	-	Không có	Không có
2023	755,78	Không có	15% bằng cổ phiếu cho CDHH
2024	1.541	Không có	10% bằng cổ phiếu cho CDHH

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

3.2.5. Phó Tổng Giám đốc - Ông Lê Văn Bé Mười

Họ và tên: LÊ VĂN BÉ MƯỜI
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1972
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ học vấn: 12/12
Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh; Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính trường Đại học Cần Thơ

Kinh nghiệm công tác:
• 09/2006 – 10/2012 Phó Giám đốc CN Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – CN An Giang
• 11/2012 – 10/2013 Giám đốc CN Ngân hàng TMCP Kỹ thương – CN An Giang
• 11/2013 – 04/2017 Giám đốc khu vực Tây Nam Bộ Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 05/2017 – nay Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt

Các chức vụ công tác hiện nay:
+ Chức vụ tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Bản Việt
+ Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ: 6.513.626 cổ phần, chiếm 1,180332% tổng số cổ phiếu đang lưu hành
+ Sở hữu cá nhân: 6.513.626 cổ phần, chiếm 1,180332% tổng số cổ phiếu đang lưu hành

+ Đại diện phần vốn của tổ chức khác: Không có
Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
Cá nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH: Không có

Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của TCPH: Không có

Những khoản nợ đối với TCPH: Không có
Quyền lợi, mâu thuẫn với TCPH: Không có

Lợi ích liên quan đối với TCPH:

+ Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên Ban Tổng Giám đốc đến hết ngày 31/12/2024:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Lê Văn Bé Mười	Phó TGD	Tiền gửi/Tiết kiệm	53	2022		Số dư tại 31/12/2022
			62	2023		Số dư tại 31/12/2023
			119	2024		Số dư tại 31/12/2024

Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Tổng Giám đốc được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng:

Năm	Tiền lương (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2022	-	Không có	Không có
2023	2.327,11	Không có	15% bằng cổ phiếu cho CDHH
2024	2.153	Không có	10% bằng cổ phiếu cho CDHH

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

3.3. Ban Kiểm soát

3.3.1. Trưởng Ban kiểm soát - Bà Phan Thị Hồng Lan

Họ và tên: PHAN THỊ HỒNG LAN
Giới tính: Nữ
Năm sinh: 1967
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Trình độ học vấn: 12/12
Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
Kinh nghiệm công tác:

- 1986 – 1990 Sinh viên Trường Đại học Kinh tế
- 1990 – 1995 Kế toán tổng hợp Trung tâm kỹ thuật chất dẻo
- 1995 – 1997 Kế toán công nợ Công ty Sữa Dutch Lady
- 1997 – 2007 Kế toán tổng hợp Công ty LD American Home
- 2007 - 3/2013 Kế toán trưởng CTCP QLQ ĐTCK Bản Việt
- 2011 - 3/2013 Kế toán trưởng CTCPPi Capital
- 2010 - 3/2013 Kế toán trưởng Công ty TNHH Giáo dục Bản Việt

- 4/2013 - nay Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt
- Các chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt
- + Chức vụ tại tổ chức phát hành: Không có
- + Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số cổ phần nắm giữ: Không có
- + Sở hữu cá nhân: Không có
- + Đại diện phần vốn của tổ chức khác: Không có
- Các cam kết nắm giữ (nếu có) : Không có
- Cá nhân có liên quan nắm giữ tại Không có
 TCPH:
- Người có liên quan đồng thời là người Không có
 nội bộ của TCPH:
- Những khoản nợ đối với TCPH: Không có
- Quyền lợi, mâu thuẫn với TCPH: Không có
- Lợi ích liên quan đối với TCPH:
- + Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS đến hết ngày 31/12/2024:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Bà Phan Thị Hồng Lan	Trưởng BKS	Tiền gửi/ Tiết kiệm	219	2022		Số dư tại 31/12/2022
			918	2023		Số dư tại 31/12/2023
			82	2024		Số dư tại 31/12/2024

+ Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng:

Năm	Thù lao cơ bản (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2022	997,55	Không có	Không có
2023	965,05	Không có	Không có
2024	1.186	Không có	Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

3.3.2. Thành viên Ban kiểm soát - Ông Lê Hoàng Nam

Họ và tên: LÊ HOÀNG NAM
 Giới tính: Nam
 Năm sinh: 1974
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Trình độ học vấn: 12/12
 Năng lực chuyên môn: Cử nhân Trung tâm đào tạo nghiên cứu khoa học ngân hàng; Cử nhân kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP. HCM

Kinh nghiệm công tác:

- 1992 – 1995 Sinh viên Trung tâm đào tạo nghiên cứu khoa học ngân hàng
- 4/1996 - 6/2009 Chuyên viên Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh TP. HCM
- 7/2009 - 7/2012 Kiểm toán nội bộ Công ty tài chính dầu khí Việt Nam – CN TP. HCM
- 8/2012 - 01/2013 Chuyên viên Phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ - Ngân hàng TMCP Bản Việt
- 01/2013 - 3/2014 Phó phụ trách kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Bản Việt
- 04/2014 – nay Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt

Các chức vụ công tác hiện nay:

+ Chức vụ tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt
 + Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
 Tổng số cổ phần nắm giữ: Không có
 + Sở hữu cá nhân: Không có
 + Đại diện phần vốn của tổ chức khác: Không có
 Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
 Cá nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH: Không có
 Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của TCPH: Không có
 Những khoản nợ đối với TCPH: Không có
 Quyền lợi, mâu thuẫn với TCPH: Không có
 Lợi ích liên quan đối với TCPH:

+ Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS đến hết ngày 31/12/2024:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Ông Lê Hoàng Nam	Thành viên	Tiền gửi/Tiết kiệm	42	2022		Số dư tại 31/12/2022

	BKS		2	2023	Số dư tại 31/12/2023
			24	2024	Số dư tại 31/12/2024

Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng:

Năm	Thù lao cơ bản (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2022	241,42	Không có	Không có
2023	298,14	Không có	Không có
2024	367	Không có	Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

3.3.3. Thành viên Ban kiểm soát - Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy

Họ và tên:	NGUYỄN THỊ THANH THÚY
Giới tính:	Nữ
Năm sinh:	1973
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Trình độ học vấn:	12/12
Năng lực chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế TP HCM
Kinh nghiệm công tác:	Sinh viên Trường Đại học Kinh tế TP HCM
• 10/1992 - 12/1996	Kế toán Ngân hàng TMCP Gia Định
• 12/1996 - 07/2004	Phụ trách Kế toán Phó CN Đa Kao - Ngân hàng TMCP Gia Định
• 07/2004 - 07/2006	Phó giám đốc CN Hàng Xanh - Ngân hàng TMCP Gia Định
• 07/2006 - 03/2012	Phó giám đốc CN Hàng Xanh - Ngân hàng TMCP Gia Định
• 03/2012 - 12/2013	Phó giám đốc CN Hàng Xanh - Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 12/2013 - 10/2014	Trưởng phòng kế toán Công ty AMC Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 10/2014 - 10/2015	Phó giám đốc phụ trách Công ty AMC Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 10/2015 - 08/2020	Giám đốc Công ty AMC Ngân hàng TMCP Bản Việt
• 08/2020 đến nay	Thành viên BKS Ngân hàng TMCP Bản Việt
Các chức vụ công tác hiện nay:	
+ Chức vụ tại tổ chức phát hành:	Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Bản Việt
+ Chức vụ tại tổ chức khác:	Không có
Tổng số cổ phần nắm giữ:	Không có

+ Sở hữu cá nhân: Không có
 + Đại diện phần vốn của tổ chức khác: Không có
 Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không có
 Cá nhân có liên quan nắm giữ tại TCPH:
 Người có liên quan đồng thời là người nội bộ của TCPH: Không có
 Những khoản nợ đối với TCPH: Không có
 Quyền lợi, mâu thuẫn với TCPH: Không có
 Lợi ích liên quan đối với TCPH:

+ Thông tin về giao dịch giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với Thành viên BKS và những người có liên quan của thành viên BKS đến hết ngày 31/12/2024:

Tên	Mối quan hệ	Tên hợp đồng/loại giao dịch	Giá trị hợp đồng/giao dịch (triệu đồng)	Thời điểm giao dịch	Cấp có thẩm quyền chấp thuận	Ghi chú
Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý	Thành viên BKS	Tiền gửi/Tiết kiệm	6	2022		Số dư tại 31/12/2022
			1.579	2023		Số dư tại 31/12/2023
			990	2024		Số dư tại 31/12/2024

Các khoản thù lao và lợi ích khác của thành viên BKS được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại như sau:

Năm	Thù lao cơ bản (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2022	526,15	Không có	Không có
2023	491,78	Không có	Không có
2024	560	Không có	Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

3.4. Kế toán trưởng

Họ và tên: LÝ CÔNG NHA
 Giới tính: Nam

			1.524	2024	Số dư tại 31/12/2024
--	--	--	-------	------	-------------------------

Các khoản thù lao và lợi ích khác của Kế toán trưởng được hưởng theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng. Thù lao và lợi ích khác tại BVBank trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại như sau:

Năm	Tiền lương (triệu đồng)	Lợi ích khác	
		ESOP	Thưởng cổ phiếu
2022	1.316,81	Không có	Không có
2023	1.475,36	Không có	15% bằng cổ phiếu cho CĐHH
2024	1.510	Không có	10% bằng cổ phiếu cho CĐHH

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với TCPH hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của TCPH: Không có

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu (Mười nghìn đồng/cổ phiếu)

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: **68.980.776** cổ phiếu (tỷ lệ thực hiện quyền 8:1)

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo mệnh giá: **689.807.760.000** đồng

5. Giá chào bán dự kiến

10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

Đại hội đồng cổ đông BVBank thông qua giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu, nhằm tăng khả năng thành công của đợt chào bán và khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của Ngân hàng.

7. Phương thức phân phối

a. Tỷ lệ phân phối

Số lượng cổ phiếu của đợt chào bán này sẽ được chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ 8:1 (Tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cho cổ đông, cổ đông nắm giữ 01 cổ phần sẽ được hưởng 01 quyền và cứ 08 quyền sẽ được mua 01 cổ phần phát hành thêm).

Đợt chào bán này không có bảo lãnh phát hành.

b. Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ, xử lý số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua, thực hiện không hết quyền mua

- Đối với số cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu, số cổ phiếu cổ đông được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần thập phân (nếu có) sẽ được tổng hợp lại và xử lý theo phương án xử lý số cổ phiếu lẻ dôi ra do làm tròn như bên dưới;

*Ví dụ: Tại ngày đăng ký cuối cùng, cổ đông Nguyễn Văn A sở hữu 125 cổ phần. Số cổ phần cổ đông Nguyễn Văn A được quyền mua là $125/8*1 = 15,625$ cổ phần. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần cổ đông Nguyễn Văn A được đăng ký mua là 15 cổ phần và 0,625 cổ phần sẽ được tổng hợp lại và xử lý theo phương án xử lý số cổ phần dôi ra do làm tròn (cổ phần lẻ) như bên dưới.*

- Số cổ phần dôi ra do làm tròn (cổ phần lẻ) và số cổ phần còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết sẽ được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác (kể cả các cổ đông của Ngân hàng có nhu cầu tăng sở hữu cổ phần) với nguyên tắc giá bán không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định

của pháp luật;

- Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phần theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy và HĐQT ban hành quyết định kết thúc đợt chào bán.
- Hạn chế chuyển nhượng: cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng. Cổ phần lẻ và cổ phần không được đăng ký mua hết, được chào bán cho nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng đăng ký mua tối thiểu: Không có
- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua: là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số cổ phiếu đôi ra do làm tròn hoặc/ và số cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết được HĐQT phân phối tiếp.
- Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu: Thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối được nêu trong lịch trình phân phối dự kiến tại Mục VI.9 Bản Cáo bạch này. Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu cụ thể tại Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng và đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.
- Phương thức thực hiện:
 - Cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua: Các cổ đông mở tài khoản và lưu ký cổ phiếu ở thành viên lưu ký nào sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu và nộp tiền tại thành viên lưu ký đó.
 - Cổ đông chưa thực hiện lưu ký sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu tại trụ sở Ngân hàng TMCP Bản Việt 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, TP HCM, và nộp tiền vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo đúng quy định của pháp luật.
 - Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán được giữ tại tài khoản phong tỏa được nêu tại Điểm 11. Mục VII. Bản cáo bạch này.
- Quyền lợi người mua cổ phiếu:
 - Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền từ chối quyền mua. Quyền mua cổ phiếu không được phép chuyển nhượng.
 - Sau khi Công ty tiến hành các thủ tục phân phối cổ phiếu, các cổ phiếu mới phát hành có quyền lợi và nghĩa vụ như cổ phiếu phổ thông, trừ các điều kiện về hạn chế chuyển nhượng đối với những cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua, thực hiện không hết quyền mua.
- Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu: không áp dụng.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

- Thời gian phân phối dự kiến tối đa đảm bảo trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực. Tuy nhiên, trong trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán ra công chúng trong thời hạn được cấp phép, Ngân hàng sẽ xin phép UBCKNN xem xét việc gia hạn phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 ngày.
- Thời gian tiến hành dự kiến: Quý I-II/2025, sau khi có Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng của UBCKNN.
- Cổ đông không thực hiện quyền mua theo thời gian thông báo xem như từ bỏ quyền mua cổ phiếu. Số cổ phiếu cổ đông từ bỏ quyền mua sẽ do Hội đồng quản trị quyết định phân phối theo quy định.
- Thời gian cụ thể sẽ được nêu chi tiết trên Thông báo chào bán cổ phiếu ra công chúng.
- Lịch trình phân phối cổ phiếu dự kiến như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN có hiệu lực	Ngày T
2	Công bố thông tin theo quy định về đợt chào bán	Ngày T – T+5
3	Thông báo chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	Ngày T+6 – T+7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	Ngày T+20
5	Ngày đăng ký cuối cùng	Ngày T+22
6	Phân bổ và thông báo quyền mua	Ngày T+22 – T+29
7	Nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền đặt mua	Ngày T+29 – T+49
8	Tổng hợp danh sách	Ngày T+54
9	HDQT ra quyết định và thực hiện xử lý cổ phiếu do cổ đông hiện hữu không đăng ký, không nộp tiền mua và cổ phiếu lẻ (nếu có)	Ngày T+58 – T+73
10	Báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN	Ngày T+74
11	Chuyển giao cổ phiếu cho nhà đầu tư; Đăng ký lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung	Ngày T+74 – T+83
12	Cổ phiếu phát hành thêm chính thức được giao dịch trên HNX	Ngày T+84 – T+90

10. Phương thức thực hiện quyền (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi)

Đợt chào bán này của Công ty là chào bán cổ phiếu phổ thông, không phải là đợt chào bán cổ phiếu ưu đãi.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng.

Số cổ phần dôi ra do làm tròn (cổ phần lẻ) và số cổ phần còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (là ngày kết

thúc việc thu tiền mua chứng khoán được chào bán từ các nhà đầu tư), đảm bảo tuân thủ quy định tại Khoản 2, Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và các quy định pháp luật có liên quan.

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu từ đợt chào bán sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa theo thông tin sau:

- Chủ tài khoản: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Bản Việt
- Số tài khoản: 8690035990
- Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
- Loại tiền tài khoản: VND

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Ngày 08/07/2024, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Văn bản số 5624/NHNN-TTGSNN về việc BVBank đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ. Theo đó, NHNN có ý kiến sau:

- Chấp thuận việc BVBank tăng vốn điều lệ tăng thêm tối đa 1.391.490.000.000 đồng dưới hình thức:
 - ✓ Phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu tối đa: 501.680.000.000 đồng
 - ✓ Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tối đa: 689.810.000.000 đồng
 - ✓ Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động: 200.000.000.000 đồng
- NHNN yêu cầu BVBank:
 - ✓ Thực hiện việc tăng vốn theo quy định của pháp luật, bao gồm việc tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần của cổ đông, cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn của NHNN sau khi tăng vốn điều lệ.
 - ✓ Chỉ được thực hiện tăng vốn theo quy định khi tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.
 - ✓ Thông báo bằng văn bản cho các tổ chức, cá nhân mua cổ phần của BVBank thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của cổ đông theo đúng quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan (Thông tư số 50), trong đó phải lưu ý nhà đầu tư phải:
 - Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại BVBank; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của BVBank; không được góp vốn, mua cổ phần của BVBank dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
 - Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho BVBank thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư tại BVBank. BVBank có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp phát hiện cổ đông này không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

- Chịu trách nhiệm tuân thủ quy định của Luật Các tổ chức tín về giới hạn sở hữu cổ phần của cổ đông, cổ đông và người có liên quan.
 - Chịu trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật về cổ đông lớn, cổ đông lớn và người có liên quan
 - Bảo mật thông tin được tổ chức tín dụng cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổ chức tín dụng; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin được tổ chức tín dụng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- ✓ Trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc phát hành cổ phiếu theo quy định của pháp luật, BVBank thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 và Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 50.

14. Hủy bỏ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán không được sử dụng để thực hiện dự án, do đó đợt chào bán này không thuộc trường hợp bị hủy bỏ đợt chào bán khi không đảm bảo tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu.

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Theo Nghị quyết HĐQT số 122/24/BVBank/NQ-HĐQT ngày 24/09/2024, HĐQT thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng đúng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Ngân hàng theo quy định pháp luật và theo quyết định của ĐHCĐ & Điều lệ Công ty là 5% (căn cứ Công văn số 3248/UBCK-PTTT ngày 30/06/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Ngân hàng).
- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 24/01/2025, Ngân hàng có 33 cổ đông nước ngoài nắm giữ 0,0711% tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Ngân hàng phát hành cổ phiếu để tăng vốn theo hình thức phát hành cổ phiếu ra công chúng (cho cổ đông hiện hữu) theo tỷ lệ 8:1 và quyền mua không được phép chuyển nhượng, do đó trong trường hợp các cổ đông nước ngoài thực hiện toàn bộ quyền mua thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài vẫn đảm bảo tuân thủ theo quy định.
- Trong trường hợp có sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong thời gian phân phối cổ phiếu, BVBank sẽ phối hợp với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) để phân bổ và đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt mức tối đa 5%.
- Trong trường hợp Số cổ phần đòi ra do làm tròn (cổ phần lẻ) và số cổ phần còn dư do cổ đông không đăng ký mua hết được HĐQT quyết định tiếp tục phân phối cho các đối tượng khác, HĐQT cam kết thực hiện phân bổ hợp lý, đảm bảo tỷ lệ tuân thủ quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại BVBank.

16. Các loại thuế có liên quan

a. Các loại thuế liên quan đến Tổ chức phát hành

- ✓ Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Ngân hàng và Công ty con đang thực hiện áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp là 20% tính trên lợi nhuận chịu thuế.

- ✓ Thuế giá trị gia tăng: Theo quy định của Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2009, Công ty không chịu thuế GTGT đối với hoạt động tín dụng, chỉ chịu thuế suất 10% đối với hoạt động dịch vụ.
- ✓ Các loại thuế khác: Thuế môn bài, phí, lệ phí, các loại thuế khác ... của Công ty được thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước.

b. Các loại thuế liên quan đến cổ phiếu chào bán

- **Đối với nhà đầu tư cá nhân:** Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH-12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Thuế Thu nhập cá nhân có quy định.

Thu nhập từ cổ tức và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu phải chịu thuế thu nhập cá nhân với mức thuế suất như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ cổ tức:

Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5% (năm phần trăm); và

trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp nhận cổ tức bằng tiền mặt và trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu.

- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu: 0,1% (không phải một phần trăm) tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

- **Thuế áp dụng với nhà đầu tư tổ chức:** Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất

Trong đó:

Thu nhập tính thuế: bằng Tổng giá trị cổ phiếu bán ra trong kỳ - Tổng giá mua cổ phiếu được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán cổ phiếu; và

Thuế suất: bằng 20% (hai mươi phần trăm).

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam mà tổ chức này không hoạt động theo Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất

Trong đó:

Thu nhập tính thuế: bằng tổng doanh thu bán Cổ Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng; và

Thuế suất: bằng 0,1% (không phải một phần trăm).

17. Thông tin về các cam kết

BVBank cam kết:

- Triển khai các thủ tục thực hiện việc đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ số cổ phiếu được chào bán thêm trên Sở giao dịch chứng khoán ngay sau khi kết thúc đợt chào bán và đảm bảo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
- Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

- Việc chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

18. Thông tin về các chứng khoán khác được phát hành trong cùng đợt

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của BVBank thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu nhằm nâng cao năng lực tài chính, tăng quy mô vốn hoạt động và tăng khả năng cạnh tranh, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của Ngân hàng.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên BVBank số 01/24/BVBank/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2024 và Nghị quyết HĐQT số 122/24/BVBank/NQ-HĐQT ngày 24/09/2024 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu 2024, toàn bộ số tiền từ thu được từ đợt chào bán, dự kiến là 689.807.760.000 đồng sẽ được BVBank sử dụng để bổ sung vốn cho vay. Thời gian dự kiến sử dụng số tiền cho mục đích này trong năm 2025 tùy thuộc vào tình hình thực tế nhu cầu giải ngân vốn của khách hàng, tỷ lệ tăng trưởng tín dụng tối đa mà BVBank được Ngân hàng nhà nước cấp tại thời điểm đó.

Năm 2023, dư nợ cho vay khách hàng của Công ty đạt 57.768 tỷ đồng tăng 14% so với năm 2022. Theo kế hoạch kinh doanh năm 2024 được ĐHĐCĐ thường niên thông qua, dư nợ cấp tín dụng kế hoạch năm 2024 của Ngân hàng là 65.937 tỷ đồng, tiếp tục tăng trưởng 14% so với năm 2023 và tăng 8.169 tỷ đồng về số tuyệt đối. Dự kiến năm 2025, Ngân hàng kế hoạch tiếp tục giữ vững đà tăng trưởng, do đó, số tiền thu được từ đợt chào bán này sẽ được sử dụng để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng dư nợ tín dụng theo kế hoạch nêu trên.

Là một tổ chức tín dụng, nhu cầu về nguồn vốn trung và dài hạn để phục vụ việc cho vay khách hàng luôn luôn là một nhu cầu rất lớn và thường xuyên đồng thời hoạt động cho vay cần phải linh hoạt cân đối giữa việc đảm bảo an toàn vốn và đáp ứng các nhu cầu phù hợp của khách hàng. Tùy thuộc vào tình hình thực tế, BVBank sẽ chủ động điều tiết thời gian sử dụng các nguồn vốn cho phù hợp với thực tế.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP

Địa chỉ: Tháp Tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-28) 3914 3588

Fax: (84-28) 3914 4531

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 6, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (024) 6262 6999

Fax : (024) 6278 2688

Website: www.vietcap.com.vn

Ý kiến của tổ chức tư vấn đối với đợt chào bán:

Với vai trò là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (Vietcap) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá khách quan về đợt chào bán như sau:

BVBank là một trong các ngân hàng uy tín tại Việt Nam với tình hình tài chính lành mạnh và tiềm năng phát triển trong tương lai. Theo phương án phát hành đã được ĐHĐCĐ thông qua, và chi tiết phương án sử dụng vốn được HĐQT phê duyệt, tổng số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn cho vay của BVBank sẽ là yếu tố góp phần gia tăng hiệu quả kinh

doanh của Ngân hàng, đóng góp vào sự tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận; đồng thời tạo cơ hội cho các nhà đầu tư sở hữu thêm cổ phiếu BVBank.

Tổng khối lượng chào bán đợt này là **68.980.776** cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá là **689.807.760.000** đồng, tương ứng 12,5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của BVBank. Việc chào bán với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn so với giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2024 (11.153 đồng/cổ phiếu) và giá giao dịch của cổ phiếu BVB ở thời điểm hiện tại. Vì vậy, Tổ chức tư vấn đánh giá việc chào bán thành công có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán. Những ý kiến nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi có quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Tổ Chức Phát Hành.

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH KPMG - Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Trụ sở chính: Tầng 46, Keangnam Landmark 72, E6 đường Phạm Hùng, Mỹ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3946 1600

Website: kpmg.com.vn

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM - Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023, Tổ chức soát xét Báo cáo tài chính bán niên 2024

Trụ sở chính: Tầng 20, Tháp Tài chính Bitexco, Số 2, Đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3824 5252

Website: https://www.ey.com/vi_vn

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Theo Văn bản số 5624/NHNN-TTGSNN ngày 08/07/2024, Ngân hàng Nhà nước chấp thuận BVBank tăng vốn điều lệ tăng thêm tối đa 1.391.490.000.000 đồng dưới hình thức phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu (tối đa 501.680.000.000 đồng), chào bán cho cổ đông hiện hữu (tối đa 689.810.000.000 đồng) và phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (tối đa 200.000.000.000 đồng) đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và 2024 của BVBank thông qua tại Nghị quyết số 01/23/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 và Nghị quyết số 01/24/BVBank/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/04/2024; Hội đồng quản trị BVBank thông qua tại Nghị quyết số 122/24/BVBank/NQ-HĐQT ngày 24/09/2024.

BVBank sẽ triển khai việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động sau khi chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm đảm bảo theo đúng phương án được ĐHĐCĐ thông qua.

XII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301378892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 19 tháng 06 năm 2023;

Giấy phép hoạt động số 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22 tháng 8 năm 1992.

2. Phụ lục II

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/24/BVBank/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/4/2024 của BVBank kèm theo Tờ trình số 52/24/BVBank/TT-HĐQT ngày 28/03/2024 về Phương án tăng vốn điều lệ năm 2024;

Nghị quyết HĐQT số 122/24/BVBank/NQ-HĐQT ngày 24/09/2024 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu 2024;

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 123/24/BVBank/NQ-HĐQT ngày 24/09/2024 thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

3. Phụ lục III

Điều lệ Ngân hàng TMCP Bản Việt.

4. Phụ lục IV

Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022, 2023 được kiểm toán; Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 6 tháng đầu năm 2024 được soát xét; Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024.

5. Phụ lục V

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng năm 2023 cho kỳ kế toán từ ngày 12/6/2023 đến ngày 15/08/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2024 – 2025 (Đợt 1) cho kỳ kế toán từ ngày 30/09/2024 đến ngày 11/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng năm 2024 – 2025 (Đợt 2) cho kỳ kế toán từ ngày 16/01/2025 đến ngày 11/03/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12... tháng 03, năm 2025

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN BẢN VIỆT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



[Signature]
LÊ ANH TÀI

TỔNG GIÁM ĐỐC

[Signature]

NGÔ QUANG TRUNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Signature]

LÝ CÔNG NHA

TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETCAP
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
KIỂM GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HÀ NỘI



[Signature]
NGUYỄN QUANG BẢO